

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**



**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC  
NGÀNH CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC  
CỦA HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN  
(Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)**

**Nghệ An, tháng 11/2022**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC -  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

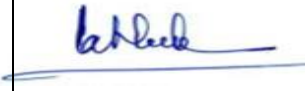







**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC  
NGÀNH CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC  
CỦA HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

**(Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)**

***Giai đoạn đánh giá: 2017-2022***

**Nghệ An, tháng 11/2022**

**DANH SÁCH**  
**CÁC THÀNH VIÊN ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên, cơ quan công tác</b>	<b>Trách nhiệm được giao</b>	<b>Chữ ký</b>
1	PGS.TS. Bùi Duy Cam, Nguyên Hiệu trưởng Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐH Quốc gia Hà Nội	Trưởng Đoàn	
2	TS. Trần Đình Quang, Trung tâm KĐCLGD-ĐHV	Thành viên thường trực	
3	TS. Phan Hùng Thư, Trung tâm KĐCLGD-ĐHV	Thư ký	
4	PGS.TS. Nguyễn Thái An, Trường ĐH Dược Hà Nội	Thành viên	
5	TS. Lê Huy Tùng, Trường ĐH Bách khoa Hà Nội	Thành viên	
6	PGS.TS. Phan Văn Hiếu, Trường ĐH Bách khoa Hà Nội	Thành viên	
7	TS. Nguyễn Văn Trung, Trường ĐH Vinh	Thành viên	
8	ThS. Nguyễn Thị Minh, Trung tâm KĐCLGD-ĐHV	Giám sát viên	

© Bản quyền và sở hữu thuộc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường ĐH Vinh. Mọi thông tin trong Báo cáo được bảo vệ theo quy định của pháp luật. Nghiêm cấm mọi hình thức sao chép, công bố bất cứ nội dung nào của Báo cáo này trái với các quy định liên quan trong pháp luật hiện hành.

## MỤC LỤC

Danh mục các chữ viết tắt	iv
<b>Phần I. TỔNG QUAN</b>	<b>1</b>
1. Giới thiệu chung	1
2. Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài	1
3. Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài	3
3.1. Tóm tắt những điểm mạnh của chương trình đào tạo	3
3.2. Tóm tắt những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo	6
3.3. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá và đánh giá ngoài	10
<b>Phần II. ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ</b>	<b>12</b>
<b>I. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo</b>	<b>12</b>
<i>Tiêu chí 1.1</i>	12
<i>Tiêu chí 1.2</i>	13
<i>Tiêu chí 1.3</i>	15
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 1	16
<b>II. Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo</b>	<b>17</b>
<i>Tiêu chí 2.1</i>	17
<i>Tiêu chí 2.2</i>	18
<i>Tiêu chí 2.3</i>	18
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 2	19
<b>III. Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học</b>	<b>20</b>
<i>Tiêu chí 3.1</i>	20
<i>Tiêu chí 3.2</i>	21
<i>Tiêu chí 3.3</i>	23
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 3	23
<b>IV. Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học</b>	<b>25</b>
<i>Tiêu chí 4.1</i>	25
<i>Tiêu chí 4.2</i>	26
<i>Tiêu chí 4.3</i>	28
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4	30
<b>V. Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học</b>	<b>31</b>
<i>Tiêu chí 5.1</i>	31
<i>Tiêu chí 5.2</i>	32
<i>Tiêu chí 5.3</i>	34
<i>Tiêu chí 5.4</i>	36
<i>Tiêu chí 5.5</i>	37
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 5	38
<b>VI. Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên</b>	<b>40</b>
<i>Tiêu chí 6.1</i>	40
<i>Tiêu chí 6.2</i>	42
<i>Tiêu chí 6.3</i>	43
<i>Tiêu chí 6.4</i>	45

<i>Tiêu chí 6.5</i>	46
<i>Tiêu chí 6.6</i>	47
<i>Tiêu chí 6.7</i>	49
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 6	50
<b>VII. Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên</b>	<b>53</b>
<i>Tiêu chí 7.1</i>	53
<i>Tiêu chí 7.2</i>	55
<i>Tiêu chí 7.3</i>	56
<i>Tiêu chí 7.4</i>	57
<i>Tiêu chí 7.5</i>	58
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7	60
<b>VIII. Tiêu chuẩn 8: người học và hoạt động hỗ trợ người học</b>	<b>61</b>
<i>Tiêu chí 8.1</i>	61
<i>Tiêu chí 8.2</i>	62
<i>Tiêu chí 8.3</i>	64
<i>Tiêu chí 8.4</i>	66
<i>Tiêu chí 8.5</i>	68
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 8	69
<b>IX. Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị</b>	<b>70</b>
<i>Tiêu chí 9.1</i>	70
<i>Tiêu chí 9.2</i>	72
<i>Tiêu chí 9.3</i>	73
<i>Tiêu chí 9.4</i>	74
<i>Tiêu chí 9.5</i>	76
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9	77
<b>X. Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng</b>	<b>78</b>
<i>Tiêu chí 10.1</i>	78
<i>Tiêu chí 10.2</i>	79
<i>Tiêu chí 10.3</i>	80
<i>Tiêu chí 10.4</i>	81
<i>Tiêu chí 10.5</i>	82
<i>Tiêu chí 10.6</i>	83
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 10	84
<b>XI. Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra</b>	<b>86</b>
<i>Tiêu chí 11.1</i>	86
<i>Tiêu chí 11.2</i>	87
<i>Tiêu chí 11.3</i>	89
<i>Tiêu chí 11.4</i>	90
<i>Tiêu chí 11.5</i>	92
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 11	93
<b>Phần III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ</b>	<b>95</b>
<b>Phần IV. PHỤ LỤC</b>	<b>v</b>

**DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT**

BLQ	Bên liên quan
CB	Cán bộ
CDR	Chuẩn đầu ra
CNXHKH	Chủ nghĩa Xã hội khoa học
CNTT	Công nghệ thông tin
CSGD	Cơ sở giáo dục
CSVC	Cơ sở vật chất
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
CVHT	Cổ vấn học tập
ĐCHP	Đề cương học phần
ĐGN	Đánh giá ngoài
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GS	Giáo sư
GV	Giảng viên
HVBC&TT	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
HV CTQG HCM	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
KT&ĐBCLĐT	Khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo
KĐCLGD-ĐHV	Kiểm định chất lượng giáo dục – Trường Đại học Vinh
KHCN	Khoa học công nghệ
KQHT	Kết quả học tập
KTĐG	Kiểm tra đánh giá
KTX	Kí túc xá
NTD	Nhà tuyển dụng
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NV	Nhân viên
PGS	Phó giáo sư
PPDH	Phương pháp dạy học
PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
SV	Sinh viên
TĐG	Tự đánh giá
ThS	Thạc sĩ
TS	Tiến sĩ

## **PHẦN I. TỔNG QUAN**

### **I. Giới thiệu**

Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài (ĐGN) thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Chủ nghĩa Xã hội khoa học (CNXHKKH) của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (HVBC&TT) được thành lập theo Quyết định số 511/QĐ-KĐCLV ngày 25/8/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh (KĐCLGD-ĐHV). Đoàn gồm có 07 chuyên gia ĐGN và 01 cán bộ (CB) giám sát, do PGS.TS. Bùi Duy Cam (số thẻ KĐV: 2017.01.224) làm Trưởng đoàn. Đoàn đã tổ chức các hoạt động ĐGN đúng theo qui định hiện hành.

Bản báo cáo này khái quát quá trình ĐGN, các kết quả đạt được và những kiến nghị đối với CTĐT ngành CNXHKKH của HVBC&TT. Báo cáo có các phụ lục:

- Phụ lục 1: Khái quát về HVBC&TT, Khoa CNXHKKH;
- Phụ lục 2: Tóm tắt kết quả tự đánh giá (TĐG) CTĐT ngành CNXHKKH;
- Phụ lục 3: Quyết định thành lập đoàn ĐGN;
- Phụ lục 4: Kế hoạch ĐGN;
- Phụ lục 5: Công văn của CSGD phản hồi về Dự thảo báo cáo ĐGN.
- Phụ lục 6: Công văn hỏi đáp của Đoàn chuyên gia ĐGN về phản hồi của CSGD đối với Dự thảo Báo cáo ĐGN.
- Phụ lục 7: Công văn của CSGD phản hồi về Dự thảo báo cáo ĐGN sau hỏi đáp của Đoàn chuyên gia Đánh giá ngoài về phản hồi của CSGD đối với Dự thảo báo cáo ĐGN.

Các nhận định, kết luận, đánh giá trong Báo cáo ĐGN này căn cứ trên các minh chứng, dữ liệu được Học Viện cung cấp tính đến thời điểm 11/10/2022, từ thực trạng của Học Viện cùng các thông tin phản hồi và kết quả khảo sát, phỏng vấn các bên liên quan (BLQ) trong quá trình đánh giá.

### **II. Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài**

Công cụ mà Đoàn ĐGN sử dụng là Bộ tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng CTĐT được ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo (GD&ĐT), gồm 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí, mức đánh giá mỗi tiêu chí theo thang đánh giá 7 mức.

Các phương pháp đánh giá đã được Đoàn ĐGN sử dụng:

+ Nghiên cứu Hồ sơ TĐG do Học Viện và Trung tâm KĐCLGD-ĐHV cung cấp để xác định những vấn đề cần làm rõ trong các hoạt động của Học viện, đối chiếu với các yêu cầu của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;

+ Nghiên cứu, kiểm tra hồ sơ, minh chứng tại thực địa để đánh giá độ tin cậy và tính xác thực của các thông tin mà Học Viện đã thể hiện trong Báo cáo TĐG;

+ Khảo sát, điều tra tại chỗ để xác thực tình trạng việc làm của sinh viên (SV) tốt nghiệp và lấy ý kiến đánh giá, góp ý cho Học Viện từ các BLQ;

+ Phỏng vấn, thảo luận với các đối tượng liên quan; quan sát, kiểm tra cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị và các hoạt động trong Học Viện để xác thực các thông tin và nhận định, đánh giá về thực trạng của Học viện.

Đoàn đã triển khai ĐGN theo các bước cụ thể như sau:

(1) *Nghiên cứu Hồ sơ TĐG*: Từ ngày 25/8/2022 - 08/9/2022

Đoàn ĐGN và Trung tâm KĐCLGD-ĐHV trao đổi, thống nhất nguyên tắc, phương pháp, tiêu chí đánh giá; lập kế hoạch ĐGN và phân công trách nhiệm phụ trách các tiêu chuẩn, tiêu chí cho các thành viên trong Đoàn. Các thành viên Đoàn nghiên cứu, nhận xét hồ sơ TĐG và đánh giá sơ bộ về những vấn đề đã rõ/chưa rõ; xác định các thông tin, minh chứng còn thiếu của các tiêu chuẩn, tiêu chí được phân công.

(2) *Họp Đoàn*: ngày 08/9/2022

Đoàn ĐGN và Trung tâm KĐCLGD-ĐHV đã họp trực tuyến để thảo luận về các vấn đề đã rõ/chưa rõ khi nghiên cứu hồ sơ TĐG; trao đổi, thống nhất về các hồ sơ, tài liệu, minh chứng yêu cầu Học Viện bổ sung; các CSVC cần quan sát, kiểm tra; các đối tượng và thành phần cần phỏng vấn; những công tác hậu cần mà Học viện, Trung tâm KĐCLGD-ĐHV và Đoàn ĐGN cần chuẩn bị. Đồng thời, thống nhất nội dung làm việc trong đợt khảo sát sơ bộ và dự kiến lịch trình khảo sát chính thức.

(3) *Khảo sát sơ bộ*: ngày 13/9/2022

Trưởng đoàn ĐGN, Thư kí, đại diện thành viên Đoàn đã tiến hành khảo sát sơ bộ tại HVBC&TT. Đoàn đã làm việc với Lãnh đạo Học viện, Hội đồng TĐG và đại diện các phòng, ban, trung tâm, khoa, bộ môn của Học viện. Đoàn đã báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ TĐG và trao đổi, thống nhất về lịch trình và công tác hậu cần chuẩn bị cho khảo sát chính thức của Đoàn tại Học viện. Đoàn đã thảo luận với Học viện và thống nhất về các tài liệu, minh chứng yêu cầu Học viện bổ sung; các CSVC cần quan sát, kiểm tra; số lượng và thành phần các đối tượng cần phỏng vấn...

Kết thúc đợt khảo sát, Lãnh đạo Trung tâm KĐCLGD-ĐHV, Trưởng đoàn ĐGN và Lãnh đạo Học viện đã ký kết Biên bản khảo sát sơ bộ.

(4) *Khảo sát chính thức*: từ ngày 07/10 - 11/10/2022

Đoàn đã thực hiện các hoạt động: kiểm tra hồ sơ, minh chứng, phỏng vấn trực tiếp với nhóm CB phụ trách các mảng hoạt động: Đào tạo; Nghiên cứu khoa, Hợp tác quốc tế; Công tác sinh viên; Tuyển sinh; Kế hoạch - Tài chính; Tổ chức - Nhân sự ;



Đảm bảo chất lượng giáo dục; Thư viện...; thảo luận và phỏng vấn chính thức, đồng thời lấy ý kiến đánh giá, góp ý của 06 nhóm đối tượng gồm tất cả các BLQ (70 người); gặp gỡ và phỏng vấn không chính thức với SV tại kí túc xá (KTX), thư viện, phòng thí nghiệm; thực hiện quan sát hoạt động của thư viện, phòng thực hành, kiểm tra ngẫu nhiên 75 tài liệu của 10 học phần trong CTĐT ngành CNXHKKH; kiểm tra CSVC, trang thiết bị và quan sát hoạt động tổ chức thi (hình thức thi trực tuyến); khảo sát về tình trạng việc làm (qua điện thoại) đối với 13 sinh viên tốt nghiệp năm 2020 và 2021. Đoàn cũng đã thu được từ các BLQ đến tham dự phỏng vấn 70 phiếu góp ý, tổng cộng có 412 ý kiến của CB, giảng viên (GV), SV, cựu SV và nhà tuyển dụng (NTD) về các hoạt động của Học viện.

Sau mỗi ngày làm việc, Đoàn tập trung thảo luận, tổng kết các vấn đề và thống nhất các nội dung đánh giá. Đồng thời, Đoàn dành thời gian để tiếp CB, GV và SV có nhu cầu gặp và trao đổi với Đoàn.

(4) *Viết dự thảo Báo cáo ĐGN*: Từ 12/10/2022 - 20/11/2022. Dự thảo Báo cáo ĐGN được toàn bộ thành viên trong Đoàn và CB giám sát của Trung tâm thông qua và được gửi để lấy ý kiến phản hồi của Học viện.

(5) *Hoàn thiện Báo cáo ĐGN*: sau khi nhận được văn bản phản hồi Dự thảo Báo cáo ĐGN CTĐT ngành CNXHKKH của HVBC&TT (ngày 29/11/2022), Đoàn chuyên gia ĐGN đã rà soát và hoàn thiện Báo cáo ĐGN. Báo cáo ĐGN chính thức đã được tất cả các thành viên của Đoàn ĐGN nhất trí thông qua ngày 01/12/2022. Đoàn đã gửi lại Báo cáo ĐGN chính thức cho Học Viện (qua Trung tâm KĐCLGD-ĐHV) theo đúng qui định.

### **III. Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài**

Đoàn chuyên gia ĐGN đã triển khai khảo sát chính thức tại HVBC&TT theo đúng kế hoạch, qui trình, đảm bảo tính khách quan, trung thực, công bằng, độc lập và dựa trên minh chứng. Các phát hiện chính như sau:

#### **1. Tóm tắt những điểm mạnh của chương trình đào tạo**

##### *(1) Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

Mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT được cập nhật, xây dựng đúng quy định, đã phổ biến đến các BLQ qua nhiều hình thức. CĐR của CTĐT thể hiện được các kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của người học cần đạt khi hoàn thành CTĐT đồng thời được định kỳ rà soát, điều chỉnh và ban hành vào các năm 2018 và 2020.

##### *(2) Bản mô tả CTĐT*

Bản mô tả CTĐT được xây dựng khoa học, công phu theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học, có tham khảo các ý kiến góp ý của các BLQ. Đề cương chi

tiết (ĐCCT) học phần được biên soạn theo mẫu thống nhất, đủ thông tin, phù hợp quy định. Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần sau khi ban hành đã được phổ biến đến các BLQ.

### *(3) Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học*

Chương trình dạy học (CTDH) được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR CTĐT, được rà soát, cập nhật và được công khai đến các BLQ. Phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá (KTĐG) của các học phần trong CTĐT tương đối phù hợp, đã góp phần vào việc thực hiện và đo lường mức độ đạt được CĐR của CTĐT.

### *(4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học*

Học viện đã ban hành văn bản chính thức công bố triết lí giáo dục gắn với mục tiêu, chiến lược phát triển và phổ biến rộng rãi đến các BLQ thông qua nhiều phương thức khác nhau. Các hoạt động dạy và học của CTDH được thiết kế nhằm đạt được CĐR và đáp ứng yêu cầu thực tiễn, đồng thời hướng đến việc giúp người học tích lũy kiến thức, có kĩ năng phát huy tính tích cực và chủ động trong học tập. Các hoạt động dạy và học của CTĐT được thiết kế và xây dựng nhằm đạt được CĐR, giúp người học tích lũy kiến thức, kĩ năng, phát huy tính tích cực và chủ động trong học tập.

### *(5) Đánh giá kết quả học tập của NH*

Học viện đã ban hành hệ thống các văn bản quy định về KTĐG kết quả học tập (KQHT) của người học và công khai tới SV và GV. Mỗi học phần đều được KTĐG bằng các hình thức và công cụ khác nhau nhằm đạt CĐR. Có các văn bản quy định rõ thời gian nơi công bố điểm thi với các hình thức tổ chức thi. Các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT được phổ biến rộng rãi tới người học và người học đã hài lòng về kết quả phản hồi trong KTĐG.

### *(6) Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên*

Học viện/Khoa ban hành khá đầy đủ các văn bản và triển khai thực hiện quy hoạch, tuyển dụng và bổ nhiệm đội ngũ GV trên cơ sở đánh giá thực trạng và nhu cầu đội ngũ; công tác tuyển dụng đội ngũ GV các khoa, kế hoạch ĐTBĐ (ĐTBĐ) cho GV được thực hiện hằng năm; đội ngũ GV của ngành đã gia tăng trong giai đoạn đánh giá; tỉ lệ GV/SV các năm học trong giai đoạn đánh giá đều đạt tỉ lệ theo quy định. Khối lượng công việc (khối lượng giảng dạy, NCKH và công tác khác) của GV được xác định và quy đổi rõ ràng theo từng vị trí, chức danh theo quy định làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại GV hằng năm học; công tác quản trị công việc của GV theo quy trình khá chặt chẽ từ phân công nhiệm vụ đầu năm đến đánh giá kết quả cuối mỗi học kì; việc đánh giá, phân loại, thi đua khen thưởng hằng năm được thực hiện công khai, minh bạch, không có khiếu nại gì.

*(7) Đội ngũ nhân viên*

Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên (NV) của Học viện/Khoa được tuân thủ theo Chiến lược phát triển HVBC&TT. Học viện đã tiến hành khảo sát tổng hợp nhu cầu về đội ngũ NV, tiến hành phân tích thực trạng đội ngũ NV hỗ trợ triển khai đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng (PVCĐ), đồng thời có chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ NV tuân thủ Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức và thông báo công khai bằng nhiều hình thức khác nhau; đã triển khai thực hiện đánh giá năng lực đội ngũ NV với quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí cụ thể; đã triển khai thu thập thông tin về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV hỗ trợ; đã ban hành Quy chế làm việc và phân công CB chuyên trách, Quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV.

*(8) người học và hoạt động hỗ trợ người học*

Có đề án tuyển sinh bao gồm các chính sách và quy định cụ thể đối với từng ngành đào tạo. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, được cập nhật hằng năm và được công khai trên các phương tiện thông tin. Có bộ phận chuyên trách và các quy trình/quy định giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của người học và cảnh báo học vụ. Có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ và thôi học của người học. Các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, thi đua, và nhiều dịch vụ hỗ trợ khác đã khuyến khích SV phấn đấu học tập, NCKH cũng như tu dưỡng, rèn luyện để đạt được những thành tích tốt. SV được học tập, nghiên cứu, rèn luyện và phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần trong một môi trường cảnh quan, xã hội và tâm lý thuận lợi.

*(9) cơ sở vật chất và trang thiết bị*

Khuôn viên rộng rãi, thoáng mát, an ninh, an toàn tốt, cây xanh nhiều, thiết kế đẹp, thân thiện. Có khu KTX riêng (373 phòng) bố trí trong một khu vực liên hợp cả khu thể thao, căng-tin, y tế rất tiện lợi cho sinh hoạt của người học. Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng phong phú (6,7m<sup>2</sup>/NH), có đủ trang thiết bị phù hợp phục vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ. Hệ thống CNTT, thư viện, thiết bị thực hành phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ: có đủ học liệu, không gian tự học; có 06 phòng thực hành tin học, 03 phòng lab học tiếng (và 12 phòng thực hành chuyên dụng khác); công tác tin học hoá việc quản lý trường học và an toàn dữ liệu bước đầu được chú trọng.

*(10) Nâng cao chất lượng*

Xây dựng được hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các BLQ. Các loại hình khảo sát được thực hiện và xử lý. Quy

trình xây dựng, cập nhật và đánh giá CTĐT được ban hành, được thực hiện rà soát, đánh giá và cải tiến. Trong tổng số đề tài 37 đề tài NCKH các cấp có 23 đề tài đã được chuyển tải thành nội dung giảng dạy của nhiều học phần trong CTDH và được sử dụng làm tài liệu tham khảo. Mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác được đánh giá. Trong giai đoạn đánh giá, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác đã được cải tiến.

*(11) Kết quả đầu ra*

Tỉ lệ SV thôi học, tốt nghiệp được giám sát và có tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn cao. Học viện/Khoa đã có nhiều hoạt động tư vấn hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm. Công tác NCKH của SV được quản lí và tổ chức tương đối chặt chẽ và có chính sách tạo động lực khuyến khích SV tham gia và GV hướng dẫn. Công tác khảo sát sự hài lòng của các BLQ được thực hiện định kì, đa dạng về phương thức khảo sát và kết quả khảo sát đã được sử dụng tương đối hiệu quả để cải tiến chất lượng.

**2. Tóm tắt những điểm cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo**

*(1) Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

Học viện/Khoa cần diễn đạt rõ ràng hơn về mục tiêu CTĐT; rà soát, chỉnh sửa các CDR của CTĐT, đảm bảo các CDR đều có thể đo lường, đánh giá được; ban hành hướng dẫn, tập huấn cho GV về cách thức xây dựng các ma trận kết nối giữa các học phần với CDR của CTĐT; sử dụng phiếu khảo sát cần có đầy đủ thông tin, đảm bảo độ tin cậy và sử dụng triệt để ý kiến đóng góp của các BLQ cho việc cải tiến, đổi mới CDR của CTĐT.

*(2) Bản mô tả chương trình đào tạo*

Học viện nên có Quyết định ban hành bản mô tả CTĐT riêng và xác định ma trận liên kết nội dung chương mục với CDR các học phần cần rõ ràng, khoa học hơn. Học viện/Khoa cần công khai ĐCHP bằng nhiều hình thức khác nhau đến các BLQ và phổ biến rộng rãi những kiến thức cơ bản, cần thiết liên quan đến CTĐT, CDR và Bản mô tả CTĐT.

*(3) Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học*

Học viện cần tổ chức tập huấn cho các GV về việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và phương pháp KTĐG để hướng tới đạt được CDR. Tiến hành rà soát, xác định rõ hơn sự đóng góp của các học phần vào CDR của CTĐT cho phù hợp với bảng ma trận phân nhiệm. Sử dụng câu hỏi khảo sát các BLQ phù hợp nhằm phục vụ cải tiến CTDH. Bố trí xen kẽ các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp với các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương nhằm tạo hứng thú trong học tập cho SV.

*(4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học*

Học viện cần công khai Triết lí giáo dục của mình đến các BLQ một cách rộng rãi hơn. Bổ sung phương pháp dạy học trong một số học phần đa dạng hơn. Tổ chức các hoạt động để hướng dẫn người học sử dụng tổ hợp các phương pháp học tập, nghiên cứu giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức. Tổ chức thêm các hội thảo, tập huấn về sử dụng công nghệ/phương pháp dạy học mới cho một số GV. Cần có chính sách giúp SV tham gia tích cực vào các hoạt động dạy và học.

*(5) Đánh giá kết quả học tập của người học*

Cần rà soát các hình thức KTĐG cho thống nhất giữa các hồ sơ. Nghiên cứu ban hành thang rubrics hướng dẫn việc đánh giá để đảm bảo độ tin cậy. Tiến hành tổng kết các văn bản quy định liên quan đến công tác KTĐG nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lí. Tăng cường công tác KTĐG học phần ở khâu chấm thi cũng như công tác hậu kiểm để đảm bảo tính khách quan, công bằng và đúng quy định.

*(6) Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên*

Học viện cần xây dựng Kế hoạch phát triển đội ngũ CB, GV theo giai đoạn tương ứng với CLPT của Học viện với các chỉ tiêu cụ thể gắn với các giai đoạn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn và theo nhóm ngành; rà soát Đề án vị trí việc làm để điều chỉnh số lượng vị trí GV của các Khoa cho phù hợp với ngành đào tạo như hiện nay. Xây dựng chính sách mạnh thu hút GV có chức danh, trình độ cao và trẻ hóa đội ngũ làm nòng cốt cho Khoa/ngành trong đào tạo và NCKH; chính sách đầu tư cho GV trẻ đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và nâng cao năng lực phát triển CTDH. Xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh, đẩy mạnh hợp tác NCKH với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước, tích cực tìm hiểu thị trường KHCN trong nước để có thêm nhiều đề tài dự án. Ban hành một văn bản chung quy định về việc đánh giá năng lực của đội ngũ GV trên cơ sở tích hợp các văn bản có quy định tiêu chí đánh giá năng lực GV (KPIs), quy trình, cách thức đánh giá năng lực và thực hiện đánh giá năng lực đội ngũ trong suốt mỗi năm học. Khuyến khích và có chính sách đầu tư hơn nữa để tất cả các GV của ngành tích cực NCKH, đảm bảo số giờ và sản phẩm NCKH theo quy định tại Thông tư 20/2020 và đảm bảo tỉ lệ chi cho NCKH theo đúng quy định của Nghị định 99/2014 của Chính phủ.

*(7) Đội ngũ nhân viên*

Học viện/Khoa c2711 lần tiến hành khảo sát, tổng hợp, phân tích đánh giá nhu cầu ĐTBĐ của đội ngũ NV một cách bài bản; cần có kế hoạch rà soát, điều chỉnh các văn bản liên quan đến công tác tuyển dụng phù hợp với tình hình thực tế của Học viện và Nghị định 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ; cần nhắc việc xây dựng và tổ hợp đầy đủ các tiêu chí để xây dựng thành Bộ tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ NV một cách bài

bản; cần có kế hoạch hỗ trợ, cử đội ngũ chuyên viên tham gia các khóa đào tạo về thiết kế phát triển CTĐT, đảm bảo chất lượng...nhằm tăng cường năng lực cho đội ngũ hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, NCKH & PVCĐ.

*(8) Người học và hoạt động hỗ trợ người học*

Cần phân tích dự báo nhu cầu nguồn nhân lực ngành CNXHKKH sát với đối tượng mà Khoa đang đào tạo để có những điều chỉnh trong đề án tuyển sinh hằng năm; Cần triển khai lấy ý kiến đóng góp từ BLQ về phương pháp xét tuyển và tiêu chí tuyển sinh của Học viện nói chung, chuyên ngành nói riêng; Học viện cần tuyển thêm GV chuyên Ngành để việc tuyển sinh sẽ phù hợp chỉ tiêu đề ra; Học viện và Khoa cần có kế hoạch định kỳ rà soát, đánh giá hiệu quả của đội ngũ CVHT; Học viện cần tạo thêm không gian tổ chức cho các hoạt động CLB, sinh hoạt đội nhóm cho SV; Học viện cần bố trí thêm không gian riêng cho hoạt động chuyên môn giữa CVHT và SV.

*(9) Cơ sở vật chất và trang thiết bị*

Tăng số lượng phòng học ứng dụng công nghệ hiện đại; tăng cường việc kết nối nguồn dữ liệu học liệu số với các trường đại học khác; đầu tư thêm chức năng thống kê số lượng tài liệu theo ngành, theo năm cho Phần mềm Kipos; bổ sung, cập nhật tài liệu học tập thường xuyên hơn; tăng số máy khử từ; trang bị phòng thực hành PPGD riêng với thiết bị phù hợp cho việc rèn luyện nghiệp vụ giảng dạy, phòng thực hành dạy học trực tuyến; đầu tư phần mềm quản lý dạy-học trực tuyến, tăng cường sản xuất học liệu e-learning; phát triển phần mềm quản lý minh chứng phục vụ công tác kiểm định.

*(10) Nâng cao chất lượng*

Đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến các BLQ để có thông tin làm căn cứ cho việc rà soát, cải tiến quy trình xây dựng, cập nhật và đánh giá CTĐT; xem xét việc tổng hợp, phân tích dữ liệu từ kết quả khảo sát SV về giờ giảng, khảo sát học phần cho rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Cần ban hành Quy định về rà soát và đánh giá thường xuyên quá trình dạy học, đánh giá kết quả học tập để thuận tiện trong quá trình triển khai và thực hiện. Đánh giá lại cơ chế phản hồi của các BLQ trên cơ sở thu thập thông tin từ các đơn vị trong Học viện và thông qua các hội thảo chuyên đề làm cơ sở cải tiến cơ chế phản hồi các BLQ đáp ứng cho việc phát triển CTĐT nói riêng cũng như các hoạt động của Học viện nói chung.

*(11) Kết quả đầu ra*

Cần ban hành quy định về công tác giám sát, thống kê, phân tích đối sánh tỉ lệ SV thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và tính thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khóa đào tạo. Khoa cần đặc biệt quan tâm đến các giải pháp để giảm số SV thôi học và tăng tỉ lệ SV có việc làm phù hợp với ngành đào tạo. Đổi mới chính sách khuyến khích

SV tham gia NCKH như tăng số lượng đề tài và tăng kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu. Nâng cao chất lượng khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng SV tốt nghiệp và hoạt động đối sánh.

### 3. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá và đánh giá ngoài

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Mức đánh giá		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	TĐG	ĐGN	TĐG			ĐGN		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
<b><i>Tiêu chuẩn 1</i></b>								
Tiêu chí 1.1	4	4	4,66	3	100	4,00	3	100
Tiêu chí 1.2	5	4						
Tiêu chí 1.3	5	4						
<b><i>Tiêu chuẩn 2</i></b>								
Tiêu chí 2.1	5	3	4,66	3	100	3,67	2	66,67
Tiêu chí 2.2	5	4						
Tiêu chí 2.3	4	4						
<b><i>Tiêu chuẩn 3</i></b>								
Tiêu chí 3.1	5	4	5,00	3	100	3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.2	5	3						
Tiêu chí 3.3	5	4						
<b><i>Tiêu chuẩn 4</i></b>								
Tiêu chí 4.1	5	4	5,00	3	100	4,00	3	100
Tiêu chí 4.2	5	4						
Tiêu chí 4.3	5	4						
<b><i>Tiêu chuẩn 5</i></b>								
Tiêu chí 5.1	5	4	5,00	5	100	3,80	4	80
Tiêu chí 5.2	5	4						
Tiêu chí 5.3	5	3						
Tiêu chí 5.4	5	4						
Tiêu chí 5.5	5	4						
<b><i>Tiêu chuẩn 6</i></b>								
Tiêu chí 6.1	5	5	5,00	7	100	4,00	6	85,71
Tiêu chí 6.2	5	4						
Tiêu chí 6.3	5	4						
Tiêu chí 6.4	5	3						
Tiêu chí 6.5	5	4						
Tiêu chí 6.6	5	4						
Tiêu chí 6.7	5	4						
<b><i>Tiêu chuẩn 7</i></b>								
Tiêu chí 7.1	5	4	5,00	5	100	4,00	5	100



Tiêu chí 7.2	5	4						
Tiêu chí 7.3	5	4						
Tiêu chí 7.4	5	4						
Tiêu chí 7.5	5	4						
<b>Tiêu chuẩn 8</b>								
Tiêu chí 8.1	5	4	5,00	5	100	4,20	5	100
Tiêu chí 8.2	5	4						
Tiêu chí 8.3	5	4						
Tiêu chí 8.4	5	4						
Tiêu chí 8.5	5	5						
<b>Tiêu chuẩn 9</b>								
Tiêu chí 9.1	5	5	5,00	5	100	4,40	5	100
Tiêu chí 9.2	5	4						
Tiêu chí 9.3	5	4						
Tiêu chí 9.4	5	4						
Tiêu chí 9.5	5	5						
<b>Tiêu chuẩn 10</b>								
Tiêu chí 10.1	5	4	5,00	5	100	3,83	4	66,67
Tiêu chí 10.2	5	4						
Tiêu chí 10.3	5	3						
Tiêu chí 10.4	5	5						
Tiêu chí 10.5	5	4						
Tiêu chí 10.6	5	3						
<b>Tiêu chuẩn 11</b>								
Tiêu chí 11.1	5	4	5,00	5	100	4,00	5	100
Tiêu chí 11.2	5	4						
Tiêu chí 11.3	5	4						
Tiêu chí 11.4	5	4						
Tiêu chí 11.5	5	4						
<b>Đánh giá chung CTĐT</b>			<b>4,96</b>	<b>50</b>	<b>100</b>	<b>3,98</b>	<b>44</b>	<b>88,00</b>

## PHẦN II. ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ

### I. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

**1. Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học qui định tại Luật giáo dục đại học.**

#### 1. Điểm mạnh

Mục tiêu chung của CTĐT ngành CNXHKKH được ban hành theo các Quyết định số 754/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 22/2/2016; Số 4949/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 26/10/2018; Số 3910-QĐ/HVBC TT-ĐT ngày 20/9/2020. Mục tiêu CTĐT hiện hành xác định: “Đào tạo trình độ cử nhân cho đội ngũ CB làm công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học ngành CNXHKKH. Trên cơ sở tri thức nền tảng của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, hình thành năng lực tư duy, phương pháp luận khoa học; có trách nhiệm, năng lực đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và định hướng chính trị xã hội cho người học”. Trên cơ sở mục tiêu chung, bản mô tả CTĐT năm 2020 đã xác định 11 mục tiêu cụ thể, bao gồm: kiến thức nền tảng và kiến thức chuyên ngành, kiến thức CDR về tin học và ngoại ngữ); về kỹ năng bao gồm các kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; và các mục tiêu khác gồm có tư duy độc lập, có bản lĩnh chính trị vững vàng và đạo đức nghề nghiệp

Học viện Báo chí tuyên truyền đã ban hành chiến lược phát triển đến năm 2035 và tầm nhìn 2050 (Quyết định số 770/QĐ-HVBC TT ngày 20/2/2017; số 6528-QĐ/HVBC TT, ngày 31/12/2018) trong đó tuyên bố chính thức về tầm nhìn, sứ mạng của Học viện. Năm 2018 và 2020, Khoa CNXHKKH rà soát, điều chỉnh mục tiêu CTĐT và đã tiến hành khảo sát, lấy ý kiến đóng góp của GV, SV, cựu SV và NTD. Kết quả khảo sát cho thấy, mục tiêu của CTĐT đáp ứng yêu cầu của xã hội, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Học viện. Mục tiêu của CTĐT phù hợp với sứ mạng của Học viện là “nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lí luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác” và phù hợp với tầm nhìn của Học viện đến năm 2050: “trở thành cơ sở hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực lí luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông. Học viện không ngừng phấn đấu trở thành trường đại học có uy tín học thuật trong khu vực và trên thế giới.... Học viện phấn đấu trở thành: Trường đại học vận hành theo các tiêu chuẩn quốc tế, có tầm ảnh hưởng về báo chí và truyền thông ở khu vực Đông Nam Á trước năm 2030; cơ sở đào tạo và nghiên cứu báo chí và truyền thông có uy tín ở châu Á -

*Thái Bình Dương trước năm 2050”.*

CTĐT ngành CNXHKKH ban hành năm 2019, 2021 có mục tiêu đào tạo người học khá toàn diện về kiến thức (bao gồm kiến thức nền tảng và kiến thức chuyên ngành, kiến thức CDR về tin học và ngoại ngữ); các mục tiêu về kỹ năng bao gồm các kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; và các mục tiêu khác gồm có tư duy độc lập, có bản lĩnh chính trị vững vàng và đạo đức nghề nghiệp.... Nhìn chung, các mục tiêu của CTĐT đều phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại mục b khoản 2 Điều 5 Luật giáo dục đại học 2012 là “*Đào tạo trình độ đại học để SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo*”. Trong quá trình xây dựng mục tiêu đào tạo, Học viện cũng đã thực hiện đúng chính sách của Nhà nước, Bộ GD&ĐT về mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình giáo dục phổ thông mới và khung năng lực trình độ quốc gia.

## 2. Điểm tồn tại

Một số mục tiêu của CTĐT diễn đạt chưa rõ ràng, chẳng hạn, mục tiêu PLO5 (kỹ năng phân tích, đánh giá, phân biện, phê phán và tư duy sáng tạo) và PLO6 (Kỹ năng giao tiếp, ứng xử sư phạm, thuyết trình, truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người nghe trong môi trường công việc).

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trong lần cải tiến rà soát, cập nhật CTĐT sắp tới, Học viện/Khoa cần diễn đạt rõ ràng hơn mục tiêu của CTĐT.

## 4. Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4)

***2. Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.***

### 1. Điểm mạnh

CDR của CTĐT năm 2018 ngành CNXHKKH được công bố trong Quyết định số 4949/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 26/10/2018 của Giám đốc HVBC&TT gồm 38 CDR, bao gồm các CDR về kiến thức như: kiến thức giáo dục đại cương (4 CDR), kiến thức cơ sở ngành (7 CDR), kiến thức ngành (9 CDR), kiến thức chuyên ngành (4 CDR); CDR về kỹ năng bao gồm: kỹ năng chung (5 CDR), kỹ năng chuyên biệt (5 CDR); CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm (4 CDR). CTĐT năm 2020 được công bố tại Quyết định số 3910/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 20/09/2020 của Giám đốc HVBC&TT gồm 17 CDR, cụ thể: kiến thức chung (3 CDR), kiến thức ngành (5 CDR), kiến thức chuyên

ngành (3 CĐR); CĐR về kỹ năng bao gồm: kỹ năng chung (2 CĐR), kỹ năng chuyên biệt của ngành (2 CĐR); CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm (2 CĐR).

Ngoài ra, Học viện còn ban hành Quy định CĐR trình độ Ngoại ngữ, Tin học đối với các hệ, các trình độ đào tạo của HVBC&TT (số 435/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 22/2/2016).

CĐR được xây dựng theo một quy trình khoa học, mô tả cụ thể, đảm bảo được các mức độ cần đạt của người học sau khi tốt nghiệp. Quy trình xây dựng CĐR này phù hợp với Thông tư 07/2015/TT- BGĐT, ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Học viện đã có kế hoạch và triển khai khảo sát, lấy ý kiến các BLQ bao gồm, cựu SV, GV, NTD. Đồng thời, Khoa đã thực hiện đối sánh với CĐR của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn-Đại học Quốc gia Hà Nội.

CĐR xác định được kiến thức, kỹ năng, thái độ, giá trị và trách nhiệm nghề nghiệp mà SV tốt nghiệp ngành CNXHKH đạt được sau khi tốt nghiệp, được mô tả cụ thể, rõ ràng, bám sát mục tiêu của CTĐT. CĐR năm 2020 đã được rà soát, điều chỉnh và thiết kế khá toàn diện với 3 nội dung cơ bản. Cụ thể: về kiến thức chung (3 CĐR), kiến thức ngành (5 CĐR), kiến thức chuyên ngành (3 CĐR); về kỹ năng: kỹ năng chung (2 CĐR), kỹ năng chuyên biệt của ngành (2 CĐR); về năng lực tự chủ và trách nhiệm (2 CĐR).

Đối với chuẩn ngoại ngữ phải đạt B1 khung châu Âu (tương đương 450 TOEIC hoặc 450 điểm TOEFL hoặc IELTS 4.5; chuẩn tin học: kiến thức tin học ứng dụng trình độ A.

Đồng thời, Khoa CNXHKH đã xây dựng ma trận các kỹ năng, trong đó thể hiện mức độ đóng góp của học phần đến CĐR của CTĐT. Mặt khác, ĐCCT các học phần cũng đều có CĐR để đảm bảo tất cả các CĐR được thực hiện và không có học phần “thừa, lặp” trong CTĐT, đồng thời tích hợp được các kỹ năng và thái độ vào từng học phần theo tiến trình của CTĐT.

## 2. Điểm tồn tại

Một số CĐR được xác định khá chung chung, khó lượng hóa đo lường để đánh giá mức độ đạt được CĐR của người học. Qua khảo sát cho thấy, việc xác định sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được CĐR của CTĐT còn do cảm tính.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện/, Khoa cần rà soát, chỉnh sửa các CĐR của CTĐT, đảm bảo các CĐR đều có thể đo lường, đánh giá được làm cơ sở cho thiết kế CTDH.

Học viện/Khoa cần có hướng dẫn, tập huấn cho GV về cơ sở khoa học và cách thức xây dựng các ma trận kết nối giữa các học phần với CĐR của CTĐT, giữa CĐR

với mục tiêu của CTĐT.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có
5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

**3. Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kì rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.**

#### 1. Điểm mạnh

Căn cứ Quyết định 2244/QĐ-HVBCCTT ngày 23/05/2018 và số 2643/QĐ-HVBC&TT ngày 29/04/2020 của Giám đốc HVBC&TT, Học viện đã tiến hành xây dựng, và cập nhật CTĐT các phiên bản năm 2018 và 2020. Trong quá trình rà soát CĐR của CTĐT có sự tham gia và đóng góp ý kiến của các BLQ như nhà quản lí, các nhà khoa học, GV, các nhà sử dụng lao động, cựu SV... . Đồng thời, trong quá trình đào tạo, Khoa CNXHKKH thu thập thông tin phản hồi về CTĐT và CĐR từ các BLQ; tham khảo CĐR CTĐT cùng khối ngành của Trường Đại học KHXH& NV-Đại học Quốc gia Hà Nội. CĐR được thông qua tại Khoa, Hội đồng nghiệm thu Học viện trước khi ban hành.

Căn cứ Quyết định số 2244/QĐ-HVBCCTT, ngày 23/5/2018, số 2643/QĐ-HVBCCTT, ngày 29/04/2020 về Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT, Học viện và Khoa CNXHKKH đã có 02 lần rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT vào các năm 2018 và 2020 (Quyết định số 4061/QĐ-HVBCCTT-ĐT, ngày 23/5/2018; Quyết định số 2258-QĐ/HVBCCTT-ĐT ngày 08/07/2020). Do đó CĐR ngày càng cụ thể, rõ ràng hơn, dễ đo lường đánh giá hơn giúp các SV định hướng tốt hơn trong việc hoàn thành chương trình học tập của mình.

CĐR của CTĐT ngành CNXHKKH được công bố công khai, rộng rãi tới toàn thể GV, SV bằng các hình thức khác nhau, như đăng tải trên trang thông tin điện tử của Học viện, phổ biến tại các buổi sinh hoạt đầu khóa, gặp mặt tân SV,... Ngoài ra, CĐR được các GV thường xuyên phổ biến vào đầu mỗi học phần, được có vấn học tập (CVHT) tư vấn khi SV thắc mắc. Qua nghiên cứu minh chứng cho thấy Khoa CNXHKKH đã lấy ý kiến đóng góp của các BLQ (SV, cựu SV, GV, NTD,...) trong quá trình xây dựng CĐR của CTĐT qua các hình thức như trả lời phiếu điều tra (có hồ sơ xử lí phiếu điều tra).

#### 2. Điểm tồn tại

Học viện/Khoa chưa sử dụng triệt để ý kiến đóng góp của các BLQ, nhất là ý kiến của NTD cho việc cải tiến, đổi mới CĐR của CTĐT. Phiếu khảo sát CĐR CTĐT năm 2020 không ghi rõ thời gian khảo sát nên chưa có độ tin cậy.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện/Khoa cần sử dụng triệt để ý kiến đóng góp của các BLQ, nhất là ý kiến của người sử dụng lao động cho việc cải tiến, đổi mới CDR của CTĐT. Phiếu khảo sát các BLQ cần đầy đủ thông tin để đảm bảo độ tin cậy.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

### ***Đánh giá chung về tiêu chuẩn 1:***

+ Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Mục tiêu của CTĐT ngành CNXHKKH được xác định rõ ràng, có mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, trong mục tiêu cụ thể thể hiện các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm và gắn kết với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học. CDR của CTĐT ngành CNXHKKH được xác định rõ ràng, cụ thể trong CTĐT. Trong giai đoạn 2016-2020, CTĐT ngành CNXHKKH đã rà soát, điều chỉnh và chính thức ban hành các phiên bản vào các năm 2018 và 2020. Theo đó, CTĐT đã có mục tiêu thể hiện sự gắn kết với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện và phù hợp với mục tiêu giáo dục quy định tại Luật Giáo dục đại học.

CDR của CTĐT được rà soát vào các năm 2018, 2020, đã thể hiện được các kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm của người học cần đạt khi hoàn thành CTĐT. Mục tiêu và CDR của CTĐT tại phiên bản 2020 được xây dựng đúng quy định, thể hiện các khối kiến thức và kỹ năng chung, kỹ năng chuyên biệt, thái độ và năng lực tự chủ và trách nhiệm của người học cần có sau khi tốt nghiệp CTĐT. CDR của CTĐT được phổ biến đến các BLQ, cụ thể: trang thông tin điện tử của Học viện, Sổ tay SV, trang thông tin tuyển sinh....

+ Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Một số mục tiêu của CTĐT diễn đạt chưa rõ ràng. Một số CDR xác định còn khó đo lường, đánh giá. Việc xác định sự đóng góp của một số học phần vào việc đạt được CDR của CTĐT còn do cảm tính.

Chưa sử dụng triệt để ý kiến đóng góp của các BLQ cho việc cải tiến, đổi mới CDR của CTĐT. Phiếu khảo sát CDR chưa có độ tin cậy cao.

+ Kiến nghị đối với CTĐT:

Trong lần cải tiến rà soát, cập nhật CTĐT sắp tới, Học viện/Khoa cần diễn đạt rõ ràng hơn mục tiêu CTĐT. Cần rà soát, chỉnh sửa các CDR của CTĐT, đảm bảo các CDR đều có thể đo lường, đánh giá được. Cần ban hành hướng dẫn, tập huấn cho GV về cách thức xây dựng các ma trận kết nối giữa các học phần với CDR của CTĐT.

Nên sử dụng triệt để ý kiến đóng góp của các BLQ cho việc cải tiến, đổi mới CDR của CTĐT. Phiếu khảo cần đầy đủ thông tin để đảm bảo độ tin cậy.

## **II. Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo**

### **1. Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.**

#### **1. Điểm mạnh**

Bản mô tả CTĐT ngành CNXHKKH được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Học Viện BC&TT ban hành; được rà soát và điều chỉnh 2 lần trong giai đoạn đánh giá (năm 2018 và 2020). Năm 2020, bản mô tả CTĐT được xây dựng mới theo cách tiếp cận năng lực, có sự đóng góp của các BLQ.

Bản mô tả CTĐT ngành CNXHKKH cung cấp đầy đủ, cụ thể các thông tin về CTĐT (tên chương trình, mã ngành đào tạo, thời gian đào tạo, tên văn bằng, tên cơ sở đào tạo), mục tiêu và CDR về kiến thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp của CTĐT, quy mô tuyển sinh, đối tượng tuyển chọn, chương trình khung, kế hoạch đào tạo.

Khoa CNXHKKH đã công bố bản mô tả CTĐT đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Khoa, gồm các nội dung cụ thể: thông tin chung, mục tiêu CTĐT, CDR của CTĐT, nội dung CTĐT, ma trận CDR (ma trận các kỹ năng và mức độ giảng dạy các học phần), cách thức đánh giá KQHT, điều kiện thực hiện CTĐT, hướng dẫn thực hiện CTĐT và ĐCCT các học phần.

ĐCCT học phần mô tả cụ thể các thông tin thông qua bản thiết kế hoạt động dạy học chi tiết, trong đó có các quy định cụ thể về cách thức đánh giá nhằm giúp người dạy, SV thuận lợi trong việc thực hiện và đạt CDR của CTĐT. Hằng năm, tiêu chí tuyển sinh được điều chỉnh các tổ hợp môn thi và điểm xét tuyển đảm bảo chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo đề ra.

#### **1. Điểm tồn tại**

Học viện và Khoa CNXHKKH chưa có Quyết định ban hành bản mô tả CTĐT riêng biệt (còn chung với Quyết định ban hành CTĐT: số 4949/QĐ-HVBCT-ĐT; số 3910/QĐ-HVBCTT-ĐT). Tiêu chí tuyển sinh mô tả trong Quyết định số 3910/QĐ-HVBCTT-ĐT chưa được rà soát kỹ trước khi ban hành (*Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính, nguồn gốc gia đình, hoàn cảnh kinh tế đều có thể dự thi vào ngành Triết học- Minh chứng H2.02.01.03*).

#### **3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng**

Học viện cần ban hành Quyết định về bản mô tả CTĐT ngành CNXHKKH riêng biệt theo quy định. Cần rà soát kỹ văn bản tại Quyết định số 3910/QĐ-HVBCTT-ĐT trước lúc ban hành.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có
5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (mức 3).

## **2. Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.**

### 1. Điểm mạnh

Tất cả các học phần của CTĐT đều có ĐCCT học phần. ĐCCT học phần phiên bản năm 2020 đã thể hiện được một số thông tin cơ bản: tên học phần, mã học phần, loại học phần (tự chọn/bắt buộc), số tín chỉ (có phân chia chi tiết giờ tín chỉ đối với các hoạt động dạy học), GV giảng dạy, mục tiêu học phần; tóm tắt nội dung học phần; nội dung chi tiết học phần; phương pháp, hình thức giảng dạy; tài liệu tham khảo; phương pháp, hình thức KTĐG, hệ thống đề tài tiểu luận và câu hỏi ôn tập.

Thực hiện các Quyết định số 2244/QĐ-HVBCCTT, ngày 23/05/2018; số 2643/QĐ-HVBCCTT, ngày 29/04/2020, Khoa CNXHKKH đã tiến hành cập nhật rà soát đề cương học phần. Trong lần rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT và đề cương học phần phiên bản năm 2020, tất cả đề cương các học phần CTĐT ngành CNXHKKH đều thể hiện đầy đủ các thông tin, ngày phê duyệt và cấp phê duyệt.

ĐCCT các học phần đảm bảo thể hiện được ba yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy nhằm đạt được CĐR của học phần; phương pháp giảng dạy của GV và học tập của SV để có thể đạt được các CĐR đã nêu; phương pháp đánh giá để thể hiện được hiệu quả giảng dạy. Đề cương các học phần được tham khảo, tham chiếu, so sánh, tiếp thu và cập nhật từ CTĐT ngành CNXHKKH của trường Đại học KHXH&NV-Đại học Quốc gia Hà Nội.

### 2. Điểm tồn tại

Việc xác định ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR một số học phần với CĐR của CTĐT chưa khoa học.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện/Khoa CNXHKKH cần xác định ma trận liên kết nội dung chương mục của một số học phần với CĐR cần rõ ràng, khoa học hơn.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có
5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

## **3. Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.**

### 1. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành CNXHKKH sau khi xây dựng hoặc rà soát, điều chỉnh và



bổ sung được công khai trên trang thông tin điện tử của Học viện, được giới thiệu cho SV trong các đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa học, hướng dẫn cách tiếp cận thông tin CTĐT, trong sổ tay SV. Một số thông tin về CTĐT được cung cấp cho các BLQ qua tài liệu quảng bá về Khoa, qua bài giới thiệu về ngành đào tạo trên trang thông tin điện tử của Học viện.

Tất cả ĐCHP trong CTĐT đang được giảng dạy các khóa đều được công bố công khai trên cổng thông tin của Học viện; bản in được lưu tại văn phòng Khoa và được GV phụ trách từng học phần phổ biến, cung cấp cho SV ngay buổi đầu tiên giới thiệu học phần.

Bản mô tả CTĐT được phản biện bởi các chuyên gia. Bản mô tả CTĐT của Khoa CNXHKH đã đảm bảo tính công khai, dễ hiểu và dễ tiếp cận không chỉ đối với CB, GV của Học viện mà các BLQ cũng dễ dàng tiếp cận.

## 2. Điểm tồn tại

Việc công khai ĐCHP chưa thật sâu rộng đến các BLQ. Qua trao đổi và khảo sát thực tế, vẫn còn một số CB, GV và người học chưa nắm được cấu trúc, nội dung của Bản mô tả CTĐT, chưa phân biệt được những khác biệt cơ bản giữa Bản mô tả chương trình và CTĐT.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện/Khoa cần công khai ĐCHP bằng nhiều hình thức khác nhau và phổ biến rộng rãi những kiến thức cơ bản, cần thiết của CTĐT, CDR và Bản mô tả CTĐT đến các bên liên quan.

## 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

### ***Đánh giá chung về tiêu chuẩn 2:***

#### **+ Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:**

Các thông tin trong bản mô tả CTĐT, ĐCCT các học phần được rà soát điều chỉnh, được phê duyệt và ban hành chính thức và đã phổ biến đến các BLQ, đặc biệt là GV và SV qua trang thông tin điện tử, Sổ tay SV,...

Bản mô tả CTĐT được xây dựng khoa học, công phu theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học, có tiếp nhận các ý kiến góp ý của các BLQ được xem xét trong quá trình rà soát. ĐCCT học phần được biên soạn có đầy đủ các thông tin, theo mẫu thống nhất, trong đó phiên bản năm 2020 bổ sung một số nội dung, thông tin mới so với phiên bản 2016, 2018 để phù hợp quy định cũng như đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

+ Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Học viện chưa có Quyết định ban hành bản mô tả CTĐT. Việc xác định ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR các học phần chưa rõ ràng, khoa học. ĐCHP chưa phổ biến sâu rộng tới các BLQ. Vẫn còn một số CB, GV và người học chưa nắm được cấu trúc, nội dung của Bản mô tả CTĐT.

+ Kiến nghị đối với CTĐT:

Học viện nên có Quyết định ban hành bản mô tả CTĐT riêng và xác định ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR các học phần cần rõ ràng, khoa học hơn. Học viện/Khoa cần công khai ĐCHP bằng nhiều hình thức khác nhau đến các BLQ và phổ biến rộng rãi trong các cuộc họp, hội nghị, hội thảo của Học viện/ Khoa những kiến thức cơ bản, cần thiết liên quan đến CTĐT, CĐR và Bản mô tả CTĐT.

### **III. Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

#### ***1. Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.***

##### **1. Điểm mạnh**

Khoa CNXHKKH đã thiết kế CTDH ngành CNXHKKH hướng đến đạt được mục tiêu CĐR. CTĐT ngành CNXHKKH được thiết kế logic, thể hiện sự gắn kết giữa các khối kiến thức - kĩ năng, nội dung có tính tích hợp và cập nhật.

CTDH ngành CNXHKKH năm 2020 được ban hành theo Quyết định số 3910-QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 20/9/2020, được thiết kế với khối lượng kiến thức tích lũy toàn khóa gồm 130 tín chỉ (chưa bao gồm 12 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh), với cấu trúc hợp lí giữa các khối kiến thức, trong đó bao gồm 45 tín chỉ dành cho khối kiến thức đại cương (chiếm tỷ lệ 34,6%) và 85 tín chỉ khối kiến thức chuyên nghiệp (chiếm tỷ lệ 65,4%). Cụ thể khối kiến thức đại cương bao gồm 15 tín chỉ Khoa học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh (chiếm tỷ lệ 11,5%); 15 tín chỉ Khoa học xã hội và nhân văn (chiếm tỷ lệ 11,5%); 3 tín chỉ Toán và khoa học tự nhiên (chiếm tỷ lệ 2,3%); 12 tín chỉ Ngoại ngữ (chiếm tỷ lệ 9,3%); Khối kiến thức chuyên nghiệp bao gồm 18 tín chỉ cơ sở ngành (chiếm tỷ lệ 13,8 %), 39 tín chỉ kiến thức ngành (chiếm tỷ lệ 30%); 28 tín chỉ kiến thức chuyên ngành (chiếm tỷ lệ 21,6%). Các khối kiến thức này góp phần đạt được những CĐR nhất định về kiến thức, kĩ năng, năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm.

CTDH ngành CNXHKKH không tập trung vào một phương pháp giảng dạy duy nhất mà phối kết hợp nhiều phương pháp và hình thức dạy học khác nhau, trong đó ưu tiên sử dụng các phương pháp có tính chất hoạt động nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành và thảo luận. Phương pháp dạy - học được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết (ĐCCT) học phần. Trong mỗi nội dung của chương mục có đưa ra các phương pháp

dạy học, yêu cầu đối với SV, nội dung bài tập và thực hành, nội dung thảo luận nhóm. GV sử dụng các hình thức: thuyết trình, đàm thoại, vấn đáp, giao bài tập, thảo luận nhóm... Hoạt động kiểm tra - đánh giá KQHT của người học được thực hiện bằng nhiều hình thức, được đổi mới đáng kể so với các CTDH trước đây. Việc đánh giá học phần được thực hiện với nhiều hình thức đảm bảo tính khách quan, nhằm đảm bảo đạt CĐR. Tổ hợp các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra/đánh giá KQHT của người học của tất cả các học phần trong CTDH phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt CĐR.

Hầu hết các học phần được bố trí giảng dạy với trình tự hợp lí, đảm bảo được tính kế tiếp, hệ thống, giúp cho SV dễ dàng tiếp thu các kiến thức theo chuỗi.

Thực hiện Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT trình độ đại học số 3056/KH-HVBCCTT, ngày 15/05/2020, Khoa đã tiến hành cập nhật CTDH năm 2020. Qua nghiên cứu minh chứng cho thấy, Khoa CNXHKKH khi thiết kế CTDH đã tiến hành tham khảo và đối sánh CTDH trường Đại học KHXH & NV - Đại học Quốc gia Hà Nội đồng thời lấy ý kiến của các BLQ như SV, cựu SV, NTD với tỷ lệ đồng thuận cao. Nội dung CTDH được xây dựng thống nhất, đầy đủ nội dung và được phê duyệt và phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## 2. Điểm tồn tại

Học viện/Khoa chưa có các seminar/chuyên đề chuyên sâu để tập huấn hướng dẫn sâu cho các GV về việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và phương pháp KTĐG trong CTDH để hướng tới đạt được CĐR của CTĐT.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện/Khoa cần tổ chức các seminar/các chuyên đề chuyên sâu để tập huấn hướng dẫn sâu cho các GV về việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và phương pháp KTĐG trong CTDH để hướng tới đạt được CĐR của CTĐT.

## 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4)

**2. Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.**

### 1. Điểm mạnh

ĐCCT học phần trình bày đầy đủ các mục: thông tin chung về học phần, mô tả học phần, mục tiêu, CĐR của học phần, tài liệu, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kế hoạch giảng dạy chi tiết, đánh giá KQHT và thông tin GV, thể hiện đầy đủ nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện. ĐCCT học phần ngành CNXHKKH đã

mô tả mục tiêu của học phần tương đối rõ ràng về kiến thức và kỹ năng mà học phần sẽ trang bị cho SV. Tất cả các học phần đều có CĐR riêng cho gắn kết với CĐR của CTĐT ngành CNXHKKH.

Nội dung của các học phần đều có sự tương thích với các khối kiến thức và thể hiện được sự đóng góp vào thực hiện một hoặc một số CĐR của CTĐT (thể hiện trong ma trận mối tương quan giữa CĐR của học phần với CĐR của CTĐT).

ĐCCT học phần ngành CNXHKKH đều có quy định về phương pháp giảng dạy, nhiệm vụ của SV và phương pháp đánh giá KQHT của SV; có ma trận tích hợp giữa CĐR của học phần với PPGD và phương pháp KTĐG. Cụ thể: phương pháp dạy học và KTĐG được phân chia tương ứng với mỗi CĐR của học phần. KQHT của SV được đánh giá qua điểm thường xuyên, kiểm tra giữa kì, thi cuối kì với tỷ trọng xác định cụ thể.

ĐCCT các học phần phiên bản năm 2020 quy định rõ các nội dung đánh giá gồm: Đánh giá ý thức, thái độ học tập; hồ sơ học phần (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm...); đánh giá định kì và đánh giá kết thúc học phần. Hằng năm, Khoa CNXHKKH đã triển khai và báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi của các BLQ, cụ thể: ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV, ý kiến của SV năm cuối, cựu SV và nhà sử dụng lao động về chất lượng đào tạo, ý kiến của GV trực tiếp tham gia giảng dạy các học phần trong CTDH để cải tiến, điều chỉnh và hoàn thiện CTDH ngành CNXHKKH.

Thực hiện Hướng dẫn rà soát, cập nhật hoàn thiện CTĐT đại học (số 2645/HD-HVBC TT-ĐT, ngày 29/04/2020), Khoa CNXHKKH đã định kì tổ chức rà soát, điều chỉnh CTĐT. Trong đợt rà soát và điều chỉnh CTĐT năm 2020, ngoài tham khảo ý kiến của SV và GV, Khoa đã mời các nhà khoa học, người sử dụng lao động đóng góp ý kiến phục vụ điều chỉnh CTĐT.

## 2. Điểm tồn tại

Đề cương một số học phần xác định sự đóng góp của học phần vào CĐR của CTĐT chưa phù hợp vì không tương thích với ma trận đáp ứng giữa các học phần và CĐR của CTĐT.

Câu hỏi đối với việc lấy ý kiến góp ý của các BLQ về CTDH chưa đáp ứng đề phục vụ cải tiến CTDH (Ví dụ học phần nào thừa, thiếu...).

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Khi xây dựng ĐCHP, Khoa cần xác định rõ sự đóng góp của học phần vào CĐR của CTĐT cho phù hợp và tương thích với ma trận đáp ứng giữa các học phần và CĐR của CTĐT.

Học viện/Khoa khi tiến hành khảo sát các BLQ về CTDH cần xây dựng câu hỏi khoa học hơn nhằm phục vụ cải tiến CTDH.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có
5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (mức 3).

***Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.***

**1. Điểm mạnh**

Các học phần trong CTDH ngành CNXHKKH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo tính thống nhất. Tỷ lệ giữa các khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp là hợp lí. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp chiếm tỷ lệ hơn 2/3 tổng số tín chỉ của CTĐT, đặc biệt tỷ lệ cao nhất là của khối kiến thức chuyên ngành, rồi đến kiến thức ngành và cơ sở ngành.

So với chương trình năm 2018, năm 2020 đã có sự điều chỉnh, cập nhật, bổ sung, thay thế một số học phần để đáp ứng yêu cầu thực tiễn (tính liên ngành; tính chuyên sâu) nâng cao hơn chất lượng của CTĐT. CTĐT năm 2020 đã được điều chỉnh cả về hình thức học tập và giảng dạy (kết hợp linh hoạt giữa 2 hình thức dạy học trực tiếp và trực tuyến để thích ứng với tình hình xã hội diễn biến phức tạp - như dịch Covid 19. Theo đó, CTĐT năm 2020 cũng đã đề xuất và điều chỉnh cả hình thức KTĐG theo hướng vừa đa dạng, vừa linh hoạt bao gồm cả thi trực tiếp và trực tuyến. đặc biệt điều chỉnh trọng số điểm KTĐG theo hướng tăng trọng số điểm đánh giá quá trình để phát huy vai trò của GV và tính tích cực học tập của SV - tỉ lệ 20-30-50. Điều chỉnh, cập nhật những tài liệu học tập mới và sát hơn để có thể hướng dẫn SV gia tăng các hoạt động tự học, tự nghiên cứu trong quá trình học tập.

Các học phần trong CTDH ngành CNXHKKH được sắp xếp theo trình tự: các khối kiến thức chung được trang bị đầu tiên, xây dựng các kĩ năng mềm cần thiết, đạo đức và ý thức của SV; sau đó là các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành; đây lại là nền tảng cho các học phần thuộc khối kiến thức ngành nâng cao và khối kiến thức chuyên ngành. Trình tự kiến thức trong mỗi học phần được sắp xếp hệ thống từ cơ bản đến nâng cao và đặc biệt, có tích hợp giữa lí thuyết với ứng dụng và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. Ở các khung CTĐT không quy định cụ thể các học phần tiên quyết, nhưng kế hoạch giảng dạy và ĐCCT học phần có thể hiện các học phần học trước, đảm bảo trình tự hợp lí của các học phần, đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất.

Thực hiện hướng dẫn của Học viện, Khoa đã tổ chức tiến hành rà soát, cải tiến CTDH. CTDH các học phần có nội dung cập nhật và có tính tích hợp. Giáo trình và

các tài liệu hỗ trợ dạy và học được nghiên cứu và chọn lựa cẩn thận từ các nhà xuất bản uy tín chuyên ngành trong và ngoài nước. Nhiều GV trong Khoa đã tham gia hoặc chủ biên biên soạn giáo trình một số học phần thuộc khối kiến cơ sở ngành và chuyên ngành. Từ năm 2018, các học phần trong CTĐT mang tính tích hợp cao. CTDH năm 2020 được xây dựng theo CĐR nên các học phần được tích hợp một cách hợp lí. Các kiến thức, kĩ năng cần thiết khác được lồng ghép trong các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành.

## 2. Điểm tồn tại

Qua trao đổi với SV của ngành CNXHKKH về việc bố trí các học phần trong CTDH, một số ý kiến của SV cho rằng việc tập trung bố trí các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành (các học phần mang nặng lí thuyết) trong các học kì đầu đã làm giảm sự hứng thú của người học, gây ra tình trạng chán học.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện và Khoa nên xem xét các trường hợp cụ thể trong CTDH, để bố trí xen kẽ các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp với các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trên cơ sở vừa đảm bảo tính logic trong cấu trúc của CTDH vừa đảm bảo sự hứng thú trong học tập cho SV.

## 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

### ***Đánh giá chung về tiêu chuẩn 3:***

#### **+ Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:**

CTDH ngành CNXHKKH phù hợp với CĐR, có khối lượng kiến thức toàn khóa là 130 tín chỉ, đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT. Cấu trúc các học phần trong CTDH ngành CNXHKKH đảm bảo tính thống nhất và sự gắn kết giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành.

CTDH, ĐCCT học phần được rà soát, cập nhật và được công khai dưới nhiều hình thức. Cụ thể Khoa CNXHKKH đã công bố CTDH trên trang thông tin điện tử của Học viện. Phương pháp dạy học trong CTDH ngành CNXHKKH được thiết kế dựa trên CĐR và được phân chia theo đặc thù học phần gồm thuyết trình, thảo luận nhóm, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề, giao bài tập về nhà cho SV, thảo luận, seminar, thực hành và thực tế.

Phương pháp dạy học của từng học phần được thể hiện trong ĐCCT học phần. Hình thức KTĐG đa dạng: gồm tự luận, thuyết trình báo cáo, bài tập lớn, tiểu luận, trắc nghiệm khách quan,... Phương pháp dạy học, KTĐG của các học phần

trong CTĐT tương đối phù hợp, đã góp phần vào việc thực hiện và đo lường mức độ đạt được CĐR của CTĐT. Trong chu kỳ kiểm định, Học viện đã 02 lần điều chỉnh bản mô tả CTDH. Trong quá trình điều chỉnh đều lấy ý kiến của các BLQ, tham khảo CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước.

CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR. ĐCCT học phần trình bày đầy đủ các mục cần thiết, thể hiện đầy đủ nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện. Các ma trận thể hiện quan hệ giữa học phần và CĐR, thể hiện được các học phần có sự đóng góp cụ thể nhằm đạt được CĐR. Các phương pháp KTĐG tương thích với các hình thức giảng dạy và góp phần rèn luyện kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ tự và trách nhiệm của SV.

+ Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Học viện/Khoa chưa có các seminar/các chuyên đề chuyên sâu để tập huấn hướng dẫn sâu cho các GV về việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và phương pháp KTĐG trong CTDH để hướng tới đạt được CĐR của CTĐT.

Đề cương một số học phần xác định sự đóng góp của học phần vào CĐR của CTĐT chưa phù hợp. Việc lựa chọn câu hỏi lấy ý kiến góp ý của các BLQ về CTDH chưa đáp ứng để phục vụ cải tiến CTDH.

Qua trao đổi, cho thấy việc tập trung bố trí các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành (các học phần mang nặng lý thuyết) trong các học kỳ đầu đã làm giảm sự hứng thú của người học, gây ra tình trạng chán học.

+ Kiến nghị đối với CTĐT:

Học viện/Khoa cần tổ chức các seminar/các chuyên đề chuyên sâu để tập huấn hướng dẫn sâu cho các GV về việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và phương pháp KTĐG trong CTDH để hướng tới đạt được CĐR của CTĐT

Cần tiến hành rà soát, xác định rõ sự đóng góp của học phần vào CĐR của CTĐT cho phù hợp và tương thích với ma trận đáp ứng giữa các học phần và CĐR của CTĐT. Cần xây dựng câu hỏi khoa học hơn khi khảo sát các BLQ nhằm phục vụ cải tiến CTDH.

Nên xem xét các trường hợp cụ thể trong CTDH, để bố trí xen kẽ các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp với các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương nhằm tạo hứng thú trong học tập cho SV.

#### **IV. Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

**1. Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các BLQ.**

### 1. Điểm mạnh

Triết lí giáo dục của Học viện được tuyên bố chính thức tại Quyết định số 6900/QĐ-HVBCCTT ngày 31/12/2021. Triết lí giáo dục của Học viện là các quan điểm cốt lõi định hướng mục tiêu giáo dục, nội dung và phương pháp dạy học, vai trò của GV và người học trong hoạt động giáo dục. Theo đó, Triết lí giáo dục của Học viện được nêu rõ là: “Học để làm việc, làm người, làm CB; học để phụng sự Đoàn thể, phụng sự giai cấp và nhân dân, phụng sự Tổ quốc và nhân loại”.

Mục tiêu giáo dục cũng như triết lí giáo dục thông qua chiến lược phát triển của Học viện được công bố công khai dưới nhiều hình thức khác nhau như: trên Website của Học viện và đã tổ chức các buổi tuyên truyền về mục tiêu đào tạo, CTĐT của ngành trong các buổi gặp mặt đầu khóa, trong các buổi tổng kết lớp, các buổi sinh hoạt câu lạc bộ CNXHKKH. Cụ thể hóa trong mục tiêu của Khoa CNXHKKH, thực hiện thông qua việc xây dựng CTĐT, ĐCHP và các hoạt động khác.

Mục tiêu chiến lược của Học viện được phổ biến cho các BLQ bằng nhiều hình thức khác nhau: trên trang thông tin điện tử của Học viện, phát tờ rơi, hoặc qua các kênh hỗ trợ như: Đoàn Thanh niên, Hội SV, CVHT; được quán triệt cho SV năm thứ nhất trong tuần “Giáo dục công dân” vào đầu năm học mới.

### 2. Điểm tồn tại

Học viện chưa công bố Triết lí giáo dục của mình một cách rộng rãi. Chưa có văn bản hướng dẫn việc lồng ghép giá trị giáo dục vào nội dung CTĐT trong quá trình thiết kế, cập nhật CTĐT.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần sớm xây dựng và công bố Triết lí giáo dục, cần làm rõ hơn về nội dung Mục tiêu giáo dục của Học viện; cần có văn bản hướng dẫn việc lồng ghép giá trị giáo dục vào nội dung CTĐT trong quá trình thiết kế, cập nhật CTĐT.

### 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có

### 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

***Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.***

#### 1. Điểm mạnh

Căn cứ quy định hướng dẫn, thiết kế phương pháp giảng dạy, tại quy định số 2663/HD-HVBCCTT, ngày 09/07/2020, Khoa CNXHKKH đã thiết kế tổ hợp các hoạt động dạy - học phù hợp với từng học phần để đạt được CĐR và được thể hiện trong các đề cương học phần (ĐCHP) phiên bản năm 2020. Sự đóng góp của các hoạt động



dạy- học để đạt CĐR được thể hiện trong ma trận kết nối phương pháp giảng dạy (PPGD) với CĐR của CTĐT. Trong quá trình dạy - học, GV đã lựa chọn các hoạt động giảng dạy với đặc thù của từng học phần, đảm bảo vai trò của học phần được xác định trong ma trận thể hiện sự đóng góp của học phần vào thực hiện CĐR (ma trận về mối quan hệ giữa CĐR của CTĐT năm 2018, 2020 với các HP/học phần). PPGD được mô tả trong ĐCCT học phần các năm 2018, 2020 đa dạng nhằm đạt được CĐR. Theo đó, các hoạt động giảng dạy phân biệt rõ ràng đối với các học phần mang tính lí thuyết và thực hành, thực tập. Đối với các học phần lí thuyết hoạt động giảng dạy chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, phân tích tình huống/vấn đề, mô phỏng... Ở các học phần thực hành, thực tập SV học qua trải nghiệm thực tế tại các tổ chức chính trị - xã hội... để thực hành việc nắm bắt, phân tích và giải quyết các vấn đề xã hội, xử lí tình huống phát sinh trên thực tế, đảm bảo sự tương tác giữa SV với GV trong suốt quá trình học thực tập.

Ngoài ra, người học còn được hoạt động theo nhóm để thực hành các kĩ năng giao tiếp, phối hợp trong nhóm đáp ứng yêu cầu của các CĐR về kĩ năng nghề nghiệp, về kĩ năng giao tiếp, kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng tư duy và cách thức quyết vấn đề, về đạo đức nghề nghiệp. Trong các đề cương học phần còn có hướng dẫn rõ ràng về các hoạt động học tập của SV: SV nghe bài giảng, thảo luận, giải quyết các vấn đề do GV giao; tự đọc tài liệu, làm bài tập, chuẩn bị nội dung thảo luận; nhóm SV tìm hiểu đề tài, phân công từng thành viên thực hiện; tự thực hiện khảo sát thực tế, tìm kiếm thông tin tài liệu trên internet và viết báo cáo theo hướng dẫn của giảng viên. Nhiệm vụ của SV ở từng học phần cũng được quy định và hướng dẫn thực hiện.

Học viện và Khoa CNXHKKH đã tổ chức các hội thảo và tham gia lớp bồi dưỡng liên quan đến tăng cường hiệu quả phương pháp dạy học. Tất cả ĐCCT các học phần của CTDH ngành CNXHKKH thể hiện được nội dung thảo luận, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, bài tập lớn, thực hành, thực tập, hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời, lòng yêu nghề cho người học. Khi xây dựng, thiết kế CTDH và ĐCHP, Khoa CNXHKKH đã chú ý đến phân mô tả các phương pháp và hình thức dạy học theo hướng đa dạng hóa như: thuyết trình, seminar, hoạt động nhóm, giải quyết vấn đề, nghiên cứu trường hợp, nhập vai, thực hành, dự án, thực tế, SV thuyết trình. Mặt khác, các GV hướng dẫn SV sử dụng tổ hợp các phương pháp nghiên cứu/học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức chuyên ngành và tích lũy được những kĩ năng cần thiết để đạt CĐR đã ban hành. Các thang đo năng lực được xác định tương ứng với các CĐR, trên cơ sở đó, ĐCCT xác định các hình thức, hoạt động dạy và học tương ứng, cụ thể: với các cấp độ CĐR ở mức hiểu biết, các hoạt động dạy học có thể bao gồm thuyết trình; với CĐR ở mức độ phân tích, tổng hợp các hoạt động nhận diện và giải quyết vấn đề. Ngoài ra, trong các đề cương chi tiết học phần còn có các quy định/hướng dẫn

rõ các hoạt động học tập của SV: SV nghe bài giảng, thảo luận, giải quyết các vấn đề do GV giao; tự đọc tài liệu, làm bài tập, chuẩn bị nội dung thảo luận; nhóm SV tìm hiểu đề tài; thực hiện các chuyến đi thực tế, tìm kiếm thông tin tài liệu trên internet và viết báo cáo theo hướng dẫn của giảng viên. Nhiệm vụ của SV ở từng học phần cũng được quy định và hướng dẫn thực hiện.

Để đánh giá về chất lượng và hiệu quả của việc tổ chức các hoạt động dạy và học cũng như sử dụng các phương pháp dạy học, Học viện/Khoa đã khảo sát sự hài lòng của GV và người học về hoạt động/phương pháp giảng dạy và học tập. Kết quả khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của Khoa cho thấy, tỷ lệ người học hài lòng về các phương pháp dạy và học ở các học phần đã, đang được triển khai tại Khoa trong các năm 2018, 2020 của CTĐT trước khi tốt nghiệp có 83,2% và 93,1 ý kiến hài lòng với phương pháp dạy học của các GV.

## 2. Điểm tồn tại

Một số đề cương học phần (Tác phẩm Mác - Ăngghen về CNXH; Bình đẳng giới và xây dựng gia đình...) thể hiện tổ hợp phương pháp dạy học chưa đa dạng (HP chỉ sử dụng 2 phương pháp là thuyết giảng, thảo luận nhóm) nên khó đạt được CDR.

Khoa chưa tổ chức hoạt động dạy - học đa dạng, có tính hệ thống để hướng dẫn người học sử dụng tổ hợp các phương pháp nghiên cứu/học tập hiệu quả, nhằm chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức để đạt được CDR của HP, CDR của CTĐT.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trong lần rà soát, cải tiến tiếp theo, Khoa cần bổ sung đa dạng các phương pháp dạy học trong một số học phần.

Học viện/Khoa cần định kì, thường xuyên tổ chức hoạt động dạy - học đa dạng, có tính hệ thống để xác định và hướng dẫn người học sử dụng tổ hợp các phương pháp nghiên cứu/học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR của HP, CDR của CTĐT.

## 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

***Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.***

### 1. Điểm mạnh

Trong tất cả các ĐCHP ban hành kèm theo CTĐT ngành CNXHKKH (phiên bản các năm 2018, 2020) đều mô tả rõ PPGD và học tập được sử dụng cho nội dung của từng chương mục và tương ứng với các chỉ báo thực hiện để thúc đẩy việc rèn luyện

các kĩ năng thiết yếu, kĩ năng mềm. Các PPGD thường được sử dụng gồm có là phương pháp thuyết trình, thảo luận nhóm, đàm thoại... Các ĐCHP của ngành CNXHKKH đều được thiết kế với kiến thức lí thuyết kết hợp với thảo luận/bài tập, tiểu luận để người học tự nghiên cứu và trình bày vấn đề theo cách hiểu của mình, thể hiện việc rèn luyện kĩ năng tư duy phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm, khả năng tự học cho SV thông qua giờ tự học bắt buộc ở nhà, sự tương tác giữa GV và SV trên lớp, các buổi thảo luận nhóm.

100% ĐCHP dành thời gian và hướng dẫn cho người học tự đọc/nghiên cứu tài liệu với thời lượng 1 giờ học lí thuyết trên lớp bằng 2 giờ tự học. Bên cạnh hình thức học tập tại lớp, mỗi SV phải tăng cường hoạt động tự học, tự nghiên cứu tại nhà. Điều này được quy định rõ tại Hướng dẫn số 2663/HD-HVBCTT ngày 9/7/2020. Trong quá trình giảng dạy, GV đều nêu yêu cầu đối với SV khi tham gia học tập, như: Đọc và tóm tắt tài liệu trước khi đến lớp theo yêu cầu, chuẩn bị học liệu, cũng như các câu hỏi thảo luận và đặc biệt nhấn mạnh đến việc cung cấp cho người học phương pháp tự nghiên cứu/tự học; thảo luận, tự trình bày và trình bày nhóm một/nhiều vấn đề khoa học thuộc chuyên ngành CNXHKKH... Những điều đó thúc đẩy người học quan tâm đến các vấn đề của nghề nghiệp, tạo ra động lực cho học tập.

Học viện/Khoa luôn khuyến khích, động viên SV nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn của GV bằng việc xây dựng kế hoạch và tổ chức các Hội nghị SV nghiên cứu khoa học, qua đó góp phần giúp người học được rèn luyện kĩ năng tự học, tự nghiên cứu để có thể độc lập giải quyết các vấn đề trong quá trình học tập và nghiên cứu, nâng cao khả năng học tập suốt đời. Bên cạnh hoạt động học tập trên lớp và hoạt động nghiên cứu khoa học, tự nghiên cứu của bản thân, SV cũng được khuyến khích tham gia các hoạt động ngoại khóa, hoạt động của các câu lạc bộ, hội thi Nghiệp vụ sư phạm do Khoa tổ chức, các phong trào SV tình nguyện, mùa hè xanh, hoạt động từ thiện của các tổ chức Đoàn, Hội cũng góp phần tạo điều kiện cho SV học hỏi kĩ năng mềm, kinh nghiệm nghề nghiệp...

Nhằm giúp SV tự học và khả năng học tập suốt đời cho người học, trong đề cương học phần đã xác định phương pháp dạy học phù hợp như: nghiên cứu trường hợp, giải quyết vấn đề, dạy học qua tình huống,... Định kì hàng năm, Học viện tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các BLQ nhằm điều chỉnh các hoạt động đào tạo phù hợp, giúp người học phát huy tối đa năng lực bản thân, thúc đẩy khả năng tự học suốt đời của người học.

## 2. Điểm tồn tại

Qua phỏng vấn cho thấy, một số giảng viên vẫn còn gặp khó khăn nhất định khi sử dụng công nghệ/phương pháp dạy học mới. Đồng thời, vẫn còn một bộ phận SV

chưa tham gia tích cực vào các hoạt động dạy và học nên không tạo điều kiện cho GV phát huy tốt các phương pháp dạy học tích cực.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Khoa cần tổ chức Hội thảo tập huấn về sử dụng công nghệ/phương pháp dạy học mới cho một số GV. Học viện/Khoa cần có cơ chế, giải pháp thúc đẩy và khuyến khích SV tham gia tích cực vào các hoạt động dạy và học.

### 4. Những điểm chưa rõ (nếu có)

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

### ***Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4:***

+ Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Học viện đã ban hành văn bản chính thức công bố triết lí giáo dục gắn với mục tiêu, chiến lược phát triển và phổ biến rộng rãi đến các BLQ thông qua nhiều phương thức khác nhau. Các hoạt động dạy và học của CTDH được thiết kế nhằm đạt được CĐR và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

CTDH ngành CNXHKKH được xây dựng hướng đến việc giúp người học tích lũy kiến thức, có năng lực tư duy logic; có kĩ năng chuyên môn giảng dạy và giáo dục, kĩ năng mềm; năng động, sáng tạo; có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; phát huy tính tích cực và chủ động trong học tập.

Các hoạt động dạy và học của CTĐT ngành CNXHKKH được thiết kế và xây dựng nhằm đạt được CĐR và đáp ứng yêu cầu thực tiễn. CTDH ngành CNXHKKH được xây dựng hướng đến việc giúp người học tích lũy kiến thức, có năng lực tư duy logic; có kĩ năng chuyên môn; năng động, sáng tạo; có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; phát huy tính tích cực và chủ động trong học tập.

Đề cương các học phần ban hành năm 2020 thể hiện việc xây dựng tổ hợp các phương pháp giảng dạy đa dạng trong các hoạt động dạy học để đạt được CĐR.

+ Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Học viện chưa công bố Triết lí giáo dục một cách rộng rãi và chưa có văn bản hướng dẫn việc lồng ghép giá trị giáo dục vào CTĐT trong quá trình thiết kế, cập nhật CTĐT.

Một số đề cương học phần thể hiện tổ hợp phương pháp dạy học chưa đa dạng. Chưa tổ chức hoạt động hướng dẫn người học sử dụng tổ hợp các phương pháp nghiên cứu/học tập hiệu quả để chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức.

Một số GV vẫn còn gặp khó khăn nhất định khi sử dụng công nghệ/phương pháp dạy học mới và một bộ phận SV chưa tham gia tích cực vào các hoạt động học tập.

+ Kiến nghị đối với CTĐT:

Học viện cần công khai Triết lí giáo dục của mình đến các BLQ một cách rộng rãi hơn.

Trong lần cải tiến tiếp theo cần rà soát, bổ sung đa dạng các phương pháp dạy học trong một số học phần. Định kì nên tổ chức các hoạt động để hướng dẫn người học sử dụng tổ hợp các phương pháp nghiên cứu, học tập hiệu quả, nhằm giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức.

Khoa nên tổ chức thêm các hội thảo, tập huấn về sử dụng công nghệ, phương pháp dạy học mới cho một số GV. Cần có cơ chế, giải pháp thúc đẩy và khuyến khích SV tham gia tích cực vào các hoạt động dạy và học.

## **V. Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học**

***1. Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra***

### **1. Điểm mạnh**

Học viện xây dựng hệ thống văn bản quy định việc KTĐG KQHT của người học, bao gồm: Quy định xây dựng, quản lí và sử dụng ngân hàng đề thi ngày 30/11/2015; Quyết định số 2647/QĐ-HVBCCTT về Hướng dẫn thiết kế phương pháp KTĐG học phần; Quyết định số 2648/QĐ-HVBCCTT về việc ban hành Quy trình xây dựng rà soát, và cập nhật ngân hàng đề thi ngày 9/7/2020; Quyết định số 1182/QĐ-HVBCCTT về việc ban hành Quy định về công tác tổ chức kì thi học phần theo hình thức trực tuyến dành cho SV đại học chính quy tập trung ngày 16/3/2022 của Giám đốc HVBC&TT. Đánh giá KQHT của SV được thực hiện theo quy trình chặt chẽ ngay từ năm thứ nhất và áp dụng đối với tất cả các học phần. Bao gồm các hình thức: đánh giá chuyên cần, đánh giá thường xuyên và đánh giá tổng kết.

KQHT của SV được đánh giá sau từng học kì, dựa vào số tín chỉ mà SV đã tích lũy và điểm tích lũy các học phần. Bản mô tả CTĐT, ĐCCT các học phần có ma trận thể hiện rõ mức độ đạt được CDR của CTĐT ngành CNXHKKH và của từng học phần.

ĐCCT các học phần đã hướng dẫn thiết kế các công cụ KTĐG tương đối phù hợp. Chẳng hạn đánh giá chuyên cần, đánh giá thường xuyên và đánh giá tổng kết.

Khi trúng tuyển nhập học, SV được cung cấp đầy đủ thông tin về CDR của CTĐT, quy định về KTĐG trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, sổ tay SV. Đối với từng học phần khác nhau, GV thông báo cho SV quy định về việc đánh giá người học. Quy định đánh giá học phần được quy định rõ trong ĐCCT học phần, nhằm đánh giá được CDR học phần. Cùng với việc rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT, việc đánh giá KQHT của người học được cải tiến.

Đề cương các học phần trong CTĐT ngành CNXHKKH nêu rõ về mục tiêu, yêu cầu đạt được về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Trên cơ sở hướng dẫn thiết kế phương pháp KTĐG học phần (Số 2647/ HD-HVBCTT ngày 09/07/2020) của Học viện, Khoa đã thiết kế hệ thống các phương pháp KTĐG tương ứng trong toàn bộ quá trình học rất đa dạng bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm đối với đánh giá thường xuyên; tiểu luận, tự luận, vấn đáp, bài tập lớn đối với đánh giá cuối kì. Các hình thức đánh giá được quy định trong các ĐCCT học phần. Các học phần đều có ngân hàng đề thi bao gồm trắc nghiệm và tự luận.

## 2. Điểm tồn tại

Một số ĐCHP (Quan hệ quốc tế; Lịch sử văn minh thế giới; Tâm lí học sư phạm; Lý luận dạy học đại học; Đạo đức học Mác - Lênin; Logic học. Tác phẩm C.Mác, Angghen về CNXH...) có hình thức KTĐG chưa đúng với bảng thống kê các hình thức KTĐG trong CTĐT năm 2020.

Học viện/Khoa chưa có quy định và ban hành hướng dẫn sử dụng thang rubrics để đánh giá học phần, đặc biệt bài tiểu luận, thuyết trình, thảo luận.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần rà soát các hình thức KTĐG ở bảng thống kê các hình thức KTĐG trong CTĐT đảm bảo đúng với ĐCHP đã xác định.

Học viện/Khoa nên nghiên cứu để ban hành thang rubrics hướng dẫn việc đánh giá thông qua bài tập lớn, tiểu luận, thuyết trình, thảo luận, chuyên đề thực tế, đóng vai... để đảm bảo việc thiết kế các câu hỏi thi/đề thi có độ chính xác cao, đo lường được mức độ đạt CĐR của học phần và CĐR của CTĐT.

## 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

***Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới NH***

### 1. Điểm mạnh

Học viện đã ban hành quy định về công tác tổ chức thi, KTĐG và quản lí KQHT trong đào tạo, cụ thể: Quyết định số 2989/QĐ-HVBCTT-KT về việc ban hành Quy định về công tác khảo thí ngày 01/09/2017 và Quyết định số 3777/ QĐ HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ HVBC & TT. Các quy định về đánh giá KQHT của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan)

được Học viện và Khoa triển khai, thông báo công khai tới SV. Đối với từng học phần cụ thể, việc KTĐG được nêu trong ĐCHP. Học viện có hệ thống phần mềm quản lý điểm thi, đảm bảo việc quản lý KQHT của người học chặt chẽ, chính xác. Kết quả các điểm thành phần và điểm học phần đều được thông báo cho SV biết.

Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của SV trước khi tốt nghiệp nghiệp năm 2019, 2020 cho thấy, tỷ lệ SV cơ bản hài lòng, hoàn toàn hài lòng với nhận định câu hỏi: “NH hiểu rõ các yêu cầu, tiêu chí đánh giá” và “KQHT được phản hồi kịp thời giúp SV điều chỉnh quá trình học tập” trên 90%.

Quy trình tổ chức thi được quy định tại Quyết định số 2989/QĐ-HVBCTT-KT về việc ban hành Quy định về công tác khảo thí ngày 01/09/2017. Nhằm tăng cường đánh giá CDR, Học viện đã ban hành hướng dẫn thiết kế phương pháp KTĐG học phần (số 2647/ HD-HVBCTT ngày 09/07/2020); Quyết định về việc ban hành Quy trình xây dựng, rà soát và cập nhật ngân hàng đề thi (số 2468/QĐ-HVBCTT ngày 09/7/2020). Qua đó đã quy định rõ về thời gian, tiêu chí trọng số và các nội dung liên quan. Chẳng hạn về trọng số, việc đánh giá KQHT được thể hiện trong ĐCCT học phần, theo quy định: đánh giá ý thức học tập 10%; đánh giá định kỳ 30% và thi hết học phần 60%.

Đối với việc phản hồi KQHT, theo quy định trong vòng 15 ngày sau khi công bố kết quả thi, người dự thi có quyền gửi đơn về Trung tâm Khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo (KT&ĐBCLĐT) khiếu nại về kết quả, sau 9 ngày, Trung tâm KT&ĐBCLĐT phối hợp với Khoa tổ chức kiểm tra quy trình chấm thi và thông báo kết quả tới SV. Các vấn đề liên quan đến khiếu nại về điểm của SV được giải quyết kịp thời. Kết quả phỏng vấn SV và nghiên cứu ý kiến phản hồi từ người học cho thấy hình thức và phương pháp KTĐG học phần được GV thông báo rõ ràng; phần lớn SV đánh giá hình thức, nội dung, thời gian kiểm tra và các tiêu chí đánh giá đều đáp ứng yêu cầu, người học được cung cấp đầy đủ thông tin.

Thông qua tuần sinh hoạt công dân đầu khóa hàng năm, người học được phổ biến các quy định về KTĐG KQHT, về kế hoạch thực tập chuyên. Đồng thời, để giúp người học được tiếp cận một cách chủ động hơn, Học viện cũng cho đăng tải đầy đủ các quy định lên trang thông tin điện tử của Học Viện.

Sau mỗi học kì, Học viện/Khoa đều tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về quy trình KTĐG, trên cơ sở đó để nâng cao chất lượng theo CDR (Kế hoạch và báo cáo khảo sát các BLQ về hoạt động đào tạo của Học Viện từ năm 2017-2021). Kết quả cho thấy có trên 95% hài lòng với phương pháp KTĐG.

## 2. Điểm tồn tại

Việc thay đổi trọng số điểm KTĐG một số học phần trong CTĐT năm 2020 do thi online chưa có văn bản ban hành chính thức của Học viện.

Học viện chưa tổ chức tổng kết các văn bản quy định liên quan đến công tác KTĐG để phục vụ nâng cao hiệu quả KTĐG nói riêng và công tác khác nói chung.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Khi thay đổi trọng số điểm KTĐG của các học phần trong CTĐT do thi online, Học viện cần ban hành văn bản chính thức để triển khai thực hiện.

Học viện cần tiến hành tổng kết các văn bản quy định liên quan đến công tác KTĐG nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lí.

### 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có

### 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

## ***Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng***

### 1. Điểm mạnh

Học viện đã chú trọng thiết kế trọng số điểm đảm bảo đánh giá đồng đều cả quá trình học tập và đánh giá kết thúc học phần. Trọng số điểm đánh giá thường xuyên chiếm 40% trọng số chung, trong đó bao gồm: 10% chuyên cần và thái độ học tập, 30% điểm thi giữ kì và điểm thi kết thúc học phần chiếm trọng số 60%. Do một số học phần thi Online nên Học viện đã điều chỉnh trọng số cho phù hợp, theo đó 20% chuyên cần, 30% điểm thi giữ kì và điểm thi kết thúc học phần chiếm trọng số 50%.

Hình thức KTĐG được thực hiện theo quy định trong ĐCCT học phần của CTĐT ngành CNXHKKH. Các phương pháp KTĐG ý thức SV, hồ sơ SV được GV sử dụng tương đối phong phú, gồm giao bài tập cá nhân, làm bài tập nhóm, vấn đáp...

Cuối mỗi học kì, Học viện tổ chức kì thi kết thúc học phần. Đối với các môn cơ sở ngành và chuyên ngành Khoa CNXHKKH chịu trách nhiệm toàn bộ công việc coi thi; đối với các các môn đại cương, Ban Quản lí đào tạo phối hợp với khoa tổ chức coi thi. Trung tâm KT&ĐBCLĐT xây dựng kế hoạch thi, chọn và in sao đóng gói đề thi các môn đại cương; còn các môn cơ sở ngành và chuyên ngành lãnh đạo Khoa CNXHKKH bốc thăm và nhân bản số đề thi tương ứng. Công tác tổ chức coi thi, làm phách, chấm thi, lên điểm và nhập điểm thi được thực hiện chặt chẽ. Quy trình biên soạn đề thi, duyệt đề thi, nộp đề thi, in sao đề thi, bảo quản đề thi đảm bảo tính bảo mật, khách quan, chính xác, công bằng. KQHT của SV được nhập và lưu trữ trên phần mềm quản lí đào tạo. Ngoài ra, cuối mỗi học kì, Học viện tổng kết công tác tổ chức thi kết thúc học phần, tổng hợp ý kiến phản hồi của SV về CTĐT và hoạt động giảng dạy của GV qua đó xác định phương pháp và quy trình KTĐG đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy, sự công bằng và đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức, kĩ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.



Các phương pháp KTĐG được sử dụng về cơ bản đảm bảo đánh giá được các yêu cầu của CDR. Mỗi một phương thức đánh giá đều tham chiếu/liên kết đến CDR học phần, đo lường được các yêu cầu. Hằng năm, sau mỗi học kì, Học viện có báo cáo phân tích KQHT của SV theo từng ngành học, học phần; Khoa đã tổ chức các buổi hội thảo, sinh hoạt chuyên môn để đánh giá hiệu quả tổ hợp các phương pháp KTĐG được áp dụng trong các học phần, từ đó đề xuất việc cải tiến nhằm đảm bảo đánh giá được các yêu cầu của CDR.

## 2. Điểm tồn tại

Qua khảo sát hồ sơ, đã kiểm tra ngẫu nhiên bài thi tiểu luận 03 học phần năm học 2019 - 2020 và 2020-2021 cho thấy: trong 3 học phần thi theo hình thức tiểu luận, tất cả 3 học phần không có rubric đánh giá...(học phần Cách mạng Xã hội chủ nghĩa; Chủ nghĩa Xã hội chủ nghĩa; Lịch sử Tư tưởng Xã hội chủ nghĩa). Đối với thi tự luận các học phần đã có đáp án nhưng không có người lập đáp án và cấp phê duyệt. Đối với 01 học phần thi theo hình thức vấn đáp (Học phần CNXHKKH) 22/22 câu hỏi không có đáp án.

Học viện/Khoa đã tổ chức đánh giá đề thi nhưng việc phân tích kết quả thi của người học với tất cả các học phần để đánh giá mức độ phù hợp và độ tin cậy của phương pháp KTĐG và của đề thi đã sử dụng như: Phân tích KQHT của SV ở các khóa khác nhau, ở các đợt thi khác nhau, ở các hình thức thi khác nhau,... chưa được thực hiện bài bản.

Học viện/Khoa chưa thực định kì hiện việc phân tích phổ điểm thi kết thúc học phần để GV rút kinh nghiệm trong việc ra đề thi.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện và Khoa cần chấn chỉnh công tác KTĐG học phần ở khâu chấm thi cũng như công tác hậu kiểm để đảm bảo tính khách quan, công bằng đúng quy định cho việc đánh giá người học.

Cuối mỗi học kì, các đơn vị cần phân tích KQHT của SV, có đối sánh với các khóa trước và đối sánh với các hình thức KTĐG khác để đánh giá độ tin cậy, chính xác của phương pháp và của đề thi kiểm tra.

Cần tiến hành tổng kết, đánh giá việc phân tích phổ điểm nhằm rút kinh nghiệm đối với từng GV ra đề thi học phần ngay sau mỗi kì thi để tạo ra được sự thay đổi tích cực trong công tác giảng dạy, ra đề.

## 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: chưa đạt ( mức 3).

***Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập***

**1. Điểm mạnh**

Quy định công bố KQHT của SV được thể hiện trong Quyết định số 2989/QĐ-HVBCTT-KT về việc ban hành Quy định về công tác khảo thí ngày 01/09/2017; Quyết định số 3777/ QĐ HVBCTT-ĐT về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ HVBC & TT; Quyết định số 1117/QĐ- HVBCTT-ĐT ngày 9/3/2018 về việc ban hành Quy định phúc khảo bài thi học phần; Quyết định số 1909/QĐ- HVBCTT ngày 19/4/2021 về việc ban hành Quy định về công tác tổ chức kì thi học phần hệ đại học chính quy tập trung. Các văn bản này quy định việc phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai, đúng thời gian quy định đến GV và SV để thực hiện và kiểm tra giám sát.

KQHT và các thông tin liên quan khác được cập nhật trong cổng thông tin SV, tại các cuộc họp lớp hoặc thông qua hệ thống CVHT, đối thoại với Ban giám đốc học viện qua các năm.

Qua phỏng vấn, hầu hết SV được phỏng vấn đều hài lòng về cách thức, thời gian phản hồi KQHT.

Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai, kịp thời đến GV và người học. Cụ thể, mỗi SV được cấp một tài khoản riêng và SV sử dụng tài khoản đó truy cập vào website của Học viện để xem kết quả điểm kiểm tra, điểm thi. GV có trách nhiệm thông báo điểm chuyên cần đến SV trước khi kết thúc học phần. Điểm thi kết thúc học phần sau khi bộ môn hoàn thành chấm theo quy định sẽ được Trung tâm KT&ĐBCLĐT cập nhật lên phần mềm chậm nhất là sau 2 ngày. Hồ sơ, KQHT của SV được lưu giữ đầy đủ theo đúng tiến trình học tập và SV có thể tiếp cận và tra cứu trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo (Phần mềm ESSoft Version 6.0). Ngoài ra, thông tin về kết quả đánh giá được đăng trên Website của Học viện, trong Sổ tay SV, tại “Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa”. Ngoài ra, trong suốt quá trình học, SV luôn được đại diện Học viện, Khoa và GV phụ trách học phần phổ biến về quy định phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá. Đối với từng học phần, GV phụ trách học phần nào thì thông báo hình thức và thời gian đánh giá kết quả học phần cho SV lớp học phần đó từ đầu học kì.

Qua khảo sát cho thấy, người học được phản hồi kết quả đánh giá kịp thời ngay sau khi kết thúc học phần đối với đánh giá chuyên cần. Còn đối với thi giữa kì, cuối kì, sau khi bộ môn hoàn thành chấm thi (theo quy định 14 ngày), và 2 ngày sau đó Trung tâm KT&ĐBCLĐT sẽ thông báo điểm cho người học qua phần mềm quản lý đào tạo. Riêng đối với thi trắc nghiệm, Học viện quy định kết quả thi được công bố sau 2 ngày

thi. người học có thể khiếu nại hoặc phúc khảo điểm bằng cách gửi đơn (theo mẫu) trực tiếp về Trung tâm KT&ĐBCLĐT trong thời gian 15 ngày kể từ khi công bố điểm thi. Trung tâm KT&ĐBCLĐT phối hợp cùng Khoa, bộ môn giải quyết khiếu nại cho SV sau 9 ngày kể từ ngày nhận đơn. Các trường hợp bị thôi học, chậm nhất sau 1 tháng, Học viện có thông báo trả về địa phương nơi SV có hộ khẩu thường trú. Nếu người học có nguyện vọng xin bảo lưu thì hướng dẫn thực hiện các thủ tục theo quy chế (Quyết định số 3777/QĐ HVBC TT-ĐT).

Kết quả phỏng vấn cho thấy, hầu hết SV và cựu SV đều thể hiện sự hài lòng với cách tiếp nhận sự phản hồi về đánh giá KQHT của Học viện và Khoa.

Trên cơ sở thông tin phản hồi KQHT của người học, Học viện và Khoa đã thống kê đề sử dụng cập nhật ngân hàng câu hỏi và cải thiện KQHT cho người học.

## 2. Điểm tồn tại

Chưa có nhiều minh chứng thể hiện việc SV sử dụng các thông tin kết quả KTĐG để cải thiện việc học tập (cải thiện điểm, tốt nghiệp sớm, tốt nghiệp trước hạn...).

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần tích hợp thêm nội dung khảo sát về mức độ hài lòng của SV về việc công bố, phản hồi KQHT trong đánh giá học phần, trên cơ sở đó có những giải pháp cho việc cải thiện công tác này trong tương lai.

## 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

### ***Tiêu chí 5.5. người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập***

#### 1. Điểm mạnh

Quy định công bố KQHT của SV được thể hiện trong Quyết định số 2989/QĐ-HVBC TT-KT về việc ban hành Quy định về công tác khảo thí ngày 01/09/2017; Quyết định số 3777/QĐ HVBC TT-ĐT về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ HVBC & TT; Quyết định số 1117/QĐ- HVBC TT-ĐT ngày 9/3/2018 về việc ban hành Quy định phúc khảo bài thi học phần; Quyết định số 1909/QĐ- HVBC TT ngày 19/4/2021 về việc ban hành Quy định về công tác tổ chức kì thi học phần hệ đại học chính quy tập trung. Các quy định này được công bố công khai trên website tại địa chỉ <http://118.70.217.142:81>, sổ tay SV, đồng thời cũng được thông báo rõ ràng tại các cuộc gặp mặt đầu khóa hay họp lớp định kì.

Trên cơ sở các quy định về KTĐG của Học viện, người học được quyền khiếu

nại KQHT và việc khiếu nại (nếu có) sẽ được Học viện/Khoa giải quyết kịp thời theo quy định đã ban hành (Người học khiếu nại về điểm đánh giá chuyên cần, giáo vụ Khoa có trách nhiệm phối hợp với GV phụ trách học phần giải quyết kịp thời; nếu khiếu nại về điểm thi kết thúc học phần, người học làm đơn gửi trực tiếp đến Trung KT&ĐBCLĐT, Trung tâm sẽ tiếp nhận đơn và thành lập ban phúc khảo bài thi; tiến hành chuẩn bị các điều kiện và tiến hành các bước để thực hiện chấm phúc khảo. Bài thi sau khi chấm phúc khảo, nếu chênh lệch  $\leq 1$  điểm, hai CB chấm phúc khảo thảo luận, thống nhất; nếu lệch  $>1$  điểm và  $< 1,5$  điểm, tổ trưởng chấm thi quyết định trên cơ sở trao đổi với 2 CB chấm thi; trường hợp điểm chênh nhau  $\geq 1,5$  điểm, tổ trưởng tổ chấm thi tổ chức chấm thi lần 3 trực tiếp vào bài thi của SV bằng mực màu khác. Kết quả phúc khảo bài thi được thông báo ngay cho SV và được cập nhật, chỉnh sửa vào bảng tổng hợp theo từng học kì trên phần mềm Quản lý Đào tạo.

## 2. Điểm tồn tại

Quy định thời gian phản hồi đơn xin phúc tra của SV là 15 ngày kể từ khi nhận đơn là khá lâu, do đó ảnh hưởng đến khả năng học vượt, học cải thiện điểm của người học.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện nên nghiên cứu để điều chỉnh quy định trong Quy định phúc khảo bài thi học phần, rút ngắn thời gian phản hồi kết quả đánh giá của người học tạo điều kiện cho SV kịp thời cải thiện việc học tập.

## 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

### ***Đánh giá chung về tiêu chuẩn 5:***

#### **+ Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:**

Học viện và Khoa đã có hệ thống các văn bản KTĐG KQHT của người học, bao gồm từ quy định chung như: Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy định tổ chức thi kết thúc học phần, đến những quy định có tính riêng biệt như Quy định làm khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế tốt nghiệp... Các văn bản này đều được công khai tới SV và GV.

Mỗi học phần đều được đánh giá bằng các phương pháp KTĐG khác nhau phù hợp với CĐR của học phần và tương ứng với CĐR của CTĐT cần đạt được. Các phương pháp, công cụ sử dụng trong KTĐG học phần giúp đánh giá được mức độ đạt CĐR.

Các văn bản quy định đã xác định rõ thời gian nơi công bố điểm thi phù hợp với

các hình thức tổ chức thi kết thúc học phần, xác định thời gian phải gửi kết quả đánh giá của học phần về Trung tâm KT& ĐBCLĐT sau khi chấm thi và phản hồi kết quả cho người học và thời gian lưu trữ bài thi...

SV được phổ biến đầy đủ về các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT trong tuần lễ sinh hoạt công dân đầu khóa học, trong Sổ tay SV, được tiếp cận với Quy chế đào tạo của Học viện từ ngày nhập học.

Người học hài lòng về kết quả phản hồi và không có thắc mắc khiếu nại nào.

+ Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Một số ĐCHP khi nêu hình thức KTĐG chưa thống nhất với bảng thống kê. Học viện/Khoa chưa có quy định và ban hành hướng dẫn sử dụng thang rubrics phục vụ trong KTĐG. Việc thay đổi trọng số điểm KTĐG một số học phần trong CTĐT năm 2020 do thi Online chưa có văn bản ban hành chính thức.

Học viện chưa tổ chức tổng kết các văn bản quy định liên quan đến công tác KTĐG để phục vụ nâng cao hiệu quả công tác này.

Đáp án bài thi một số học phần chưa đảm bảo đúng quy định. Việc phân tích kết quả thi, phổ điểm của người học để phục vụ cải tiến công tác KTĐG chưa được thực hiện, bài bản.

Chưa có nhiều minh chứng thể hiện việc SV sử dụng các thông tin kết quả KTĐG để cải thiện việc học tập.

+ Kiến nghị đối với CTĐT:

Cần rà soát các hình thức KTĐG ở bảng thống kê các hình thức KTĐG trong CTĐT đúng với ĐCHP đã xác định. Học viện/Khoa nên nghiên cứu để ban hành thang rubrics hướng dẫn việc KTĐG để đảm bảo việc thiết kế các câu hỏi thi/các đề thi có độ chính xác cao, đo lường được mức độ đạt CDR của học phần và CDR của CTĐT. Khi thay đổi trọng số điểm KTĐG của các học phần trong CTĐT do thi Online, Học viện cần ban hành văn bản chính thức để triển khai thực hiện.

Học viện cần tiến hành tổng kết các văn bản quy định liên quan đến công tác KTĐG nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lí.

Cần chấn chỉnh công tác KTĐG học phần ở khâu chấm thi đúng quy định. Nên tiến hành phân tích KQHT của SV, có đối sánh với các khóa trước và đối sánh với các hình thức KTĐG khác để đánh giá độ tin cậy, chính xác của phương pháp và của đề thi kiểm tra.

Nên tiến hành tổng kết, đánh giá việc phân tích phổ điểm nhằm rút kinh nghiệm đối với từng GV ra đề thi học phần.

## **VI. Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

**1. Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.**

### 1. Điểm mạnh

Học viện đã có Chiến lược phát triển HVBC&TT đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 (QĐ số 2418/QĐ-HVBC&TT ngày 08 tháng 07 năm 2014); Chiến lược phát triển HVBC&TT đến năm 2035 tầm nhìn đến năm 2050 (QĐ số 770/QĐ-HVBC&TT ngày 20/02/2017, về việc chỉnh sửa và ban hành); (QĐ số 6528/QĐ-HVBC&TT ngày 31/12/2018, về việc bổ sung, điều chỉnh và ban hành); Trong đó, đánh giá thực trạng đội ngũ GV trong từng giai đoạn; xác định mục tiêu, giải pháp nhằm tuyển dụng, thu hút, tiếp nhận nguồn nhân lực chất lượng cao làm việc tại Học viện với các chỉ tiêu: có 240/386 GV/tổng số CB, GV, NV, đạt 62,18%; GV có trình độ ThS là 113 đạt 47,08%; GV có trình độ TS là 97 đạt 40,48%; GV có trình độ PGS.TS 28 đạt 11,67%; 18,83 SV/GV, đạt 50% GV có trình độ TS vào năm 2025; Đề án vị trí việc làm kèm theo Bảng mô tả vị trí công việc của GV (ĐA số 6079-ĐA/HV BC&TT ngày 31/12/2020) đã xác định rõ ràng việc quy hoạch các vị trí việc làm của CB, GV, NV toàn Học viện (xác định 10 vị trí GV cho Khoa CNXHKKH tham gia giảng dạy cho ngành CNXHKKH và 02 vị trí quản lí Khoa kiêm nhiệm (Trưởng khoa; Phó trưởng khoa vẫn tham gia giảng dạy, NCKH, đồng thời tham gia các sinh hoạt khác tại Khoa như Đảng, Công đoàn). Khoa CNXHKKH có Chiến lược phát triển Khoa giai đoạn đến năm 2035, tầm nhìn 2050, trong đó có các mục tiêu và giải pháp phát triển đội ngũ GV nhằm đáp ứng nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH. Kế hoạch ĐTBĐ CB, công chức, viên chức giai đoạn 2019-2023 (KH số 6530/KH-HVBC&TT ngày 31/12/2018) đã nêu rõ mục đích, yêu cầu; nội dung ĐTBĐ, biện pháp; tổ chức thực hiện. Hàng năm Học viện ban hành kế hoạch ĐTBĐ ngắn hạn: 695/KH-HVBC&TT ngày 09/02/2018; 902/KH-HVBCTT ngày 26/02/2019; 893/KH-HVBCTT ngày 06/3/2020; 977/KH-HVBCTT ngày 08/02/2021. Học viện đã sử dụng quy định về ĐTBĐ của Quy chế ĐTBĐ CB, công chức, viên chức (367-QĐ-HVCTQG ngày 17/01/2018 ) chung trong hệ thống Học viện và Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng CB, công chức, viên chức.

Học viện đã ban hành Kế hoạch phát triển đội ngũ công chức, viên chức giai đoạn 2019 - 2023, định hướng đến năm 2030. Học viện đã xây dựng Kế hoạch số 2150-KH/HVBCTT ngày 17/5/2022 về quy hoạch CB, lãnh đạo quản lí giai đoạn 2021 -2026 và giai đoạn 2026 - 2031. Trong đó, đánh giá thực trạng và nhu cầu đội ngũ lãnh đạo, quản lí để có kế hoạch tuyển dụng, ĐTBĐ đội ngũ GV hằng năm, đáp ứng nhu

cầu của các CTĐT. Triển khai CLPT, Kế hoạch phát triển đội ngũ GV, NV của Học viện, Khoa đã xác định nhu cầu nguồn nhân lực, nhu cầu ĐTBĐ của đội ngũ GV, NV để xây dựng Kế hoạch tuyển dụng, kế hoạch ĐTBĐ cho đội ngũ GV, NV hàng năm trình Hiệu trưởng phê duyệt (Kế hoạch và Thông báo tuyển dụng các năm trong giai đoạn đánh giá; Kế hoạch ĐTBĐ hàng năm).

Việc tuyển dụng được Học viện thực hiện theo quy định cập nhật của Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Việc điều động và bổ nhiệm CB được Học viện thực hiện theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm CB lãnh đạo, quản lý (ban hành kèm theo Quyết định số 339-QĐ/HVCTQG ngày 22/01/2019 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) và Quy định số 201-QĐ/HVCTQG ngày 22/6/2020 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm CB; Đề án vị trí việc làm kèm theo Bảng mô tả vị trí công việc của GV. Trong đó, quy định rõ kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng cho từng vị trí chức danh; chính sách thu hút, đãi ngộ, ĐTBĐ nhân sự. Hàng năm, Học viện và Khoa có triển khai thực hiện theo kế hoạch phát triển đội ngũ GV nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH theo các chỉ tiêu xác định hàng năm và theo giai đoạn; tuyển mới GV trẻ. Tại thời điểm đánh giá ngoài ngành CNXHKKH có 10 GV, trong đó có 02 PGS.TS (chiếm 20%), 05 TS (chiếm 50%), 3ThS (chiếm 30%). Độ tuổi bình quân của đội ngũ GV của ngành là 44 tuổi.

Học viện có kế hoạch xây dựng quy hoạch CB lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016-2020 (KH số 404/KH- HV BC&TT, ngày 17/02/2016) và kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch chức danh CB lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016-2020 (KH số 5949/KH- HV BC&TT, ngày 21/12/2018). Trong đó, có mục đích, yêu cầu; các chức danh quy hoạch; điều kiện, tiêu chuẩn CB bổ sung vào quy hoạch; đối tượng đưa ra khỏi quy hoạch; thẩm quyền quyết định quy hoạch; quy trình xây dựng, quyết định quy hoạch; thời gian tiến hành.

## 2. Điểm tồn tại

Học viện có kế hoạch xây dựng quy hoạch CB GV, NCV đã có định tính và định lượng nhưng chưa chi tiết.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần rà soát và chi tiết hóa kế hoạch xây dựng quy hoạch CB GV, NCV

trên cơ sở nhu cầu đội ngũ CB, GV, NCV thực tế.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có
5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 5).

***Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/NH và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

1. Điểm mạnh

Khoa CNXHKKH hiện đang đào tạo 01 CTĐT trình độ đại học. Quy đổi theo quy định tại các Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018; số 01/2019/TT-BGDĐT ngày 25/02/2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT về thi tỷ lệ GV/SV quy đổi của CTĐT ngành CNXHKKH là đủ, đáp ứng yêu cầu qui định của Bộ GD&ĐT.

Trong giai đoạn đánh giá, khối lượng, thời gian làm việc, định mức giờ chuẩn của GV được Học viện thực hiện Quy định chế độ làm việc đối với GV của HV BC&TT (QĐ số 928/QĐ-HV BC&TT-ĐT ngày 01/03/2018); Bảng mô tả vị trí công việc của GV. Trong đó, quy định rõ về quy đổi theo giờ chuẩn, tiết chuẩn nghĩa vụ, khối lượng và thời gian làm việc đối với từng đối tượng; hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc, tiết chuẩn, tiết miễn giảm của đội ngũ GV, NCV theo chuẩn và đo lường được để giám sát, đánh giá và cải tiến. Quy định thời gian làm việc; giờ chuẩn giảng dạy; NCKH và các nhiệm vụ khác của GV. Ví dụ: thời gian làm việc GV là 40 giờ/tuần, được xác định theo năm học; tổng quỹ thời gian làm việc của GV bình quân trong 01 năm học để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, học tập bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác trong Học viện là 1760 giờ (44 tuần x40 giờ/tuần). Định mức giờ chuẩn theo các chức danh và được xác định trên 3 loại nhiệm vụ: giảng dạy; NCKH; học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác cụ thể: Với GV(hạng III) trình độ Tiến sĩ và chưa Tiến sĩ (800 giờ hành chính (270 giờ chuẩn)và 600 giờ NCKH, 360 giờ chuẩn công việc khác); Với GV(hạng II) trình độ Tiến sĩ và chưa Tiến sĩ (800 giờ hành chính (280 giờ chuẩn)và 700 giờ NCKH, 260 giờ chuẩn công việc khác); Với GV(hạng I): trình độ Tiến sĩ (700 giờ hành chính (290 giờ chuẩn)và 850 giờ NCKH, 210 giờ chuẩn công việc khác); trình độ Phó giáo sư (750 giờ hành chính (270 giờ chuẩn)và 900 giờ NCKH, 110 giờ chuẩn công việc khác) và trình độ Giáo sư (720 giờ hành chính (270 giờ chuẩn) và 950 giờ NCKH, 90 giờ chuẩn công việc khác). Ngoài ra, còn quy định số giờ giảng chuẩn cho GV giữ chức vụ quản lí.

Đầu mỗi năm học, Khoa căn cứ kế hoạch công tác của từng GV và phối hợp với Ban quản lí đào tạo để phân công khối lượng giảng dạy theo kế hoạch đào tạo; phối



hợp với Ban quản lý khoa học để giao khối lượng giờ NCKH cho GV. Cuối mỗi học kì, Khoa phối hợp với Ban quản lý đào tạo thống kê khối lượng giảng dạy và Ban quản lý đào tạo thống kê khối lượng NCKH của từng GV làm căn cứ đánh giá việc thực hiện công việc của GV.

Khối lượng công việc của đội ngũ GV được giám sát chặt chẽ: Khoa theo dõi tiến độ, khối lượng giảng dạy, NCKH của GV, giám sát chất lượng, kết quả thực hiện nhiệm vụ của GV theo Quy trình đánh giá, phân loại CB-GV-NV và Quy trình xét thi đua khen thưởng. Ở cấp Học viện, Ban quản lý đào tạo là đơn vị giám sát, kiểm tra khối lượng giảng dạy của GV, Ban quản lý đào tạo kiểm tra rà soát hoạt động NCKH của GV; còn có sự phối hợp của Trung tâm KĐ&ĐB CLĐT, Ban Tổ chức CB.

## 2. Điểm tồn tại

Giai đoạn 2017-2021, việc thực hiện số giờ NCKH của ngành chưa đồng đều, tập trung vào một số GV. Mức chi cho các sản phẩm NCKH xuất sắc cho GV còn thấp: công bố khoa học quốc tế (danh mục ISI/Scopus, chỉ số ISSN) trước năm 2021 là 3 triệu đồng/1 bài, năm 2021 Học viện đã điều chỉnh lên tối đa 10 triệu đồng/bài, tuy nhiên mức này vẫn còn thấp so với nhiều CSGD đại học khác.

Hoạt động PVCĐ của GV chưa được thể hiện rõ và chưa đề cập trong các quy định của Học viện /Khoa.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần tăng cường chính sách thu hút, hấp dẫn để khuyến khích GV NCKH và có biện pháp để các GV có chức danh GS, PGS có kinh nghiệm dẫn dắt các GV khác cùng thực hiện các hoạt động NCKH. Cần tăng cường hơn nữa những chính sách hỗ trợ, khuyến khích và có biện pháp để giúp GV tăng số lượng công bố quốc tế.

Học viện /Khoa cần bổ sung quy định về hoạt động PVCĐ của GV trong Quy định chế độ làm việc của GV.

## 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

***Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.***

### 1. Điểm mạnh

Việc tuyển dụng được Học viện thực hiện theo quy định cập nhật của Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và

thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Việc điều động và bổ nhiệm CB được Học viện thực hiện theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm CB lãnh đạo, quản lý (ban hành kèm theo Quyết định số 339-QĐ/HVCTQG ngày 22/01/2019 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) và Quy định số 201-QĐ/HVCTQG ngày 22/6/2020 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm CB. Đề án vị trí việc làm kèm theo Bảng mô tả vị trí công việc của GV. Trong đó, đã nêu rõ các tiêu chuẩn chung và tiêu chí, yêu cầu cụ thể đối với từng vị trí tuyển dụng (bao gồm tiêu chí tuyển dụng về đạo đức, năng lực và trình độ ngoại ngữ, tin học theo quy định).

Trong giai đoạn 2017-2021, trên cơ sở nhu cầu thực tế đội ngũ GV và của CTĐT, NCKH của các CB, GV, NV (Khoa tổng hợp), Học viện ban hành kế hoạch, thông báo tuyển dụng và kế hoạch ĐTBĐ hằng năm. Việc mời GV thỉnh giảng được thực hiện theo Quy chế GV thỉnh giảng (Quyết định số 1938-QĐ/HVBC&TT-TCCB ngày 12/8/2013 của HVBC&TT). Việc thực hiện bổ nhiệm GV vào chức danh lãnh đạo, quản lý của Học viện được thực hiện theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, thôi giữ chức vụ, từ chức và miễn nhiệm CB quản lý, các đơn vị thuộc thẩm quyền của Học viện HVBC&TT (Quyết định số 339-QĐ/HVCTQG ngày 22/01/2019 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Quy định số 201-QĐ/HVCTQG ngày 22/6/2020 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh); Đề án vị trí việc làm (số 607-ĐA/HVBCTT, ngày 31/12/2020) và Bảng mô tả vị trí công việc. Các thông báo tuyển dụng và kết quả tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển GV trong giai đoạn 2017-2021 của Học viện đều được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Học viện, qua hệ thống Email của các Phòng, Ban, Khoa, Viện và trên các phương tiện thông tin đại chúng. Giai đoạn 2017-2021, ngành CNXHKKH thay đổi về tổng số từ 11 xuống 10 GV, có 01 GV nghỉ hưu.

## 2. Điểm tồn tại

Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, thôi giữ chức vụ, từ chức và miễn nhiệm cán bộ quản lý, các đơn vị thuộc thẩm quyền của HVCTQG Hồ Chí Minh do vậy còn hạn chế về mặt thời gian triển khai thực hiện so với thực tế yêu cầu.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần rà soát lại Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, thôi giữ chức vụ, từ chức và miễn nhiệm CB quản lý, các đơn vị thuộc thẩm quyền của

HVCTQG (QĐ số 339-QĐ/HVCTQG ngày 22/01/2019) để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với các quy định hiện hành và phù hợp với thực tế của HVBC&TT giai đoạn hiện nay.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

***Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.***

**1. Điểm mạnh**

Năng lực của đội ngũ GV, nghiên cứu viên của Học viện được thể hiện ở nhiều văn bản: Quy định tiêu chí về trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ và tin học, kinh nghiệm công tác, kỹ năng giảng dạy, nghiên cứu khoa học, đóng góp cho cộng đồng của CB, GV, NV Học viện; Bản mô tả vị trí công việc của GV; Quy định về chế độ làm việc đối với GV của HVBC&TT (QĐ số 928/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 01/3/2018); Quy chế quản lý hoạt động khoa học của HVBC&TT (QĐ số 6531/QĐ-HVBC&TT ngày 26/12/2018). Trong đó, năng lực của GV được xác định qua năng lực sư phạm: năng lực giảng dạy, ứng dụng và sử dụng CNTT trong dạy học; năng lực nghiên cứu NCKH và các hoạt động chuyên môn khác.

Hàng năm, Học viện/Khoa thực hiện đánh giá năng lực của GV trên cơ sở quy định cụ thể theo Quy trình đánh giá, phân loại CB, GV, NV và Quy chế thi đua, Khen thưởng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (QĐ số 3370-QĐ/HVCTQG ngày 04/7/2019), qua các hình thức: (i) Đánh giá chất lượng giảng dạy của GV qua quá trình dạy học của GV (lấy ý kiến từ NH); (ii) Đánh giá hoạt động NCKH của GV qua kết quả số lượng và chất lượng sản phẩm NCKH. Giai đoạn 2017-2021, 15 lượt GV được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 34 lượt GV được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ và 02 lượt GV được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ.

**2. Điểm tồn tại**

Học viện chưa có quy định về đánh giá năng lực đội ngũ GV, bao gồm tiêu chí đánh giá năng lực, quy trình đánh giá và cách thức thực hiện đánh giá năng lực theo từng lĩnh vực giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác (chỉ có một số các tiêu chí đánh giá năng lực GV về giảng dạy, NCKH trong biểu mẫu đánh giá, phân loại CB, công chức, viên chức hàng năm hoặc một số văn bản khác nhau nhưng còn chung chung).

Học viện/Khoa chưa tách biệt việc đánh giá năng lực với đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ và thi đua khen thưởng đối với GV vào cuối mỗi năm (kết quả đánh giá năng lực là một trong các tiêu chí để đánh giá, phân loại GV). Việc đánh giá một số năng lực của GV còn chưa được thường xuyên và hiệu quả.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần ban hành một văn bản chung quy định về việc đánh giá năng lực của đội ngũ GV. Trong đó, cần tích hợp các văn bản có quy định tiêu chí đánh giá năng lực GV (KPIs) bao gồm các tiêu chí đánh giá năng lực giảng dạy, NCKH và PVCD; quy định quy trình và cách thức đánh giá năng lực của đội ngũ GV và việc sử dụng kết quả đánh giá năng lực (không chỉ để xét thi đua, khen thưởng và lương bổ sung mà còn để lập kế hoạch ĐTBĐ, luân chuyển, bổ nhiệm).

Hàng năm, Học viện/Khoa cần lập kế hoạch và thực hiện đánh giá năng lực GV, trong đó cần nêu rõ cách thức đánh giá năng lực về giảng dạy, phát triển CTĐT, về NCKH, về PVCD và các hoạt động khác; phân công rõ đơn vị, cá nhân chủ trì, phối hợp.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (mức 3).

***Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.***

#### 1. Điểm mạnh

Công tác ĐTBĐ dài hạn nâng cao trình độ GV của Học viện được thực hiện dựa trên cơ sở các chỉ tiêu phát triển ngũ GV đã được xác định trong Chiến lược phát triển của Học viện các giai đoạn và Bản mô tả vị trí công việc của đội CB, GV, NV. Hàng năm, trên cơ sở các văn bản này và kết quả phân tích thực trạng đội ngũ; nhu cầu CTĐT, nhu cầu ĐTBĐ của các GV/Khoa, Học viện ban hành Kế hoạch ĐTBĐ và phát triển chuyên môn của đội ngũ CB-GV-NV giai đoạn 2019-2023 và kế hoạch ĐTBĐ hàng năm. Các hình thức ĐTBĐ được Học viện triển khai đa dạng: Đào tạo nâng cao trình độ ThS, TS; ĐTBĐ thường xuyên theo nhu cầu phát triển của từng khoa/trung tâm, của GV; Các GV tự học tập và bồi dưỡng nâng cao năng lực của bản thân; Tạo ra các môi Học viện và điều kiện để GV có thể phát triển các năng lực. Hàng năm, Học viện tổ chức cho GV đi ĐTBĐ trên cơ sở nhu cầu ĐTBĐ của GV (đăng kí của GV). Kế hoạch ĐTBĐ được thông báo tới các đơn vị toàn Học viện để triển khai thực hiện và được giám sát bởi Ban Tổ chức cán bộ, Khoa CNXHKKH và qua kết quả tự đánh giá, tổng hợp, xếp loại báo cáo kết quả của việc triển khai thực hiện các kế hoạch ĐTBĐ của đội ngũ CB, GV. Ngành CNXHKKH Giai đoạn 2017-2021, có 76,54% số GV được ĐTBĐ và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch hàng năm của Học viện. Cụ thể: năm 2017 có 7/11 lượt GV đi bồi dưỡng đạt 72,7%, năm 2018 có 8/10 lượt GV đi bồi dưỡng đạt 80%, năm 2019 có 8/10 lượt GV đi bồi dưỡng đạt 80%, năm 2020 có

8/10 lượt GV đi bồi dưỡng đạt 80%, năm 2021 có 7/10 lượt GV đi bồi dưỡng đạt 70%. Kết quả ĐTBĐ là một trong tiêu chí đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của CB, GV và sử dụng để xét đánh giá, phân loại, thi đua khen thưởng hằng năm.

Kết thúc mỗi khóa ĐTBĐ, Ban Tổ chức cán bộ đã lấy ý kiến phản hồi của các CB, GV được cử đi ĐTBĐ về khóa học thông qua phiếu lấy ý kiến phản hồi của người học. Kết quả phản hồi cho thấy hầu hết CB, GV ngành cho rằng kết quả ĐTBĐ đã đáp ứng được nhu cầu phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ CB, GV.

## 2. Điểm tồn tại

Học viện chưa có nhiều khóa ĐTBĐ ngắn hạn cho GV về kỹ năng, kiến thức mới đáp ứng yêu cầu về đổi mới phương pháp dạy học (PPDH), KTĐG; kỹ năng thiết kế câu hỏi, đề thi, rà soát đánh giá KQHT; tiếp cận và định hướng NCKH hướng tới đạt CĐR của học phần hướng đến đạt CĐR của CTĐT; phát triển năng lực NCKH.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện/Khoa cần tổ chức thêm các khóa ĐTBĐ ngắn hạn cho GV về kỹ năng, kiến thức mới đáp ứng yêu cầu về đổi mới PPDH, KTĐG, hướng đến đạt CĐR của học phần/CTĐT; phát triển năng lực NCKH.

## 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

***Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

## 1. Điểm mạnh

Việc đánh giá hiệu quả công việc của GV trong công tác giảng dạy và NCKH được Học viện thực hiện trên cơ sở các văn bản: Quy định về chế độ làm việc của GV; Quy định quản lý hoạt động khoa học trong HVBC&TT. Quy chế chi tiêu nội bộ của HVBC&TT; Bản mô tả vị trí công việc của CB, GV, NV. Các văn bản này đã xác định rõ khối lượng các công việc và tiêu chí đánh giá năng lực cho từng CB, GV, NV và là cơ sở để Học viện quản trị mức độ hoàn thành công việc của CB, GV, NV hằng năm. Để đánh giá mức độ hoàn thành công việc của CB, GV, NV, Học viện đã thực hiện theo Quy trình đánh giá, phân loại CB, GV, NV và Quy trình xét thi đua khen thưởng. Hệ thống các Quy định, Quy chế này được công bố rộng rãi, đầy đủ đến CB, GV, NV trong toàn Học viện.

Hàng năm các CB, GV của Khoa đều lập kế hoạch công tác cá nhân; đăng ký danh hiệu thi đua năm học và được Lãnh đạo Khoa phê duyệt. Kế hoạch công tác

được xây dựng dựa trên Bảng mô tả vị trí việc làm, định mức khối lượng giờ giảng và NCKH cũng như các hoạt động khác theo quy định của từng năm học và nhiệm vụ giảng dạy, NCKH đã được giao và trên cơ sở nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của từng GV (Bảng phân công giờ giảng và Bảng phân công khối lượng NCKH của Khoa; Kế hoạch công việc của các đơn vị thuộc Học viện hằng năm). Vào cuối năm tất cả CB, GV, NV thực hiện đánh giá, xếp loại theo Hướng dẫn đánh giá, xếp loại đối với CB, GV, NV. Quy trình đánh giá của Học viện được thực hiện trên cơ sở cá nhân tự đánh giá, cấp ủy và đồng nghiệp góp ý, nhận xét trên cơ sở tham khảo ý kiến góp ý, Trưởng đơn vị đánh giá, xếp loại cá nhân. Kết quả đánh giá là cơ sở để bình xét thi đua, khen thưởng. Mức độ hoàn thành nhiệm vụ của GV được sử dụng làm cơ sở để xét thi đua, khen thưởng, bổ nhiệm, điều chuyển và là căn cứ xây dựng kế hoạch ĐTBĐ hằng năm. Việc đánh giá kết quả công việc của GV được công khai, minh bạch. Giai đoạn 2017-2021, 15 lượt GV được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 34 lượt GV được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ và 02 lượt GV được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ. Giai đoạn 2017-2021, 36 lượt GV đạt danh hiệu lao động tiên tiến; 11 lượt GV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở và 2 lượt GV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp Bộ.

Hằng năm, Học viện/Khoa đều lấy ý kiến đánh giá hiệu quả công việc bằng phiếu khảo sát đến tất cả GV và sự hài lòng về kết quả đánh giá và thi đua khen thưởng của Học viện /Khoa (trên 80% GV hài lòng trở lên). Các kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của CB, GV, NV được gửi đến từng đơn vị, cá nhân để có phản hồi trước khi ban hành quyết định công nhận đánh giá, xếp loại và được công khai trên trang văn thư điện tử để toàn thể CB, GV biết. Vì vậy, trong giai đoạn đánh giá, Học viện chưa nhận được đơn khiếu nại kết quả đánh giá, phân loại, bình xét TĐ-KT, nâng lương trước thời hạn cho các GV.

## 2. Điểm tồn tại

Học viện có Quy trình đánh giá, phân loại CB, GV, NV chưa có tiêu chí đánh giá, phân loại đối với hoạt động PVCD của GV để đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định; việc quản trị công việc của GV về hoạt động PVCD còn chưa rõ nét như hoạt động đào tạo và NCKH.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần quy định về đánh giá, phân loại CB, GV, NV, trong đó lưu ý quy định về việc đánh giá hoạt động PVCD của GV cũng như quản trị công việc của GV về hoạt động PVCD để đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định; đưa kết quả đánh giá năng lực thành 1 tiêu chí đánh giá, phân loại GV cuối mỗi năm học.

## 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

***Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

***1. Điểm mạnh***

Trong chu kỳ đánh giá, hoạt động NCKH của đội ngũ GV Học viện được thực hiện theo Quy chế Quản lý hoạt động khoa học ở HVBC&TT<sup>(1)</sup> và Quy định chế độ làm việc đối với GV<sup>(2)</sup>. Theo đó, hoạt động NCKH gồm các loại hình: Tham gia đề tài/dự án/nhiệm vụ khoa học các cấp, công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học trong/ngoài nước hoặc trong các hội nghị/hội thảo khoa học, biên soạn giáo trình/sách chuyên khảo, tham gia hội nghị/hội thảo khoa học, tư vấn chuyển giao công nghệ, tham gia các cuộc thi sáng tạo, hướng dẫn người học tham gia NCKH,... Học viện đã quy định giờ chuẩn NCKH mỗi năm đối với GV cao cấp hạng I gồm các GS là 950 giờ, PGS là 900 giờ, GV có trình độ TS là 850 giờ, đối với GV chính (hạng II) là 700 giờ, đối với GV (hạng III) là 600 giờ. Hoạt động KHCN được quy đổi ra giờ giảng lý thuyết, được quy định tương đối rõ ràng như: bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus được quy đổi tối đa 900 giờ/bài, bài báo trên tạp chí quốc tế ngoài hệ thống ISI/Scopus tối đa 600 giờ/bài, chủ trì đề tài cấp Nhà nước 500 giờ/đề tài, hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH 50 giờ/đề tài... Để khuyến khích các GV có kết quả hoạt động NCKH xuất sắc, Học viện đã có quy định thưởng cho các cá nhân có bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus tối đa 10 triệu đồng/bài, đăng trên tạp chí quốc tế có chỉ số ISSN tối đa 03 triệu đồng/bài<sup>(3)</sup>. Hằng năm, Học viện đều tổ chức Hội nghị khoa học của GV và tổ chức nhiều hội thảo khoa học các cấp. Yêu cầu về NCKH được thể hiện rõ trong năng lực vị trí GV.

Học viện/Khoa thực hiện tổng kết đánh giá mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV, từ đó đề ra phương hướng hoạt động NCKH hàng năm. Số lượng và loại hình NCKH của Khoa/ngành CNXHKKH được thực hiện giám sát, đối sánh với các khoa khác trong Học Viện. Trong chu kỳ đánh giá, số liệu thống kê cho thấy, đội ngũ GV Khoa CNXHKKH tham gia thực hiện CTĐT CNXHKKH đã triển khai hoạt động NCKH với nhiều loại hình như triển khai và nghiệm thu 02 đề tài cấp Bộ; 34 đề tài cấp trường/Học viện; đã đăng 78 bài báo trên các tạp chí khoa học trong nước; đã đăng 01 bài trên tạp chí khoa học quốc tế; đã viết 02 sách giáo trình, 07 sách chuyên khảo; tham gia các hội thảo trong nước (52 tham luận), hội thảo quốc tế (10 tham luận). Trong chu kỳ đánh giá, kinh phí chi cho NCKH của GV khoa CNXHKKH là trên 900 triệu VNĐ.

<sup>1</sup> QĐ số 881/QĐ-HVBC&TT ngày 25/09/2011; rà soát ban hành theo Quyết định số 6531/QĐ-HVBC&TT ngày 26/12/2018

<sup>2</sup> QĐ số 2901/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 8/10/2013; rà soát ban hành theo QĐ số 928/QĐ-HVBC&TT ngày 01/03/2018

<sup>3</sup> Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021

## 2. Điểm tồn tại

Các văn bản liên quan đến NCKH chưa cập nhật các văn bản mới ban hành của BGD&ĐT (Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/07/2020 của Bộ GDĐT về chế độ làm việc của GV).

Số lượng các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế chưa nhiều. Số lượng đề tài NCKH các cấp còn hạn chế.

Việc định hướng nội dung nghiên cứu trong đội ngũ GV tham gia giảng dạy CTĐT CNXHKKH chưa được thực sự chú trọng.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần sớm hoàn thiện quy định nhiệm vụ NCKH của GV trên cơ sở cập nhật Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/07/2020 của Bộ GDĐT về chế độ làm việc của GV thuộc CSGD đại học.

Học viện/Khoa nên tiếp tục xây dựng các hướng nghiên cứu chính của Khoa và hình thành nhóm nghiên cứu mạnh, đẩy mạnh hợp tác NCKH với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước, tích cực tìm hiểu thị trường KHCN trong nước để có thêm nhiều đề tài dự án.

Khoa/Học viện cần quan tâm, tạo cơ hội, khuyến khích CB GV tham gia đề tài NCKH các cấp hướng đến việc đạt được các kết quả có thể công bố quốc tế.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

### ***Đánh giá chung về tiêu chuẩn 6:***

+ Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Học viện/Khoa ban hành khá đầy đủ các văn bản để thực hiện quy hoạch, tuyển dụng và bổ nhiệm đội ngũ GV, trong đó, đánh giá thực trạng và nhu cầu đội ngũ; xác định mục tiêu, giải pháp để phát triển nguồn nhân lực; kế hoạch phát triển nhân sự đáp ứng được nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD. Việc tuyển dụng đội ngũ GV được thực hiện khá tốt.

Kế hoạch ĐTBĐ đội ngũ CB, GV, NV giai đoạn 2016-2021 được xây dựng và thực hiện trên nhu cầu của GV trong Khoa; được thực hiện và giám sát đánh giá bởi Ban Tổ chức cán bộ và các Khoa.

Khối lượng công việc (khối lượng giảng dạy, NCKH và công tác khác) của GV được xác định và quy đổi rõ ràng theo từng vị trí, chức danh theo quy định làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại GV hằng năm.

Quy định đầy đủ về loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV và được



giám sát chặt chẽ. Học viện đã chú trọng đầu tư kinh phí cho NCKH Đội ngũ GV của Khoa đã đạt được những kết quả tích cực trong NCKH.

Công tác ĐTBĐ, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ được triển khai theo kế hoạch.

Thực hiện tốt việc quản trị công việc của CB, GV, NV: ban hành các văn bản, phân công công việc rõ ràng đầu mỗi năm học, giám sát quá trình thực hiện và ĐG hằng năm học. Thi đua khen thưởng được thực hiện công khai, minh bạch, không có khiêu nại gì.

Học viện có các văn bản quy định về hoạt động NCKH. Giờ NCKH được định mức theo học hàm học vị của GV, đồng thời quy định rõ định mức tối thiểu phải hoàn thành so với định mức giờ NCKH.

Hoạt động NCKH của GV được quy định và triển khai dưới nhiều hình thức. Yêu cầu về NCKH được thể hiện rõ trong năng lực vị trí GV.

+ Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Học viện có kế hoạch xây dựng quy hoạch CB GV, nghiên cứu viên đã có định tính và định lượng nhưng chưa chi tiết.

Giai đoạn 2017-2021, việc thực hiện số giờ NCKH của ngành chưa đồng đều, tập trung vào một số GV. Mức chi cho các sản phẩm NCKH xuất sắc cho GV còn thấp. Mức chi cho các sản phẩm NCKH xuất sắc cho GV còn thấp: công bố khoa học quốc tế (danh mục ISI/Scopus, chỉ số ISSN) trước năm 2021 là 3 triệu đồng/1 bài, năm 2021 Học viện đã điều chỉnh lên tối đa 10 triệu đồng/bài, tuy nhiên mức này vẫn còn thấp so với nhiều CSGD đại học khác.

Hoạt động PVCĐ của GV chưa được thể hiện rõ và chưa đề cập trong các quy định của Học viện /Khoa.

Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, thôi giữ chức vụ, từ chức và miễn nhiệm cán bộ quản lí, các đơn vị thuộc thẩm quyền của HVCTQG Hồ Chí Minh do vậy còn hạn chế về mặt thời gian triển khai thực hiện so với thực tế yêu cầu.

Học viện chưa có quy định về đánh giá năng lực đội ngũ GV, bao gồm tiêu chí đánh giá năng lực, quy trình đánh giá và cách thức thực hiện đánh giá năng lực theo từng lĩnh vực giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác (chỉ có một số các tiêu chí đánh giá năng lực GV về giảng dạy, NCKH trong biểu mẫu đánh giá, phân loại CB, công chức, viên chức hằng năm hoặc một số văn bản khác nhau nhưng còn chung chung).

Học viện/Khoa chưa tách biệt việc đánh giá năng lực với đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ và thi đua khen thưởng đối với GV vào cuối mỗi năm (kết quả đánh giá năng lực là một trong tiêu chí để đánh giá, phân loại GV). Việc đánh giá một số năng lực của GV còn chưa được thường xuyên và hiệu quả.

Học viện chưa có nhiều khóa ĐTBD ngắn hạn cho GV về kỹ năng, kiến thức mới đáp ứng yêu cầu về đổi mới PPDH, KTĐG; kỹ năng thiết kế câu hỏi, đề thi, rà soát đánh giá KQHT; tiếp cận và định hướng NCKH hướng tới đạt CDR của học phần hướng đến đạt CDR của CTĐT; phát triển năng lực NCKH.

Học viện có Quy trình đánh giá, phân loại CB, GV, NV nhưng chưa có tiêu chí đánh giá, phân loại đối với hoạt động PVCĐ của GV để đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định; việc quản trị công việc của GV về hoạt động PVCĐ còn chưa rõ nét.

Các văn bản liên quan đến NCKH chưa cập nhật các văn bản mới ban hành của BGD&ĐT (Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/07/2020 của Bộ GDĐT về chế độ làm việc của GV).

Số lượng các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế chưa nhiều. Số lượng đề tài NCKH các cấp còn hạn chế.

Việc định hướng nội dung nghiên cứu trong đội ngũ GV tham gia giảng dạy CTĐT CNXHKH chưa được thực sự chú trọng.

+ Kiến nghị đối với CTĐT:

Học viện cần rà soát và chi tiết hóa kế hoạch xây dựng quy hoạch CB GV, nghiên cứu viên trên cơ sở nhu cầu đội ngũ CB, GV, nghiên cứu viên thực tế.

Học viện cần tăng cường hơn nữa những chính sách hỗ trợ, khuyến khích và có biện pháp để giúp GV tăng số lượng công bố quốc tế.

Học viện /Khoa cần bổ sung quy định về hoạt động PVCĐ của GV trong Quy định chế độ làm việc của GV.

Học viện cần rà soát lại Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, thôi giữ chức vụ, từ chức và miễn nhiệm CB quản lý, các đơn vị thuộc thẩm quyền của HVCTQG (QĐ số 339-QĐ/HVCTQG ngày 22/01/2019) để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với các quy định hiện hành và phù hợp với thực tế của HV BC&TT giai đoạn hiện nay.

Học viện cần ban hành một văn bản chung quy định về việc đánh giá năng lực của đội ngũ GV. Trong đó, cần tích hợp các văn bản có quy định tiêu chí đánh giá năng lực GV (KPIs) bao gồm các tiêu chí đánh giá năng lực giảng dạy, NCKH và PVCĐ; quy định quy trình và cách thức đánh giá năng lực của đội ngũ GV và việc sử dụng kết quả đánh giá năng lực (không chỉ để xét thi đua, khen thưởng và lương bổ sung mà còn để lập kế hoạch ĐTBD, luân chuyển, bổ nhiệm).

Hàng năm, Học viện/Khoa cần lập kế hoạch và thực hiện đánh giá năng lực GV, trong đó cần nêu rõ cách thức đánh giá năng lực về giảng dạy, phát triển CTĐT, về NCKH, về PVCĐ và các hoạt động khác; phân công rõ đơn vị, cá nhân chủ trì, phối

hợp.

Học viện/Khoa cần tổ chức thêm các khóa ĐTBĐ ngắn hạn cho GV về kỹ năng, kiến thức mới đáp ứng yêu cầu về đổi mới PPDH, KTĐG, hướng đến đạt CDR của học phần/CTĐT; phát triển năng lực NCKH.

Học viện cần quy định về đánh giá, phân loại CB, GV, NV, trong đó lưu ý quy định về việc đánh giá hoạt động PVCĐ của GV cũng như quản trị công việc của GV về hoạt động PVCĐ để đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định; đưa kết quả đánh giá năng lực thành 1 tiêu chí đánh giá, phân loại GV cuối mỗi năm học.

Khoa CNXHKKH nên tăng cường đối sánh kết quả NCKH của GV với GV các ngành khác trong Học viện và với ngành CNXHKKH của các CSGD khác trong nước và quốc tế.

Học viện/Khoa cần xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh, đẩy mạnh hợp tác NCKH với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước, tích cực tìm hiểu thị trường KHCN trong nước để có thêm nhiều đề tài dự án.

Khoa/Học viện cần quan tâm, tạo cơ hội, khuyến khích CB GV tham gia đề tài NCKH các cấp hướng đến việc đạt được các kết quả có thể công bố quốc tế.

## **VII. Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên**

**1. Tiêu chí 7.1. Việc qui hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động PVCĐ.**

### **1. Điểm mạnh**

Việc quy hoạch đội ngũ NV của Học viện/Khoa được tuân thủ theo Chiến lược phát triển HVBC&TT đến năm 2020, tầm nhìn 2030<sup>(4)</sup>, chỉnh sửa và ban hành Chiến lược phát triển HVBC&TT đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050<sup>(5)</sup>; bổ sung điều chỉnh Chiến lược phát triển HVBC&TT đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050<sup>(6)</sup>; Đề án vị trí việc làm<sup>(7)</sup> của Học viện, trong đó đã đề cập đến phát triển nguồn nhân lực như đẩy mạnh công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, có chế độ khuyến khích và tạo điều kiện cho CB nâng cao trình độ chuyên môn, đảm bảo cơ cấu về giới, độ tuổi và chuyên môn theo quy định.

Hàng năm, Học viện/Khoa đã thực hiện khảo sát tổng hợp nhu cầu về đội ngũ

<sup>4</sup> QĐ số 2418/QĐ-HVBCTT ngày 8/7/2014

<sup>5</sup> QĐ số 770/QĐ-HVBCTT ngày 20/2/2017

<sup>6</sup> QĐ số 6528/QĐ-HVBCTT ngày 31/12/2018

<sup>7</sup> Số 6079-ĐA/HVBCTT ngày 31/12/2020; Tờ trình số 632-TTr/HVBCTT ngày 25/1/2022

NV, tiến hành phân tích thực trạng đội ngũ NV hỗ trợ triển khai đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD gồm các CB thư viện, phòng thí nghiệm, phòng CNTT, các dịch vụ hỗ trợ khác, đồng thời xác định, mô tả công việc cho từng vị trí của đội ngũ NV hỗ trợ, trên cơ sở đó lập kế hoạch tuyển dụng, lựa chọn đội ngũ NV hỗ trợ nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Học viện đã có chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ NV tuân thủ Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức<sup>(8)</sup>, với các chính sách ưu đãi như: chính sách về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học; quy định về phụ cấp cho các NV phòng/ ban; quy định về thu nhập tăng thêm.

Tại thời điểm đánh giá, Khoa CNXHKKH và ngành CNXHKKH sử dụng chung đội ngũ NV của 13 đơn vị chức năng thuộc Học viện (Ban TCCB, Ban QLĐT, Ban QLKH, Ban KHTC, Ban HTQT, Ban Thanh tra, Văn phòng, Trung tâm KT&ĐBCLĐT, Phòng Quản trị và Quản lý KTX, Phòng CTCT & HTSV, Trung tâm Thông tin Thư viện) với tổng số 115 người. Trong đó đội ngũ chuyên viên là 105 người, đội ngũ GV kiêm nhiệm là 10 người. Khoa CNXHKKH có 01 chuyên viên đảm trách nhiệm vụ Giáo vụ kiêm thư ký khoa có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm trong công tác, giúp Khoa giải quyết kịp thời các vấn đề về giảng dạy, về học tập của SV, quản lý bài thi, cảnh báo học vụ, xét tốt nghiệp, giải đáp thắc mắc của SV; ngoài ra còn có 06 GV của Khoa đồng thời đảm trách công tác CVHT, chịu trách nhiệm tư vấn hỗ trợ người học ngành CNXHKKH, 14 chuyên viên của các đơn vị chức năng chịu trách nhiệm chính trong hỗ trợ các hoạt động của ngành/Khoa CNXHKKH theo sự phân công của các đơn vị.

Qua khảo sát thực tế và kết quả nghiên cứu hồ sơ minh chứng cho thấy đội ngũ NV của Học viện và của Khoa đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Kết quả khảo sát năm 2021 cho thấy gần 90% người học tham gia khảo sát hài lòng về chất lượng phục vụ của các NV phòng chức năng. Ngoài ra, kết quả phỏng vấn người học, GV cho thấy, hầu hết ý kiến hài lòng với tinh thần thái độ phục vụ, giải quyết công việc của NV hỗ trợ.

## 2. Điểm tồn tại

Hoạt động phân tích đánh giá nhu cầu ĐTBĐ đối với đội ngũ NV chưa thật sự bài bản.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện/Khoa cần tiến hành khảo sát, tổng hợp, phân tích đánh giá nhu cầu

<sup>8</sup> QĐ số 2440/QĐ-HVBCCTT ngày 10/7/2014

ĐTBD của đội ngũ NV một cách bài bản.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có
5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

***Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.***

**1. Điểm mạnh**

Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được quy định trong Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức<sup>(9)</sup>, Quy định về tuyển dụng và quản lý viên chức<sup>(10)</sup>, và sử dụng Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm CB lãnh đạo, quản lý ban hành theo Quyết định số 339-QĐ/HVCTQG ngày 22/01/2019 của Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Học viện đã xác định các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể của từng vị trí công việc về hiểu biết, kiến thức và trình độ, kỹ năng và mô tả công việc trong Đề án vị trí việc làm năm 2020, Danh mục vị trí việc làm năm 2022. Học viện cũng đồng thời tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ (NH, GV), tiến hành tổng hợp và phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực. Dựa trên phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực, Đề án vị trí việc làm, Học viện/Khoa xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức hàng năm.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được phổ biến/ thông báo tới toàn thể CB, GV, NV và được công khai bằng nhiều hình thức như trên website của Trường, qua hệ thống Email và trên các phương tiện truyền thông khác như báo giấy, báo điện tử. Các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm NV được lưu trữ đầy đủ.

Qua nghiên cứu hồ sơ minh chứng và phỏng vấn đội ngũ CB hỗ trợ cho thấy công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển của Học viện/Khoa được công khai minh bạch và có tiêu chí rõ ràng.

**2. Điểm tồn tại**

Giai đoạn đánh giá, hoạt động tuyển dụng tuân thủ Quy định về tuyển dụng công chức viên chức ban hành năm 2014 và chưa được rà soát một cách bài bản.

**3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng**

Học viện cần có kế hoạch rà soát, điều chỉnh các văn bản liên quan đến công tác tuyển dụng phù hợp với tình hình thực tế của Học viện và Nghị định 115/2020 của Chính phủ.

<sup>9</sup> QĐ số 2440/QĐ-HVBCTT ngày 10/7/2014

<sup>10</sup> Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có
5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

***Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.***

**1. Điểm mạnh**

Học viện đã triển khai thực hiện đánh giá năng lực đội ngũ NV với quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí tuân theo Quy chế công tác thi đua, khen thưởng của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh<sup>(11)</sup>, Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua hàng năm của HVCTQG và HVBC TT<sup>(12)</sup> và Quy định về đánh giá, xếp loại để chi thu nhập tăng thêm đối với CB, công chức, viên chức và người lao động<sup>(13)</sup>.

Năng lực của đội ngũ NV được xác định trong Quy chế tuyển dụng công chức, viên chức, trong Đề án vị trí việc làm và Hướng dẫn đánh giá xếp loại hàng năm. Theo đó, các tiêu chí đánh giá bao gồm về chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ...

Học viện đã xây dựng tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn phân loại theo trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chức danh, vị trí công tác. Đối với đội ngũ NV hỗ trợ được phân rõ với từng ngạch bậc, có chức vụ quản lý hoặc không có chức vụ quản lý như: chuyên viên tập sự, chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp có điểm đánh giá mức độ hoàn thành với mỗi tiêu chí có chỉ số đo lường cụ thể, chi tiết, tính trên tổng điểm 100.

Hoạt động đánh giá được thực hiện theo trình tự: NV tự đánh giá theo mẫu phiếu đánh giá thống nhất của Học viện, đồng nghiệp đánh giá tại cuộc họp của các đơn vị, người học đánh giá qua các lần khảo sát ý kiến, cấp trên đánh giá thông qua hội đồng thi đua khen thưởng các cấp. Các quy định này được phổ biến công khai để mọi CB, NV biết và cùng triển khai thực hiện.

Kết quả thống kê cho thấy, giai đoạn 2017-2021, ngành CNXHKH có 09 lượt NV hỗ trợ ngành xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 84 lượt xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ, 03 lượt hoàn thành nhiệm vụ; 03 lượt NV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; 02 lượt NV đạt khen cao.

**2. Điểm tồn tại**

<sup>11</sup> Quyết định số 3370/QĐ/HVCTQG ngày 04/7/2019

<sup>12</sup> Hướng dẫn số 468-HD/HVCTQG ngày 30/10/2017; số 3998/HĐ-HVBC&TT ngày 7/11/2017; số 348-HD/HVCTQG ngày 8/10/2018; số 5460-HD/HVBC TT ngày 26/11/2018; số 910-HD/HVCTQG ngày 9/10/2019; số 4752-HD/HVBC TT ngày 22/10/2019; số 4341-HD/HVBC TT ngày 19/10/2020; số 4818-HD/HVBC TT ngày 14/10/2021

<sup>13</sup> Quyết định số 4780/QĐ-HVBC&TT ngày 16/12/2014

Các tiêu chí liên quan đến đánh giá năng lực đội ngũ NV triển khai theo mẫu hàng năm, chưa được tổ hợp thành Bộ tiêu chuẩn.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần nhắc việc xây dựng và tổ hợp đầy đủ các tiêu chí để xây dựng thành Bộ tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ NV một cách bài bản hơn.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

## ***Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.***

### 1. Điểm mạnh

Hàng năm, Học viện/Khoa CNXHKKH, ngành CNXHKKH đã triển khai thu thập thông tin về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV phục vụ. Căn cứ vào đề xuất của đơn vị và yêu cầu công việc, Trưởng các Khoa/đơn vị báo cáo Ban TCCB để lên kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trình Giám đốc Học viện phê duyệt.

Kết quả phê duyệt của Ban Giám đốc về công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức được gửi tới các đơn vị trong Trường để triển khai thực hiện<sup>(14)</sup> tuân thủ quy định của HVCTQG và HVBC&TT. Kết quả khảo sát cho thấy các văn bản cử người đi học, bản sao văn bằng chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng được lưu trữ đầy đủ.

Trong giai đoạn 2017-2021, đội ngũ NV của Học viện và Khoa CNXHKKH được tham gia các khóa ĐTBĐ và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ hàng năm do Học viện tổ chức hoặc cử đi như Lớp cao cấp lí luận chính trị; Lớp Trung cấp lí luận chính trị; Lớp Bồi dưỡng quản lí nhà nước chương trình chuyên viên/chuyên viên chính/chuyên viên cao cấp; Ngoài ra, đội ngũ NV tại các đơn vị chức năng còn được Học viện cử đi đào tạo dài hạn trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ, đại học văn bằng 2. Đội ngũ NV tham gia các khóa ĐTBĐ ngắn hạn, dài hạn được Học viện CTQGHCM hoặc HVBC&TT chi trả, hỗ trợ kinh phí học tập, hoặc/và tuân thủ Quy chế chi tiêu nội bộ<sup>(15)</sup>

Kết quả thống kê cho thấy, giai đoạn 2017-2021 đã có 111 lượt NV được tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng dài hạn, ngắn hạn, các lớp tập huấn (12 người được cử đi đào tạo tiến sĩ, 8 người được cử đi đào tạo thạc sĩ), tổng kinh phí chi cho ĐTBĐ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ NV từ nguồn thu của Học viện là gần 100 triệu đồng. Ngoài ra, kinh phí chi cho ĐTBĐ hàng năm còn được hỗ trợ từ HVCTQG Hồ

<sup>14</sup> Tập “Kế hoạch bồi dưỡng cho CB, công chức, viên chức” hàng năm của Học viện

<sup>15</sup> Quyết định số 4280-QĐ/HVBC&TT ngày 15/9/2021

Chí Minh, trung bình 200 triệu VND/năm.

## 2. Điểm tồn tại

Qua nghiên cứu hồ sơ minh chứng cho thấy, các khóa tập huấn về phát triển CTĐT cho Ban Quản lí đào tạo, về đảm bảo chất lượng cho đội ngũ Trung tâm KT&ĐBCLĐT còn hạn chế.

Hoạt động tổng kết, đánh giá về hiệu quả của các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ NV chưa triển khai một cách bài bản.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần có kế hoạch hỗ trợ, cử đội ngũ chuyên viên tham gia các khóa đào tạo về thiết kế phát triển CTĐT, đảm bảo chất lượng,... nhằm tăng cường năng lực cho đội ngũ hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, NCKH & PVCD của Học viện.

Học viện cần triển khai hoạt động tổng kết, đánh giá về hiệu quả của các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ NV một cách bài bản để làm căn cứ cho cải tiến chất lượng.

## 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

***Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

## 1. Điểm mạnh

Hàng năm, Khoa CNXHKH xây dựng Quy chế làm việc và phân công CB chuyên trách (văn bản ban hành ngày 6/2/2017, ngày 2/2/2018, ngày 11/12/2019; ngày 6/1/2021) Quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận được thể hiện ở Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Hướng dẫn Đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua hằng năm của Học viện BC&TC.

Vào đầu mỗi năm học, Khoa giao nhiệm vụ cụ thể cho mỗi NV trong Bảng phân công nhiệm vụ chi tiết của Khoa và thực hiện theo dõi, giám sát kết quả, đồng thời hỗ trợ giải quyết các tình huống phát sinh. Mỗi NV trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch của cá nhân, triển khai thực hiện đồng thời có trách nhiệm báo cáo tình hình công việc và kết quả thu được.

Học viện đã tổ chức lấy ý kiến của tất cả CB, GV, NV trong Học viện góp ý



cho bản dự thảo các quy chế quy định của Học viện để có những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy định cho phù hợp trước khi ban hành các văn bản quy định chính thức.

Hàng năm, Học viện/Khoa triển khai đánh giá, phân loại công chức, viên chức và người lao động. Việc đánh giá dựa trên kết quả TĐG của viên chức, người lao động, nhận xét của đơn vị công tác, mức độ hoàn thành các tiêu chí về định mức lao động đã được quy định tại các văn bản của Học Viện, tham gia các hoạt động NCKH và ý kiến của người học, GV về công tác phục vụ giảng dạy (thư viện, máy móc, phòng thực hành).

Kết quả khảo sát và qua phỏng vấn cho thấy, giai đoạn 2017-2021, trên 85% người học hài lòng với sự hỗ trợ của đội ngũ NV. Kết quả đánh giá, phân loại viên chức, người lao động là cơ sở quan trọng để xét tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng cho cá nhân. Hồ sơ bình xét được Học viện /Khoa lưu trữ đầy đủ. Trong chu kỳ đánh giá, NV của Khoa/Học viện đã hoàn thành tốt nhiệm vụ và được công nhận đạt từ lao động tiên tiến trở lên. Qua nghiên cứu hồ sơ minh chứng và phỏng vấn cho thấy, trên 90% đội ngũ NV hỗ trợ hài lòng với phương pháp quản trị theo kết quả công việc và các tiêu chí bình xét thi đua khen thưởng, không có trường hợp khiếu nại, tố cáo.

Trong chu kỳ đánh giá, Học viện đã chi trên 330 triệu VNĐ cho công tác thi đua khen thưởng đội ngũ NV toàn Học viện, trên 2,5 triệu VNĐ cho đội ngũ NV hỗ trợ của Khoa CNXHKKH.

## 2. Điểm tồn tại

Số liệu thống kê cho thấy, trong chu kỳ đánh giá, tỷ lệ NV đạt chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, đạt thành tích được khen thưởng còn hạn chế.

Với sự tăng trưởng ngày một lớn mạnh của Học viện về mọi mặt trong đó có số lượng người học, dẫn đến hoạt động hỗ trợ người học đòi hỏi đội ngũ hỗ trợ chuyên nghiệp và nỗ lực. Qua khảo sát thực tế cho thấy, chế độ chính sách hỗ trợ đội ngũ NV chưa thực sự phù hợp khi số lượng SV/chi tiêu tuyển sinh ngày một tăng.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần có cơ chế chính sách phù hợp tạo điều kiện cho đội ngũ NV đạt được các mức khen thưởng theo quy định, đồng thời cần có chế độ chính sách hỗ trợ phù hợp đối với đội ngũ NV (tuyển sinh, đảm bảo chất lượng, đào tạo, CSVC, Tài chính, Quản lý Ký túc xá, Y tế, Công tác sinh viên...)

## 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

***Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7:***

**+ Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:**

Công tác quy hoạch đội ngũ NV của Học viện/Khoa được tuân thủ theo Chiến lược phát triển HVBC&TT. Học viện đã tiến hành khảo sát tổng hợp nhu cầu về đội ngũ NV, tiến hành phân tích thực trạng đội ngũ NV hỗ trợ triển khai đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ, đồng thời có chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ NV tuân thủ Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức và thông báo công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.

Học viện đã triển khai thực hiện đánh giá năng lực đội ngũ NV với quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí cụ thể; đã triển khai thu thập thông tin về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV hỗ trợ.

Học viện đã ban hành Quy chế làm việc và phân công CB chuyên trách, Quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV.

**+ Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:**

Hoạt động phân tích đánh giá nhu cầu ĐTBĐ đối với đội ngũ NV chưa thật sự bài bản.

Hoạt động rà soát các văn bản liên quan đến công tác tuyển dụng chưa được tiến hành bài bản.

Các tiêu chí liên quan đến đánh giá năng lực đội ngũ NV triển khai theo mẫu hàng năm, chưa được tổ hợp thành Bộ tiêu chuẩn.

Các khóa tập huấn về phát triển CTĐT cho Ban Quản lý đào tạo, về đảm bảo chất lượng cho đội ngũ Trung tâm KT&ĐBCLĐT còn hạn chế.

Chế độ chính sách hỗ trợ đội ngũ NV chưa thực sự phù hợp khi số lượng SV/chỉ tiêu tuyển sinh ngày một tăng.

**+ Kiến nghị đối với CTĐT:**

Học viện/Khoa cần tiến hành khảo sát, tổng hợp, phân tích đánh giá nhu cầu ĐTBĐ của đội ngũ NV một cách bài bản.

Học viện cần có kế hoạch rà soát, điều chỉnh các văn bản liên quan đến công tác tuyển dụng phù hợp với tình hình thực tế của Học viện và Nghị định 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Học viện cần nhắc việc xây dựng và tổ hợp đầy đủ các tiêu chí để xây dựng thành Bộ tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ NV một cách bài bản.

Học viện cần có kế hoạch hỗ trợ, cử đội ngũ chuyên viên tham gia các khóa đào tạo về thiết kế phát triển CTĐT, đảm bảo chất lượng...nhằm tăng cường năng lực cho

đội ngũ hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, NCKH & PVCĐ của Học viện.

Học viện nên có chế độ chính sách hỗ trợ phù hợp đối với đội ngũ NV hỗ trợ các hoạt động về đào tạo, NCKH, PVCĐ của Học viện như Tuyển sinh, Đảm bảo chất lượng, Đào tạo, CSVC, Tài chính, Quản lí KTX, Y tế, Công tác SV... khi số lượng người học ngày một tăng.

## **VIII. Tiêu chuẩn 8: người học và hỗ trợ người học**

**1. Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.**

### **1. Điểm mạnh**

Trong giai đoạn đánh giá 2017-2021, HVBC&TT đã thực hiện chính sách tuyển sinh theo đúng Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (*Từ Số 03/2015/TT-BGDĐT ngày 26/02/2015 đến số 09/2020 TT-BGDĐT ngày 07/5/2020*), và theo Đề án tuyển sinh của Học viện (*Các Đề án tuyển sinh hệ đại học chính quy số 589/ĐA-HVBC-TT-ĐT ngày 10/02/2017, số 1269/ĐA-HVBC-TT-ĐT ngày 19/03/2018, số 1326/ĐA-HVBC-TT-ĐT ngày 18/03/2019, số 1650/ĐA-HVBC-TT-ĐT ngày 11/05/2020, 1339-TB/HVBCTT-ĐT ngày 11/03/2021*). Theo đó, từ năm 2017, 2018, 2019, Học viện áp dụng 02 phương thức tuyển sinh sau: Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT Quốc gia và xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT; từ năm 2020 và 2021, Học viện áp dụng 03 phương thức tuyển sinh: căn cứ kết quả của kì thi THPT Quốc gia, xét học bạ THPT và diện xét tuyển thẳng quy định của Bộ GD&ĐT (*với ngành CNXHKKH, Học viện xét thí sinh đạt giải học sinh giỏi Quốc gia, môn Toán*). Đề án tuyển sinh hằng năm của Học viện được cập nhật.

Chính sách và quy định về tuyển sinh được công bố công khai tại cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, cổng thông tin tuyển sinh của Học viện, Fanpage Khoa CNXHKKH, tờ rơi quảng bá CTĐT, thông báo tuyển sinh hằng năm của Học viện (*Thông báo số 2610/TB-HVBCTT-ĐT ngày 9/8/2017, số 3419/TB-HVBCTT-ĐT ngày 12/8/2018, số 3408/TB-HVBCTT-ĐT ngày 15/8/2019*), trong cuốn “*Những điều cần biết về tuyển sinh đại học*” do Bộ GD&ĐT phát hành; Các hoạt động quảng bá tuyển sinh khác của Học viện diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú như: Tư vấn trực tiếp tại các ngày hội tư vấn tuyển sinh (AJC open day), tư vấn trực tuyến trên mạng xã hội bằng Livestream; tư vấn tuyển sinh cho học sinh THPT và phụ huynh (tại chỗ, đi đến các tỉnh/thành phố);

Hội đồng tuyển sinh của Học viện được thành lập hàng năm (số 321/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 27/01/2016; số 508/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 07/02/2017; số 418/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 23/01/2018; số 905-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 15/02/2019;

số 1346-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 22/02/2020; số 1336 -QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 12/3/2021; số 650-QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 24/01/2022): đánh giá tiêu chí và quyết định phương thức chọn SV theo ngành đào tạo (Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy các năm ngày 14/02/2017, 06/02/2018, 15/02/2019, 24/4/2020, 2021);

Việc cập nhật chính sách tuyển sinh hàng năm Học viện giao cho Trung tâm KT&ĐBCLĐT khảo sát ý kiến đóng góp của BLQ, các khoa và các phòng ban liên quan phân tích kết quả tuyển sinh, trình Hội đồng tuyển sinh của Học viện xem xét quyết định cải tiến, điều chỉnh bổ sung chính sách tuyển sinh năm sau cho phù hợp.

Cơ sở dữ liệu tuyển sinh của Học viện các năm 2017-2021 được lưu trữ đầy đủ tại các Quyết định trúng tuyển hằng năm (Quyết định số 3459/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 21/8/2017, số 3336/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 06/8/2018, số 3299/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 08/08/2019, số 3342/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 28/8/2020, số 3981/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 05/10/2020).

## 2. Điểm tồn tại

Chính sách tuyển sinh chưa có sự góp ý đầy đủ của các bên liên quan;

Việc phân tích /dự báo nhu cầu nhân lực chưa thực sự rõ ràng.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần có sự góp ý đầy đủ ý kiến của các BLQ trong việc tham mưu và xây dựng chính sách tuyển sinh hằng năm;

Học viện và Khoa cần phân tích dự báo nhu cầu nguồn nhân lực rõ ràng hơn. Bên cạnh đó, Học viện cũng nên mở rộng hơn nữa các mối quan hệ với các đơn vị bên ngoài thông qua các hoạt động NCKH, trao đổi SV, hội nghị, hội thảo nhằm quảng bá hình ảnh Học viện, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh của Học viện nói chung và của ngành CNXHKKH nói riêng.

## 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

***Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.***

### 1. Điểm mạnh

Trong chu kỳ đánh giá 2017-2021, Học viện đã xây dựng Đề án và Thông báo tuyển sinh hằng năm có tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được rõ ràng (Các Công văn số 589/ĐA-HVBC-TT-ĐT ngày 10/02/2017, số 1269/ĐA-HVBC-TT-ĐT ngày 19/03/2018, số 1326/ĐA-HVBC-TT-ĐT ngày 18/03/2019, số 1650/ĐA-HVBC-TT-ĐT ngày 11/05/2020, 1339-TB/HVBCTT-ĐT ngày 11/03/2021).

Học viện có quy trình xây dựng phương án xét tuyển và các tiêu chí tuyển sinh gồm 3 bước: (1) Khoa đào tạo khảo sát, lấy ý kiến đơn vị sử dụng lao động, chuyên gia, cựu SV để tổng hợp, phân tích kết quả khảo sát và ý kiến đóng góp; đề xuất Hội đồng tuyển sinh Học viện tiêu chí và phương thức tuyển chọn SV theo ngành đào tạo; (2) Trên cơ sở đó, Hội đồng Tuyển sinh Học viện sẽ đánh giá tiêu chí và quyết định phương thức tuyển chọn SV theo ngành đào tạo; (3) Bộ phận Tuyển sinh - Ban QLĐT thực hiện trong công tác tuyển sinh. Tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học hệ đào tạo chính quy của ngành đào tạo được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và được xác định, ghi rõ trong Đề án tuyển sinh, được công bố công khai hàng năm trên trang website tuyển sinh của Học viện.

Hàng năm, sau mỗi kì tuyển sinh, khoa đào tạo sẽ phân tích kết quả tuyển sinh, đánh giá mức độ phù hợp với tiêu chí tuyển sinh (bao gồm: số thí sinh đăng ký vào CTĐT, số trúng tuyển, tỷ lệ cạnh tranh, số nhập học thực tế, điểm tuyển đầu vào/thang điểm, điểm trung bình của SV được tuyển) nếu chưa phù hợp sẽ đề xuất Hội đồng Tuyển sinh Học viện họp tiến hành rà soát, đánh giá, cải tiến, điều chỉnh tiêu chí và phương thức tuyển chọn thí sinh cho kì tuyển sinh tiếp theo (Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh các năm từ 2017-2021 các ngày: 14/02/2017, 06/02/2018, 15/02/2019, 24/04/2020, 2021). Nhờ vậy mà trong chu kì đánh giá, số lượng SV nhập học thực tế của ngành CNXHKKH vẫn được đảm bảo chỉ tiêu (2017: 30/40, 2018: 35/40, 2019: 34/40, 2020: 37/40 và 2021: 44/40).

Cơ sở dữ liệu tuyển sinh của Học viện các năm 2017, 2018, 2019, 2020 và 2021 được lưu trữ đầy đủ (Kết quả tuyển sinh hàng năm của Học viện tại các quyết định về việc công nhận trúng tuyển đại học chính quy tập trung: Quyết định số 3460/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 02/08/2017, số 3336/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 06/08/2018, số 3299/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 08/08/2019, số 3981/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 05/10/2020, số 3342/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 28/08/2020).

Kết quả tuyển sinh (số thí sinh nhập học chính thức hàng năm):

2017 – 2018: 30 sinh viên (chỉ tiêu 40);

2018 – 2019: 35 sinh viên (chỉ tiêu 40), tăng 16% so với cùng kì năm trước;

2019 – 2020: 34 sinh viên (chỉ tiêu 40), giảm 2% so với cùng kì năm trước;

2020 – 2021: 37 sinh viên (chỉ tiêu 40), tăng 8% so với cùng kì năm trước;

2021 – 2022: 44 sinh viên (chỉ tiêu 40), tăng 10,8% so với cùng kì năm trước.

Nhìn vào số liệu cho thấy số sinh viên thực tế nhập học tăng dần trong chu kì đánh giá, trong đó số tăng cuối chu kì so với đầu chu kì là: 46%. Tuy nhiên, so với chỉ tiêu đề ra cho thấy:

2017 – 2018 đạt 75% so với chỉ tiêu đề ra,

2018 – 2019 đạt 87,5% so với chỉ tiêu đề ra,

2019 – 2020 đạt 85% so với chỉ tiêu đề ra,

2020 – 2021 đạt 92% so với chỉ tiêu đề ra,

2021 – 2022 đạt 110% so với chỉ tiêu đề ra.

## 2. Điểm tồn tại

Qua nghiên cứu Hồ sơ minh chứng cho thấy việc triển khai lấy ý kiến đóng góp của các BLQ về phương pháp và tiêu chí tuyển sinh của Học viện nói chung, ngành CNXHKH nói riêng chưa thực hiện đầy đủ.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần triển khai lấy đầy đủ ý kiến đóng góp từ các BLQ về phương pháp và tiêu chí tuyển sinh của Học viện nói chung, ngành CNXHKH nói riêng.

## 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

### ***Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.***

#### 1. Điểm mạnh

Học viện đã ban hành CTĐT đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của các ngành (trong đó có ngành CNXHKH) từ năm 2014 (số 3310/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 15 tháng 9 năm 2014). Quy chế/quy định đào tạo tín chỉ (Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017), Năm 2018, 2020 có điều chỉnh (Số 4950-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 26 tháng 10 năm 2018 và Số 3911-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 20/9/2020). Các văn bản trên đều quy định rõ khối lượng học tập của SV. Học viện có phân công bộ phận chuyên trách giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của SV và cảnh báo học vụ; các văn bản trên đều được tập hợp trong Sổ tay SV. Tham gia vào hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV là đội ngũ chuyên viên văn phòng khoa, CVHT và các chuyên viên Ban QLĐT, Phòng CTCT&HTSV (Trong đó CVHT có vai trò quan trọng: là những CB giảng dạy nắm chắc quy chế và CTĐT, có thể tư vấn một cách hiệu quả về kế hoạch, tiến độ, phương pháp học tập, phương thức KTĐG theo học chế tín chỉ, đội ngũ CVHT thường xuyên cung cấp thông tin, thông báo những nội dung liên quan đến chương trình học tập, quyền lợi và trách nhiệm cho người học bám sát tiến trình đào tạo, việc tư vấn học tập được tiến hành đều đặn, thường kì trong các buổi sinh hoạt lớp (định kì 3 tháng/1 lần hay họp phản ánh SV định kì 1 tháng 1 lần (vào ngày 20 hàng tháng); Học viện ban hành Quy định công tác CVHT và bổ nhiệm CVHT hàng năm: Quyết

định số 3935/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 25/11/2015, số 2875/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 18/5/2017, số 3930/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 07/09/2018, số 3594-QĐ/HVBC&TT-ĐT ngày 28/8/2019). Tại HVBC&TT, Ban QLĐT được giao nhiệm vụ là đơn vị quản lí, hỗ trợ các hoạt động dạy, học và KQHT của SV. Phòng CTCT&HTSV là đơn vị quản lí các hoạt động rèn luyện và kết quả rèn luyện của SV.

Học viện có quy trình/quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của người học, đó là sự kết hợp giữa hệ thống các văn bản, các công cụ phương tiện hỗ trợ (phần mềm đào tạo Maxman) và các chủ thể hoạt động giám sát (đội ngũ chuyên viên văn phòng khoa, CVHT và các chuyên viên Ban QLĐT, Phòng CTCT&HTSV). Theo đó, cơ chế báo cáo và phản hồi về sự tiến bộ của người học được thực hiện định kỳ 1 tháng/1 lần ((1) họp khoa, trong đó có nội dung về công tác đào tạo, công tác SV, công tác NCKH, (2) họp phản ánh SV (thành phần: đại diện lãnh đạo khoa, CVHT, chuyên viên văn phòng khoa và đại diện ban cán sự các lớp, đại diện Liên chi đoàn Khoa CNXHKH. Ngoài ra, CVHT của ngành đào tạo còn theo dõi tiến độ của người học thông qua hệ thống phần mềm quản lí đào tạo của Học viện); Sau mỗi học kì (Ban QLĐT, Phòng CTCT&HTSV, Khoa CNXHKH đánh giá và đưa ra các quyết định về KQHT, rèn luyện của SV căn cứ trên KQHT và quá trình rèn luyện. Trên cơ sở đó, Học viện sẽ xét học bổng/khen thưởng hoặc đưa ra các quyết định kỷ luật SV ở các mức độ khác nhau (khiển trách, cảnh cáo, đình chỉ học 1 năm, buộc thôi học); Cuối học kì Ban Quản lí đào tạo phối hợp với Phòng CTCT&HTSV, Khoa CNXHKH xem xét tình trạng học tập (nghỉ học quá thời gian cho phép, không đăng ký đủ số lượng tín chỉ cho học kì, điểm tích lũy thấp dưới mức quy định,...) của SV, sau đó sẽ gửi danh sách chính thức những SV thuộc diện kỷ luật ở các mức độ khác nhau kèm Quyết định tới Khoa và SV.

Hệ thống giám sát, KTĐG KQHT, rèn luyện của người học được thực hiện bởi nhiều bộ phận khác nhau. Qua công cụ là phần mềm Maxman, Học viện đã có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện đầy đủ, hiệu quả. Trong chu kì đánh giá, qua hệ thống giám sát phù hợp và áp dụng liên tục đã giúp người học có kết quả trong học tập và rèn luyện tiến bộ dần qua các năm học. Tỷ lệ yếu kém và trung bình của SV năm cuối giảm hơn nhiều so với năm thứ nhất, tỷ lệ đạt loại giỏi, xuất sắc cũng tăng dần theo các năm, tỷ lệ SV ngành CNXHKH hoàn thành chương trình học đúng tiến độ (4 năm) trong chu kì đánh giá: số lượng SV toàn khóa ở HKII năm thứ tư so với số lượng SV hoàn thành CTĐT đúng 4 năm là: năm 2017 đạt 24/24 (100%), năm 2018 đạt 45/61 (73,77%), năm 2019 đạt 18/27 (66,67%), năm 2020 đạt 31/41 (75,61%), năm 2021 đạt 10/26 (38,46%). Học viện có hệ thống phần mềm đào tạo Maxman phản hồi về kết quả, tiến độ học tập và rèn luyện của người học đầy đủ, chính xác, kịp thời và hiệu quả.

## 2. Điểm tồn tại

Giai đoạn 2017-2021, Học viện và Khoa CNXHKKH chưa xây dựng quy trình giám sát KQHT, rèn luyện, tỷ lệ học vượt của người học;

Số liệu thống kê cho thấy, trong chu kỳ đánh giá, vẫn còn tình trạng SV bỏ học, học quá thời hạn, tốt nghiệp muộn.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện và Khoa CNXHKKH cần xây dựng quy trình giám sát KQHT, rèn luyện, tỷ lệ học vượt của người học;

Học viện cần tăng cường giám sát, KTĐG KQHT, rèn luyện của người học để giảm thiểu tình trạng SV bỏ học, học quá thời hạn, tốt nghiệp muộn.

## 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

***Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.***

### 1. Điểm mạnh

- Học viện đã ban hành các văn bản liên quan đến quy chế, quy định các hoạt động tư vấn và hỗ trợ NH: Quy định đào tạo ĐH hình thức chính quy theo hệ thống tín chỉ (Quyết định số 3777/QĐ-HVBCCTT-ĐT, ngày 18/10/2017); Quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ của phòng CTCT và HTSV (Số 4239-QĐ/HVBCCTT ngày 30/9/2019), Học viện đã phân công bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học là đội ngũ chuyên viên VPK, CVHT và các chuyên viên Ban QLĐT, Phòng CTCT&HTSV. Học viện ban hành Quy định công tác CVHT bậc ĐH hệ chính quy và bổ nhiệm CVHT hằng năm (Quyết định số 3935/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 25/11/2015, số 2875/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 18/5/2017, số 3930/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 07/09/2018, số 3594-QĐ/HVBCCTT-ĐT ngày 28/8/2019).

- Ngoài ra, Học viện phân công Khoa đào tạo và phòng CTCT&HTSV chịu trách nhiệm tư vấn hướng nghiệp và hỗ trợ nghề nghiệp cho SV để tăng cường kiến thức thực tiễn và kỹ năng, nghiệp vụ nhằm nâng cao cơ hội việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp.

- Học viện và Khoa đào tạo có kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập, và tăng cường kỹ năng mềm cho SV ngành CNXHKKH và các ngành



khác trong Khoa và Học viện. Các hoạt động ngoại khóa được tổ chức theo kế hoạch và có báo cáo kết quả thực hiện như: Kế hoạch tổ chức cuộc thi tuyển chọn MC Speak up 2017 (số 37-KH/ĐTN tháng 3/2017), Kế hoạch tổ chức tập huấn kỹ năng mềm cho SV năm học 2017-2018 (số 03-KH/ĐTN-HVBCCTT ngày 13/9/2017), Kế hoạch tổ chức các hoạt động chào mừng tháng thanh niên năm 2019 (số 19-KH/ĐTN-HVBCCTT ngày 20/02/2019), Kế hoạch tổ chức hoạt động “Tuổi trẻ Học viện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2020” (số 09-KH/ĐTN-HVBCCTT ngày 14/9/2020), Kế hoạch tổ chức tập huấn kỹ năng mềm năm học 2020-2021 (số 07-KH/ĐTN-HVBCCTT ngày 05/9/2020); Học viện tổ chức các CLB với đa dạng các lĩnh vực hoạt động, đáp ứng nhu cầu của SV các chuyên ngành thuộc các khoa chuyên môn: đội Văn nghệ Xung kích, CLB Thanh niên vận động hiến máu AJC, CLB Võ thuật, CLB Guitar, CLB Bóng rổ, CLB Phục hồi mắt gốc tiếng Anh,... Các hoạt động thi đua, tình nguyện, ngoại khóa như: mùa hè xanh, phục vụ tuyển sinh đại học, hiến máu nhân đạo, các giải bóng đá nam nữ SV, cắm trại, văn nghệ, Phút cuối, Nhật ký 20, các kì thi Olympic tiếng Anh; Các hoạt động thực hành nghề nghiệp tại các CLB đội nhóm thì có: Câu lạc bộ Nhà kinh tế trẻ, Chương trình thực hành kinh doanh và khởi nghiệp....

Khoa CNXHKKH và phòng CTCT&HTSV có kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho người học như: thực tế học phần, thực tế chính trị - xã hội, kiến tập trong nước/nước ngoài, thực tập, định hướng/cơ hội nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng viết CV, phỏng vấn xin việc, kỹ năng chuẩn bị hồ sơ và trả lời phỏng vấn xin việc bằng tiếng Anh... các buổi hội thảo, tọa đàm khoa học về triển vọng nghề nghiệp cho SV ngành CNXHKKH hoặc lồng ghép nội dung này trong các Hội thảo khoa học SV. Mặt khác, Khoa còn chú trọng đến việc liên hệ với các cơ sở kiến tập, thực tập là các cơ quan, doanh nghiệp để giúp SV có cơ hội đến học tập thực tế, học hỏi kinh nghiệm làm việc, tiếp xúc trực tiếp với những NTD trong tương lai, rèn luyện các kỹ năng mềm cần thiết.

Trong chu kì đánh giá, hàng năm, Học viện, Khoa CNXHKKH đều có báo cáo, phân tích, đánh giá về các hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác; trên cơ sở đó tiếp tục phát huy những điểm mạnh và có giải pháp hạn chế tồn tại nhằm hỗ trợ tốt nhất cho SV. Trong 3 năm 2018, 2019 và 2020 qua khảo sát về tình trạng việc làm sau khi tốt nghiệp cho thấy tỷ lệ SV ngành CNXHKKH tốt nghiệp có việc làm khá cao, đặc biệt trong năm 2019 đạt 100% (Báo cáo Tổng kết năm học của HVBC&TT). Qua phỏng vấn trực tiếp cho thấy, đối tượng là người học và người học tốt nghiệp đều hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm của Học viện và Khoa CNXHKKH.

## 2. Điểm tồn tại

Trong chu kì đánh giá, Học viện và Khoa chưa có kế hoạch kiểm tra giám sát và đánh giá kết quả hoạt động của đội ngũ CVHT.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện và khoa cần có kế hoạch định kì rà soát, đánh giá hiệu quả của đội ngũ CVHT (hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa và các dịch vụ hỗ trợ người học).

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

### ***Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lí, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.***

#### 1. Điểm mạnh

Học viện có môi trường tâm lí, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái cho người học và GV thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu (diện tích phòng học là 11,957,9m<sup>2</sup> trên tổng SV chính quy là 7.557 nên diện tích phòng học bình quân là 1,58m<sup>2</sup>/SV: đáp ứng đủ số lượng phòng học và các yêu cầu khác trong công tác đào tạo của Học viện; Hệ thống phòng làm việc gồm 86 phòng và tòa nhà 11 tầng đầy đủ phương tiện làm việc hành chính); Thư viện sử dụng tòa nhà 3 tầng có diện tích hơn 3.000 m<sup>2</sup> bao gồm 10 phòng học, 05 phòng phục vụ với 300 chỗ ngồi. Thư viện được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động gồm: bàn, ghế, tủ, giá sách, máy số hóa, máy tính, máy photocopy, máy in, ti vi, điều hòa,... đáp ứng yêu cầu sử dụng của CB, GV và SV. Cảnh quan trong Học viện sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh an toàn, tạo sự thuận lợi cho người học, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ sở đào tạo. Học viện ban hành Quy định về Văn hóa học đường và quy tắc ứng xử văn hóa của SV (QĐ số 5029/QĐ-HVCTQG ngày 26/10/2017; số 4674/QĐ-HVBCTT ngày 30/9/2022) các nội quy/quy tắc ứng xử trong khuôn viên Học viện được công bố công khai, Quy định về môi trường, giáo dục an toàn lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017, nội quy phòng cháy, chữa cháy, kế hoạch tổ chức tập huấn nghiệp vụ và diễn tập phòng cháy, chữa cháy (số 4924/KH-HVBCTT-VP năm 2018).

Qua khảo sát cho thấy, mạng lưới y tế của Học viện, công tác bảo hiểm, công tác khám sức khỏe và truyền thông sức khỏe được thực hiện đảm bảo đúng quy định (Báo cáo Tổng kết năm học của văn phòng học viện, phần của y tế). Công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy được thực hiện hằng năm. Các Biên bản kiểm tra công tác phòng cháy và chữa cháy các năm 2020, 2019, 2018, 2017 đều có kết luận: Phương tiện đảm bảo cho công tác phòng cháy, chữa cháy, các phòng học thông thoáng, hệ

thông điện được lắp đặt đúng kĩ thuật.

Hàng năm SV Học viện, trong đó có SV ngành CNXHKKH được lấy ý kiến đánh giá về môi trường tâm lí, xã hội và cảnh quan sư phạm của Học viện và Khoa theo phiếu khảo sát chung của Học viện. Kết quả thống kê cho thấy hầu hết SV hài lòng về cảnh quan môi trường của Học viện, khoa (*Báo cáo Tổng kết năm học từ 2017-2018 đến 2020-2021*).

## 2. Điểm tồn tại

Qua khảo sát thực địa tại Học viện cho thấy, không gian tổ chức hoạt động của các Câu lạc bộ, sinh hoạt đội nhóm cho SV còn chật hẹp; không gian giải trí cho SV trong khuôn viên Học viện chưa được đầu tư đúng mức;

Qua phỏng vấn SV ngành CNXHKKH cho thấy, Học viện chưa bố trí được không gian riêng cho hoạt động chuyên môn giữa CVHT và SV ngành CNXHKKH và các ngành khác trong Học viện.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần tạo thêm không gian hoạt động cho các Câu lạc bộ, sinh hoạt đội nhóm cho SV; đầu tư thêm không gian giải trí cho SV trong khuôn viên Học viện;

Học viện cần bố trí thêm không gian riêng cho hoạt động chuyên môn giữa CVHT và SV ngành CNXHKKH và các ngành khác.

## 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 5).

### ***Đánh giá chung về tiêu chuẩn 8:***

#### + Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

- Học viện có đề án tuyển sinh bao gồm các chính sách và quy định tuyển sinh cụ thể đối với từng ngành đào tạo. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng được xây dựng căn cứ Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, được cập nhật hằng năm và được công khai trên các phương tiện thông tin...

- Có bộ phận chuyên trách và các quy trình/quy định giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của người học và cảnh báo học vụ, tư vấn việc làm và tư vấn hỗ trợ người học trong học tập, NCKH. Có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ và thôi học của người học.

- Hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, thi đua và nhiều dịch vụ hỗ trợ khác đã khuyến khích SV phấn đấu học tập, NCKH cũng như tu dưỡng, rèn luyện để đạt được những thành tích tốt trong học tập, NCKH.

SV được học tập, nghiên cứu, rèn luyện và phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần trong một môi trường cảnh quan, xã hội và tâm lý thuận lợi.

+ Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Học viện và Khoa chưa phân tích dự báo nhu cầu nguồn nhân lực ngành CNXHKKH sát với đối tượng mà Khoa đang đào tạo để có những điều chỉnh trong đề án tuyển sinh hằng năm.

Bên cạnh đó, Học viện chưa mở rộng các mối quan hệ với các đơn vị bên ngoài thông qua các hoạt động NCKH, trao đổi SV, hội nghị, hội thảo nhằm quảng bá hình ảnh Học viện, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh của Học viện nói chung và của ngành CNXHKKH nói riêng.

Trong chu kỳ đánh giá, Học viện chưa triển khai lấy ý kiến đóng góp từ đội ngũ GV, NV của khoa về phương thức xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh của Học viện nói chung, chuyên ngành nói riêng.

Học viện chỉ thực hiện khảo sát lấy ý kiến của người học về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Học viện, chưa mở rộng phạm vi và đối tượng khảo sát để có kết quả khách quan hơn.

+ Kiến nghị đối với CTĐT:

Học viện và Khoa cần tiếp tục phân tích dự báo nhu cầu nguồn nhân lực ngành CNXHKKH sát với đối tượng mà Khoa đang đào tạo để có những điều chỉnh trong đề án tuyển sinh hằng năm. Bên cạnh đó, Học viện cũng nên mở rộng hơn nữa các mối quan hệ với các đơn vị bên ngoài thông qua các hoạt động NCKH, trao đổi SV, hội nghị, hội thảo nhằm quảng bá hình ảnh Học viện, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh của Học viện nói chung và của ngành CNXHKKH nói riêng.

Học viện cần triển khai lấy ý kiến đóng góp từ đội ngũ GV, NV của khoa về phương thức xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh của Học viện nói chung, chuyên ngành nói riêng.

Học viện cần tạo thêm không gian tổ chức hoạt động cho các Câu lạc bộ, sinh hoạt đội nhóm cho SV; đầu tư thêm không gian giải trí cho SV trong khuôn viên Học viện;

Học viện cần bố trí thêm không gian riêng cho hoạt động chuyên môn giữa CVHT và SV ngành CNXHKKH và các ngành khác.

## **IX. Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

**1. Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.**

### 1. Điểm mạnh

Học viện/Khoa CNXHKH có đủ hệ thống phòng làm việc (86 phòng) tại tòa nhà 11 tầng, phòng học (90 phòng học lí thuyết gồm 24 phòng học đến 50 chỗ ngồi, 53 phòng đến 100 chỗ, 07 phòng đến 200 chỗ và 01 hội trường trên 200 chỗ ngồi) và 01 phòng học trực tuyến, 60 phòng làm việc cho giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu; 02 phòng họp trực tuyến; phòng học rộng rãi (trung bình  $6,7\text{m}^2/\text{SV}$ ), thoáng mát, có trang thiết bị phù hợp cho hoạt động đào tạo của Học viện nói chung và cho ngành CNXHKH nói riêng.

Văn phòng Khoa CNXHKH gồm 01 phòng làm việc cho Trưởng khoa (có diện tích là  $25,9\text{ m}^2$ ), 01 văn phòng khoa (gồm cả cho đón tiếp người học) có diện tích là  $51,8\text{ m}^2$  tại Tầng 7 Nhà A1 được trang bị đầy đủ các trang thiết bị văn phòng, có kết nối mạng Internet bằng dây và wifi.

Học viện có nội qui sử dụng tài sản, trang thiết bị trong các phòng học và phòng thực hành do Văn phòng theo dõi hiệu quả sử dụng phục vụ cho đào tạo, NCKH và PVCĐ. Việc bố trí phòng học hợp lí đã đáp ứng tốt yêu cầu sử dụng phòng học cũng như các hoạt động hỗ trợ đào tạo như học nhóm, tự học... Học viện thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi từ GV và người học. Kết quả khảo sát cho thấy tỉ lệ GV hài lòng về thiết bị phòng học tăng từ 40,0% năm 2020 lên 71,4% năm 2021; tỉ lệ người học hài lòng về thiết bị phòng học tăng từ 71,1 năm 2020 lên 92,3% năm 2021. Học viện đã tổng hợp và đề xuất kế hoạch duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị cần thiết cho phòng học, phòng thực hành và các phòng chức năng của Khoa phục vụ cho hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc (điện, quạt, điều hòa không khí, bảng chống lóa, bàn, ghế, tủ làm việc, máy tính nối mạng, hệ thống chiếu sáng, thông gió, thiết bị an toàn...). Trong phòng học, hội trường có trang bị máy chiếu, hệ thống âm thanh, camera, bàn ghế phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ cho CTĐT ngành CNXHKH. Văn phòng Khoa CNXHKH được trang bị 6 bàn làm việc, 3 bàn máy tính, 3 máy in, 4 máy tính để bàn, 5 tủ gỗ và 5 tủ sắt...

### 2. Điểm tồn tại

Phòng học ứng dụng công nghệ hiện đại (Smart Class) còn ít.

Hầu hết phòng học đang sử dụng bàn đôi (khó di chuyển khi bố trí lại phòng học để tổ chức các hoạt động dạy học tích cực).

Phòng tự học chưa đáp ứng đủ cho nhu cầu của SV vào mùa thi.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Tăng cường số lượng phòng học dạng smart class hướng đến mục tiêu chuyên

đổi số trong giáo dục và “Giáo dục 4.0”; trang bị bàn đơn cho các phòng học.

Cần trang bị bàn ghế rời tại các phòng học nhằm hỗ trợ tốt cho các hoạt động dạy học tích cực, thảo luận nhóm; bố trí phòng học hợp lí hơn cho việc tự học vào mùa thi.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 5).

***Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

**1. Điểm mạnh**

Học viện/Khoa có thư viện (thư viện điện tử Kipos phiên bản 6.X với 04 module cơ bản: biên mục tài liệu, lưu thông tài liệu, quản lí ấn phẩm và cổng thông tin điện tử để quản lí toàn bộ các tài liệu in có trong thư viện qua mã vạch và thư viện số Dspace tại địa chỉ truy cập [thuvienajc.hcma.vn](http://thuvienajc.hcma.vn)), phòng đọc tại Trung tâm Thông tin khoa học (Tòa nhà 3 tầng) với diện tích là 3.000m<sup>2</sup>, gồm 10 phòng đọc, 5 phòng phục vụ và 300 chỗ ngồi, có bàn ghế, 48 máy tính tra cứu tiện lợi phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH của CTĐT ngành CNXHKKH.

Thư viện, phòng đọc của Học viện/Khoa có nội qui và hướng dẫn rõ ràng như các qui định về mượn, trả tài liệu, qui định về xử phạt, qui định về việc sử dụng và thời gian mở cửa (từ thứ Hai đến thứ Bảy (phòng mượn chỉ làm việc đến thứ Sáu) Thư viện mở cửa phục vụ bạn đọc từ 7h30 đến 11h30 và 13h00 đến 17h00), được trang bị các trang thiết bị để hoạt động như máy tính để tra cứu thuận tiện, bàn đọc, khu tự học rộng rãi.

Ngoài ra, Khoa CNXHKKH có Tủ sách riêng với những nguồn tài liệu về các Đảng cộng sản và phong trào công nhân quốc tế, các nước trong hệ thống XHCN và TBCN hiện nay, lí luận về CNXH và con đường đi lên CNXH, những vấn đề văn hóa, con người, dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kì quá độ lên CNXH... với hàng trăm đầu luận văn phục vụ GV và người học ngành CNXHKKH tham khảo trong học tập và NCKH.

Học viện/Khoa có 118 đầu sách/2625 bản học liệu bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo; 218 tài liệu số; 79 luận văn, cơ bản bảo đảm qui định về sở hữu trí tuệ và phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo (55 học phần) và NCKH của GV, người học ngành CNXHKKH. Vào đầu năm học, Học viện/Khoa hướng dẫn sử dụng Thư viện và cung cấp tài khoản truy cập thư viện cho người học.

Các tài liệu, học liệu (bản điện tử) của Học viện/Khoa tương đối được cập nhật, cơ bản đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH. Hàng năm, Học viện đầu cho mua mới học liệu phục vụ đào tạo ngành CNXHKKH hàng chục triệu đồng (tính theo 5 năm 2017-

2021 của giai đoạn đánh giá là 17,4; 17,9; 80,3; 37,9; 84,5 triệu đồng).

Học viện/Khoa có dữ liệu theo dõi về hoạt động của thư viện gồm Sổ theo dõi bạn đọc truyền thống để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. Học viện có khảo sát sự hài lòng của độc giả về mức độ phù hợp của Thư viện, kết quả khảo sát có 87,0% người học năm 2018 và 86,5% năm 2021 hài lòng về thư viện và học liệu.

## 2. Điểm tồn tại

Một số tài liệu, giáo trình đang là “tài liệu lưu hành nội bộ”; việc hướng dẫn người học khai thác thư viện số hiệu quả chưa cao (một số SV khai thác thư viện số chưa hiệu quả).

Công tác mở rộng hợp tác, liên kết với các thư viện trên cả nước và các tổ chức quốc tế, các nhà xuất bản chưa đạt như kì vọng.

Phần mềm quản lí thư viện Kipos của Học viện mới chỉ có 04 module cơ bản, chưa có chức năng thống kê số lượng sách theo ngành, theo năm; chỉ có 01 máy khử từ.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Tăng cường việc kết nối nguồn dữ liệu học liệu số với các trường đại học, tổ chức khác trên cả nước và nâng cao hiệu quả việc khai thác dữ liệu.

Đảm bảo chất lượng học liệu thông qua thúc đẩy việc xuất bản tài liệu lưu hành nội bộ và cập nhật tài liệu học tập thường xuyên hơn.

Tăng số máy khử từ đủ cho phòng mượn tại mỗi tầng của tòa nhà Thư viện.

Cần đầu tư thêm chức năng thống kê số lượng sách theo ngành, theo năm cho Phần mềm quản lí thư viện Kipos để phục vụ quản lí, báo cáo và KĐCLGD được tiện lợi.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

### ***Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

#### 1. Điểm mạnh

Học viện có 06 phòng thực hành tin học, 03 phòng Lab có trang thiết bị học ngoại ngữ và 10 phòng thực hành kỹ năng nghề nghiệp dùng chung cho các ngành đào tạo của Học viện. Khoa CNXHKKH sử dụng phòng học và phòng các phòng thực hành nghiệp vụ để tổ chức thực hành nghiệp vụ công tác dân vận, thực hành giảng dạy CNXHKKH cho người học. Do tính chất của ngành học CNXHKKH, một số tiết học thực hành có thể thực hiện tại lớp học. Học viện có các phòng chức năng được trang bị đầy đủ âm thanh, ánh sáng, màn hình LED để phục vụ cho người học tổ chức sự kiện,

tranh biện... kĩ năng mềm.

Học viện có Qui định về quản lí, sử dụng các phòng thực hành (ví dụ Quyết định số 368/QĐ-HVBCTT ngày 11/02/2020), trong đó nêu rõ mục đích, nguyên tắc, nội dung, qui trình sử dụng phòng thực hành cũng như công tác kiểm tra, khen thưởng và xử lí vi phạm. Trang thiết bị trong phòng thực hành của Khoa CNXHKKH được Văn phòng (Bộ phận Thực hành và Hỗ trợ đào tạo) chủ trì việc định kì duy tu, bảo dưỡng và cập nhật/nâng cấp (từ 600 triệu năm 2020 đến hơn 2 tỉ đồng năm 2017) để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và NCKH của ngành CNXHKKH.

Học viện có nhân viên (thuộc Bộ phận Thực hành và Hỗ trợ đào tạo của Văn phòng Học viện) phụ trách phòng thực hành; có hồ sơ theo dõi, quản lí và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị của phòng thực hành.

Định kì, Học viện và Khoa CNXHKKH thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, GV và người học về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng thực hành và các trang thiết bị. Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết GV và người học hài lòng về trang thiết bị và các dịch vụ của Học viện. Chẳng hạn, năm 2021, 74.7% GV và 89,5 SV hài lòng về CSVC cho thực hành.

## 2. Điểm tồn tại

Học viện chưa có phòng thực hành phương pháp giảng dạy riêng biệt nên thiết bị dùng cho việc rèn luyện nghiệp vụ giảng dạy chưa hoàn toàn phù hợp (màn hình ti-vi bé, bàn học đôi...) và chưa có phòng thực hành dạy học trực tuyến riêng.

Qui định về quản lí, sử dụng các phòng thực hành (Quyết định số 368/QĐ-HVBCTT) chưa có qui trình đăng kí sử dụng các phòng thực hành.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần trang bị phòng thực hành phương pháp giảng dạy riêng với thiết bị phù hợp cho việc rèn luyện nghiệp vụ phương pháp giảng dạy; phòng thực hành dạy học trực tuyến.

Cần bổ sung qui trình đăng kí sử dụng các phòng thực hành vào Qui định về quản lí, sử dụng các phòng thực hành.

## 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

***Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

### 1. Điểm mạnh

Học viện có hệ thống CNTT bao gồm hệ thống 03 máy chủ IBMX3500 M4 có bộ vi xử lí IntelXeonE5-2609 (2.4 GHz, 10M Cache, 4C/4T, Dual LGA 2011) để quản



lí CSDL, quản lí các phần mềm quản lí và quản lí công thông tin sinh viên; 610 máy tính có cài đặt phần mềm và được nối mạng, gồm cả 06 phòng thực hành máy tính dùng chung, 99 máy chiếu projectors (Khoa CNXHKH được trang bị riêng 05 máy tính để bàn, 04 máy in) dùng cho văn phòng phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH.

Hệ thống CNTT của Học viện hoạt động ổn định, an toàn (Học viện sử dụng 02 hệ đường truyền internet Leased Line do FPT cung cấp có tốc độ 6Mbps truyền đi quốc tế, 300Mbps truyền trong nước phục vụ công tác quản lí và 04 kênh FTTH do FPT và VNPT cung cấp có tốc độ 100Mbps/kênh) để hỗ trợ các hoạt động quản lí, đào tạo và NCKH; có các biện pháp bảo vệ an toàn, an ninh dữ liệu như hệ thống tường lửa (2 thiết bị Palo alto PA-500) cho hệ thống mạng LAN, phần mềm diệt virus bản quyền cho các máy chủ, chia VLAN mạng nội bộ, phân vùng wifi kèm đặt mật khẩu truy cập...

Công tác tin học hoá các hoạt động quản lí của Học viện đã bước đầu được chú trọng, như sử dụng 06 phần mềm quản lí các lĩnh vực hoạt động chủ yếu của Học viện. Ngoài ra, Học viện còn sử dụng Microsoft Teams để giảng dạy, KTĐG và quản lí việc dạy học trực tuyến (có Qui định về công tác tổ chức kì thi học phần theo hình thức trực tuyến dành cho sinh viên đại học chính qui tập trung gồm 12 trang; Hướng dẫn coi thi trực tuyến trên phần mềm Teams gồm 04 trang và Hướng dẫn thi trực tuyến trên phần mềm Microsoft Teams gồm 04 trang).

Hệ thống CNTT của Học viện/Khoa được định kì sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật thông qua việc kí kết các hợp đồng kinh tế hạ tầng mạng, cung cấp bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp, sửa chữa hệ thống CNTT hàng năm để hỗ trợ tốt các hoạt động đào tạo và NCKH. Trong thời gian Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài làm việc, tốc độ wifi tại phòng làm việc của Đoàn ổn định, đáp ứng yêu cầu công việc.

Học viện/Khoa đã lấy ý kiến phản hồi của người học về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và NCKH của hệ thống CNTT. Kết quả cho thấy mức độ hài lòng của người học về hệ thống CNTT tăng từ 71,1% năm 2020 đến 92,3% năm 2021.

## 2. Điểm tồn tại

Chưa có phần mềm quản lí tương tác giữa GV và người học trong dạy-học trực tuyến (việc quản lí, giám sát đánh giá online chưa thực sự hiệu quả); chưa có phòng studio để sản xuất học liệu e-learning riêng (đang dùng chung với phòng thực hành nghề).

Chưa có phần mềm quản lí minh chứng phục vụ công tác kiểm định; việc số hóa minh chứng/văn bản còn hạn chế.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần phát triển phần mềm quản lí giảng dạy trực tuyến để quản lí, giám sát tương tác

giữa dạy và học, KTĐG trực tuyến; trang bị phòng studio để sản xuất học liệu e-learning.

Tăng cường tin học hóa (ứng dụng CNTT) trong quản lý và đào tạo, đặc biệt hoàn thiện phần mềm quản lý tổng thể (Single Sign on) để việc sử dụng, quản lý được thuận tiện.

Cần phát triển phần mềm quản lý minh chứng phục vụ công tác KĐCLGD; tăng cường việc số hóa minh chứng/văn bản.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

***Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.***

1. Điểm mạnh

Học viện áp dụng qui định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe theo Nghị định 80/2017/NĐ-CP (chưa có qui định riêng); có các qui định, nội qui về an ninh, an toàn, trật tự, phòng chống cháy nổ được bố trí trong khuôn viên, giảng đường, phòng thực hành... để toàn thể CB, GV, NV, người học biết và thực hiện; Học viện có KTX (độc lập), khu thể thao, căng-in (xã hội hóa), trạm y tế (04 phòng, có phòng lưu bệnh nhân trong vòng 12 giờ) rộng rãi, thoáng mát, sạch sẽ, tiện dụng; cảnh quan môi trường thoáng đãng (5,6ha), xanh, sạch, đẹp: khuôn viên Học viện thiết kế như công viên với 497 cây xanh các loại (360 cây bóng mát, 137 cây cảnh), 241 chậu cảnh, 04 bể cảnh và khoảng 2.576m<sup>2</sup> thảm cỏ xanh.

Các qui định/tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được triển khai thực hiện như môi trường sinh thái và môi trường học tập, công tác y tế học đường, công tác đảm bảo an toàn cho người học, vệ sinh an toàn thực phẩm; phối hợp với Cảnh sát PCCC tập huấn cho CB, GV và người học về kiến thức, pháp luật PCCC; thường xuyên tự kiểm tra, phát hiện và khắc phục những sơ hở, thiếu sót về PCCC, triển khai các hoạt động liên quan đến phòng chống cháy nổ trong khuôn viên Học viện. Để việc di chuyển và sinh hoạt thuận lợi cho mọi đối tượng, Học viện có hệ thống lối đi thân thiện, có độ dốc ít dành cho người khuyết tật.

Học viện đã thực hiện lấy ý kiến phản hồi của GV và người học định kỳ về môi trường, sức khỏe và an toàn với tỉ lệ hài lòng khá cao (kết quả khảo sát năm 2021 cho thấy có 85,4% NV, 85,7 GV và 96,2 SV hài lòng về môi trường tâm lý, xã hội; 91,2 SV hài lòng về môi trường cảnh quan sư phạm).

2. Điểm tồn tại

Học viện chưa cụ thể hóa qui định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an

toàn; chưa có phân loại rác thải ban đầu (thùng đựng rác thải tái chế, thùng đựng rác thải hữu cơ, thùng đựng chai/lọ thủy tinh, thùng đựng pin).

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần cụ thể hóa Nghị định 80/2017/NĐ-CP và Thông tư 38/2019/TT-BLĐTĐ thành qui định riêng của Học viện về tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn.

Cần trang bị dụng cụ (thùng đựng) để phân loại rác thải ban đầu để giảm tải cho các bãi rác/nhà máy xử lý, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

### 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

### 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 5).

## ***Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9:***

### + Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Có đủ hệ thống phòng làm việc (86 phòng), phòng học (90 phòng) và phòng học trực tuyến (01), phòng thực hành tin học (06), phòng lab học tiếng (03), phòng chức năng và phòng làm việc dùng chung cho giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu (60); hệ thống CNTT, KTX, thư viện, căng-tin, khu thể thao phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ; thư viện số và thư viện điện tử có đủ tài liệu học tập. Công tác tin học hoá việc quản lý trường học và an toàn dữ liệu bước đầu được chú trọng. Tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. Kết quả khảo sát sự hài lòng về mức độ phù hợp của CSVC, chất lượng phục vụ, về môi trường, sức khỏe và an toàn đạt cao.

### + Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Phòng học ứng dụng công nghệ hiện đại (Smart Class) của Học viện còn ít. Việc hợp tác, liên kết với các thư viện của CSGD khác và các tổ chức quốc tế, các nhà xuất bản chưa đạt như kì vọng; phần mềm quản lý thư viện Kipos chưa có chức năng thống kê số lượng sách theo ngành, theo năm; đang sử dụng nhiều tài liệu nội bộ (chưa xuất bản). Chưa có phòng thực hành nghiệp vụ sư phạm riêng, chưa có phòng thực hành dạy học trực tuyến riêng. Chưa có phần mềm quản lý tương tác giữa GV và người học trong dạy-học trực tuyến, việc sản xuất học liệu e-learning còn hạn chế; chưa có phần mềm quản lý minh chứng phục vụ công tác kiểm định.

### + Kiến nghị đối với CTĐT:

Tăng số lượng phòng học ứng dụng công nghệ hiện đại (Smart Class). Tăng cường việc kết nối nguồn dữ liệu học liệu số với các trường đại học khác và nâng cao hiệu quả việc khai thác dữ liệu số; đầu tư thêm chức năng thống kê số lượng tài liệu theo ngành, theo năm cho phần mềm quản lý thư viện Kipos; rà soát ĐCHP thường

xuyên hơn để bổ sung, cập nhật tài liệu học tập; tăng số máy khử từ. Trang bị phòng thực hành PPGD riêng với thiết bị phù hợp cho việc rèn luyện nghiệp vụ giảng dạy; phòng thực hành dạy học trực tuyến. Phân tích kết quả khảo sát sự hài lòng của GV, người học về mức độ phù hợp của phòng thực hành một cách hiệu quả hơn. Đầu tư phần mềm quản lý tương tác giữa GV và người học trong dạy-học trực tuyến, tăng cường sản xuất học liệu e-learning; phát triển phần mềm quản lý minh chứng phục vụ công tác kiểm định.

## **X. Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng**

**1. Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.**

### **1. Điểm mạnh**

Học viện đã xây dựng được hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các BLQ. Cụ thể, Trung tâm KT&ĐBCLĐT chủ trì công việc xây dựng quy trình, hệ thống phiếu khảo sát và làm đầu mối, phối hợp với các đơn vị tổ chức khảo sát các đối tượng có liên quan về chất lượng đào tạo của Học viện, CTĐT; chủ trì, phối hợp với các Khoa và đơn vị chức năng nghiên cứu, đổi mới, xây dựng đánh giá và cập nhật CTĐT (Quyết định số 4237-QĐ/HVBCTT ngày 30/9/2019). Ban Quản lý đào tạo phối hợp với Trung tâm KT&ĐBCLĐT và các khoa, đơn vị liên quan xây dựng, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung CTĐT, bồi dưỡng; nghiên cứu đề xuất xây dựng các CTĐT, bồi dưỡng mới các ngành và chuyên ngành đào tạo, các CTĐT tiên tiến; Tổ chức nghiên cứu xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng (Quyết định số 4227-QĐ-HVBCTT ngày 30/9/2019). Các Khoa trong Học viện thực hiện nhiệm vụ xây dựng CTĐT, bồi dưỡng của ngành, chuyên ngành được Học viện giao nhiệm vụ.

Hiện nay, Học viện đang thực hiện các loại khảo sát: khảo sát giờ giảng bằng hình thức trực tuyến trước khi kết thúc học phần, khảo sát học phần bằng hình thức trực tuyến sau khi thi kết thúc học phần, khảo sát cựu SV bằng hình thức gửi qua email, khảo sát NTD bằng bản cứng gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua email, khảo sát đội ngũ CBNV bằng phát phiếu trực tiếp, email hoặc gửi link.

Tất cả các kết quả khảo sát đều được Trung tâm KT&ĐBCLĐT tổng hợp, phân tích và báo cáo Giám đốc Học viện, Chủ tịch Hội đồng trường để xử lý. Các kết quả khảo sát liên quan đến CTĐT được gửi đến các đơn vị liên quan sử dụng cho phát triển CTDH.

### **2. Điểm tồn tại**

Quy định về chức năng nhiệm vụ của các Khoa chưa thể hiện rõ sự tham gia của

các Khoa trong thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các BLQ.

Qua phỏng vấn cho thấy, nhiệm vụ chủ trì trong việc xây dựng, rà soát, cập nhật CTĐT chưa được phân định rõ giữa Trung tâm KT&ĐBCLĐT và Ban Quản lý đào tạo.

Qua phỏng vấn cho thấy, Học viện chưa có quy chế phối hợp trong các hoạt động khảo sát, chia sẻ và sử dụng các dữ liệu sau khảo sát trong hoạt động xây dựng CTDH nói riêng và trong các hoạt động của Học viện nói chung.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần bổ sung nhiệm vụ của các Khoa trong thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các BLQ.

Nên Quy định rõ trong nhiệm vụ của Ban Quản lý đào tạo là chủ trì trong trong việc xây dựng, rà soát, cập nhật CTĐT.

Học viện nên xem xét ban hành Quy chế phối hợp của các đơn vị trong các hoạt động khảo sát, sử dụng các số liệu sau khảo sát cho các hoạt động của Học viện, đặc biệt là hoạt động phát triển CTDH.

### 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có

### 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

***Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến.***

#### 1. Điểm mạnh

Học viện đã ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT. Quy trình mới nhất được ban hành theo Quyết định số 2643/QĐ-HVBCCTT ngày 29/4/2020. Theo đó, quy trình xây dựng CTĐT gồm 12 bước, quy trình đánh giá cập nhật CTĐT gồm 10 bước.

Hàng năm, Học viện đều thực hiện rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Từ năm 2018 đến nay, Học viện đã tiến hành rà soát các thuật ngữ sử dụng trong quy trình thiết kế phát triển CTDH, các bước trong quy trình xây dựng CTĐT và quy trình đánh giá cập nhật CTĐT. Hiện nay, Học viện đang tiến hành rà soát Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT ban hành theo Quyết định số QĐ số 2643/QĐ-HVBCCTT ngày 29/4/2020.

Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT đã được cải tiến. Cụ thể, Quyết định số 2643/QĐ-HVBCCTT ngày 29/4/2020 đã được cải tiến từ Quy trình ban hành theo Quyết định số 2244/QĐ-HVBC&TT ngày 23/5/2018 trong đó quy trình xây dựng CTĐT gồm 12 bước so với 9 bước ở quy trình ban hành năm 2018, quy trình đánh giá cập nhật CTĐT có 10 bước so với 6 bước của quy trình ban hành năm 2018. Quy trình

ban hành năm 2020 bổ sung, làm rõ thêm các biểu mẫu trong quy trình xây dựng như mẫu ĐCHP, mẫu đối sánh CTĐT so với quy trình ban hành năm 2018.

## 2. Điểm tồn tại

Hoạt động cải tiến Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT chưa xuất phát từ khảo sát đầy đủ các bên có liên quan đến phát triển CTDH.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Ban Quản lý đào tạo nên chủ trì trong việc lấy ý kiến các BLQ thông qua đa dạng các hình thức khác nhau như thông qua các cuộc họp, các khảo sát để có thông tin làm căn cứ cho việc rà soát, cải tiến Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT.

## 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

***Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.***

### 1. Điểm mạnh

Quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của người học, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CĐR được thể hiện một phần ở các văn bản Học viện ban hành. Cụ thể, Trước năm 2018, việc thực hiện rà soát và đánh giá KQHT của người học được thực hiện theo Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ (Quyết định số 3307/QĐ-HVBC&TT ngày 12/9/2014), Quy định về công tác xây dựng ngân hàng đề thi (Ban hành ngày 30/11/2015). Từ năm 2018, Học viện đã ban hành ban hành quy định về công tác khảo thí (QĐ số 2989/QĐ-HVBC&TT-KT ngày 01/09/2017), quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT (QĐ số 2244/QĐ-HVBC&TT, 23/05/2018), hướng dẫn thiết kế PPDH và KTĐG đáp ứng CĐR (HD số 2647/HD-HVBC&TT ngày 09/7/2020; số 2663/HD-HVBC&TT ngày 09/7/2020), Quy định về công tác tổ chức kì thi học phần theo hình thức trực tuyến dành cho SV hệ đại học chính quy tập trung (QĐ số 1182/QĐ-HVBC&TT ngày 16/3/2022). Trong HD 2647 có quy định ma trận thể hiện sự tương thích giữa CĐR và phương pháp KTĐG, đảm bảo các phương pháp KTĐG trong CTDH hướng tới đạt CĐR.

Hàng năm, Học viện đã tổ chức khảo sát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của SV thể hiện trong CTĐT và thực tế dạy và học. Các kết quả khảo sát đánh giá được thể hiện trong các hồ sơ tổng hợp dự giờ của GV Khoa CNXHKKH, các biên bản biên bản họp Khoa CNXHKKH, Báo cáo tổng

kết các mặt công tác từ năm 2017 đến năm 2020 của Học viện.

## 2. Điểm tồn tại

Học viện chưa ban hành Quy định về rà soát và đánh giá thường xuyên quá trình dạy thuận tiện trong quá trình triển khai thực hiện.

Chưa có sự liên kết chặt chẽ giữa kết quả khảo sát SV về giờ giảng, khảo sát học phần trong việc sử dụng để rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần ban hành Quy định về rà soát và đánh giá thường xuyên quá trình dạy để thuận tiện trong quá trình triển khai và thực hiện.

Học viện, Khoa CNXHKH xem xét việc tổng hợp, phân tích dữ liệu từ kết quả khảo sát SV về giờ giảng, khảo sát học phần cho rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (mức 3).

### ***Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.***

#### 1. Điểm mạnh

Trong giai đoạn 2016 - 2021, GV của Khoa CNXHKH đã có 37 đề tài NCKH các cấp, trong đó có 01 đề tài cấp Nhà nước, 2 đề tài cấp Bộ và 34 đề tài cấp cơ sở; công bố 79 bài báo trên các tạp chí khoa học, trong đó có 01 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế, 78 bài báo đăng trên các tạp chí trong nước; có 10 báo cáo tại hội thảo khoa học quốc tế, 52 báo cáo tại hội thảo khoa học trong nước; biên soạn và xuất bản 02 giáo trình, 07 sách chuyên khảo. Các đề tài NCKH đều liên quan đến việc dạy và học.

Trong tổng số đề tài NCKH và GV và SV Khoa CNXHKH đã thực hiện, có 23 đề tài đã được chuyển tải thành nội dung giảng dạy của nhiều học phần trong CTDH và được sử dụng làm tài liệu tham khảo. Kết quả NCKH các đề tài các cấp góp phần cải tiến hoạt động giảng dạy và học tập, là nguồn tài liệu tham khảo, hỗ trợ GV, SV làm khóa luận tốt nghiệp và NCKH.

#### 2. Điểm tồn tại

Số lượng các đề tài NCKH liên quan đến phát triển CTĐT, đổi mới phương pháp dạy, áp dụng các công nghệ dạy học mới vào trong hoạt động giảng dạy còn hạn chế.

Việc cải tiến hoạt động dạy và học trên cơ sở kết quả của các đề tài NCKH chưa thực sự rõ nét.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần có chính sách để GV, SV tham gia các hoạt động NCKH trong lĩnh vực khoa học giáo dục, phát triển CTĐT, đổi mới PPDH, áp dụng các công nghệ dạy học hiện đại để nâng cao chất lượng dạy và học.

Học viện nên có hướng dẫn cho cải tiến hoạt động dạy và học trên cơ sở kết quả của các đề tài NCKH, đặc biệt là cải tiến trong tổ chức đào tạo, phương pháp giảng dạy, áp dụng các thành tựu của khoa học công nghệ trong dạy học.

### 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

### 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 5).

***Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.***

#### 1. Điểm mạnh

Quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác được thể hiện ở Quy chế lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về chất lượng đào tạo được ban hành theo Quyết định số 3801/QĐ-HVBC&TT ngày 31/8/2019.

Học viện thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác. Cụ thể, khảo sát SV cuối khóa về mức độ hài lòng về CSVC, hệ thống thiết bị, phòng thực hành về trang thiết bị tin học từ năm 2018-2021 cho thấy điểm số trung bình luôn cao hơn 3,8 điểm. Kết quả đánh giá phản hồi của SV về đội ngũ CB phục vụ khá cao và tăng theo từng năm: năm 2020 tỉ lệ hài lòng là 78,7%, năm 2021 tỉ lệ hài lòng là 91,2%. Học viện cũng thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ qua các hội nghị đối thoại giữa SV với lãnh đạo học viện và các phòng/ban chức năng.

Đối với ngành CNXHKKH, tỉ lệ hài lòng của SV về dịch vụ hỗ trợ đào tạo và việc làm từ năm 2018-2021 lần lượt là: 87,1%; 83,2%; 80,9%; 87, 2%, tỉ lệ hài lòng của SV về đội ngũ CB hỗ trợ từ năm 20018-2021 lần lượt là 81,5%; 85,5%; 78,7%; 91,2%.

Trong giai đoạn đánh giá, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác đã được cải tiến: trang bị hệ thống điều hòa tại 100% các phòng học năm 2018, nâng cấp mạng internet do Công ty cổ phần viễn thông FPT thực hiện năm 2019, triển khai 12 gói thầu nâng cấp toàn diện



thư viện.

## 2. Điểm tồn tại

Văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác nằm rải rác ở các văn bản khác nhau, gây khó khăn cho việc tổ chức thực hiện.

Học viện chưa có tổng hợp một cách hệ thống về kết quả đánh giá chất lượng dịch vụ của hệ thống CNTT để đưa ra phương án cải tiến. Tại thời điểm đánh giá cho thấy một số giảng đường không truy cập được wifi như B6, B7, B8. Khu vực giảng đường gần Thư viện truy cập được wifi nhưng tốc độ thấp (tốc độ tải xuống/tải lên chỉ 10Mbps).

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện nên ban hành quy định riêng về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác để đảm bảo thuận lợi trong quá trình triển khai, trong đó quy định rõ cơ chế chia sẻ, sử dụng các dữ liệu khảo sát thu thập được để tiến hành cải tiến các dịch vụ hỗ trợ.

Học viện nên xem xét cải tiến tốt hơn chất lượng dịch vụ của hệ thống CNTT để đảm bảo SV truy cập internet được liên tục và ổn định đảm bảo nhu cầu học tập, nghiên cứu.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

### ***Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.***

#### ***1. Điểm mạnh***

Học viện giao cho Trung tâm KT&ĐBCLĐT chủ trì xây dựng kế hoạch khảo sát, quy trình khảo sát, công cụ cho khảo sát ý kiến phản hồi các BLQ, các đơn vị phòng ban và các khoa là đơn vị phối hợp thực hiện. Học viện đã ban hành Quy chế lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về chất lượng đào tạo theo Quyết định số 3901/QĐ-HVBCTT ngày 31/8/2019, Quy chế lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về chất lượng đào tạo theo Quyết định số 612/QĐ-HVBCTT ngày 20/2/2020.

Bộ công cụ khảo sát cho các đối tượng và nội dung khảo sát khác nhau theo mô hình đánh giá thang Likert 5 mức; phương pháp xử lý dữ liệu khảo sát bằng thống kê toán học nên có độ tin cậy và chính xác.

#### ***2. Điểm tồn tại***

Cơ chế phản hồi của các BLQ chưa được thiết lập một cách có hệ thống. Chưa

rõ chức năng của một số đơn vị trong việc thu thập, phân tích, chia sẻ, sử dụng dữ liệu phản hồi của một số đơn vị như Ban Tổ chức CB, Phòng CTSV,.. Việc giao nhiệm vụ cho các đơn vị còn có hiện tượng giao theo năng lực của CB hiện tại chứ không phải đòi hỏi chức năng nhiệm vụ theo vị trí việc làm của đơn vị dẫn đến không có đơn vị chủ trì rõ ràng như việc phát triển CTĐT và sử dụng thông tin phản hồi từ các BLQ cho phát triển CTĐT.

### *3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng*

Học viện cần đánh giá lại cơ chế phản hồi của các BLQ trên cơ sở thu thập thông tin từ các đơn vị trong Học viện, thông qua các hội thảo chuyên đề. Trên cơ sở đó để tiến hành cải tiến cơ chế phản hồi các BLQ để sử dụng tốt các dữ liệu phản hồi thu thập được cho việc phát triển CTĐT nói riêng cũng như chỉ đạo các hoạt động của Học viện nói chung.

### *4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có*

### *5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (mức 3).*

### **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 10:**

#### **+ Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:**

Học viện đã xây dựng được hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các BLQ. Hiện nay, Học viện đang thực hiện các loại khảo sát: khảo sát giờ giảng, khảo sát học phần, khảo sát cựu sinh, khảo sát NTD, khảo sát đội ngũ CBNV. Tất cả các kết quả khảo sát đều được xử lí.

Học viện đã ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT và thực hiện rà soát, đánh giá và cải tiến quy trình này.

Hàng năm, Học viện đã tổ chức khảo sát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của SV thể hiện trong CTĐT và thực tế dạy và học.

Trong tổng số đề tài 37 đề tài NCKH các cấp có 23 đề tài đã được chuyển tải thành nội dung giảng dạy của nhiều học phần trong CTDH và được sử dụng làm tài liệu tham khảo.

Quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác được thể hiện ở Quy chế lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về chất lượng đào tạo. Học viện thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác.

Đối với Khoa CNXHKKH, tỉ lệ hài lòng của SV về dịch vụ hỗ trợ đào tạo và việc

làm từ năm 2018-2021 lần lượt là: 87,1%; 83,2%; 80,9%; 87, 2%, tỉ lệ hài lòng của SV về đội ngũ CB hỗ trợ từ năm 2018-2021 lần lượt là 81,5%; 85,5%; 78,7%; 91,2%.

Trong giai đoạn đánh giá, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác đã được cải tiến: trang bị hệ thống điều hòa tại 100% các phòng học năm 2018, nâng cấp mạng internet do Công ty cổ phần viễn thông FPT thực hiện năm 2019, triển khai 12 gói thầu nâng cấp toàn diện thư viện.

Học viện giao cho Trung tâm KT&ĐBCLĐT chủ trì xây dựng kế hoạch khảo sát, quy trình khảo sát, công cụ cho khảo sát ý kiến phản hồi các BLQ, các đơn vị phòng ban và các khoa là đơn vị phối hợp thực hiện.

+ Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Hoạt động cải tiến Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT chưa xuất phát từ khảo sát đầy đủ các bên có liên quan đến phát triển CTDH.

Học viện chưa ban hành Quy định về rà soát và đánh giá thường xuyên quá trình dạy học, đánh giá kết quả học tập thuận tiện trong quá trình triển khai thực hiện.

Chưa có sự liên kết chặt chẽ giữa kết quả khảo sát SV về giờ giảng, khảo sát học phần trong việc sử dụng để rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

Tại thời điểm đánh giá cho thấy một số giảng đường không truy cập được wifi như B6, B7, B8. Khu vực giảng đường gần Thư viện truy cập được wifi nhưng tốc độ thấp (tốc độ tải xuống/tải lên chỉ 10Mbps).

Cơ chế phản hồi của các BLQ chưa được thiết lập một cách có hệ thống. Việc giao nhiệm vụ cho các đơn vị còn có hiện tượng giao theo năng lực của CB hiện tại chứ không phải đòi hỏi chức năng nhiệm vụ theo vị trí việc làm của đơn vị dẫn đến không có đơn vị chủ trì rõ ràng như việc phát triển CTĐT và sử dụng thông tin phản hồi từ các BLQ cho phát triển CTĐT.

+ Kiến nghị đối với CTĐT:

Ban Quản lý đào tạo nên chủ trì trong việc lấy ý kiến các BLQ thông qua đa dạng các hình thức khác nhau như thông qua các cuộc họp, các khảo sát để có thông tin làm căn cứ cho việc rà soát, cải tiến Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT.

Học viện cần ban hành Quy định về rà soát và đánh giá thường xuyên quá trình dạy học, đánh giá kết quả học tập để thuận tiện trong quá trình triển khai và thực hiện.

Học viện, Khoa CNXHKKH xem xét việc tổng hợp, phân tích dữ liệu từ kết quả khảo sát SV về giờ giảng, khảo sát học phần cho rà soát, đánh giá việc sử dụng các

phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

Học viện nên xem xét cải tiến tốt hơn chất lượng dịch vụ của hệ thống CNTT để đảm bảo SV truy cập internet được liên tục và ổn định đảm bảo nhu cầu học tập, nghiên cứu.

Học viện cần đánh giá lại cơ chế phản hồi của các BLQ trên cơ sở thu thập thông tin từ các đơn vị trong Học viện, thông qua các hội thảo chuyên đề. Trên cơ sở đó để tiến hành cải tiến cơ chế phản hồi các BLQ để sử dụng tốt các dữ liệu phản hồi thu thập được cho việc phát triển CTĐT nói riêng cũng như chỉ đạo các hoạt động của Học viện nói chung.

## **XI. Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra**

***1. Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

### **1. Điểm mạnh**

Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của SV ngành học được Học viện giao cho Ban Quản lý đào tạo là đơn vị chủ trì thực hiện (QĐ số 4227/QĐ-HVBCCTT ngày 30/09/2019), Khoa CNXHKKH là đơn vị phối hợp (QĐ số 4201/QĐ-HVBCCTT ngày 30/09/2019). Việc quản lý kết quả học tập, theo dõi số SV thôi học và tốt nghiệp được thực hiện qua phần mềm quản lý đào tạo. Cuối mỗi học kì, Ban Quản lý đào tạo đều thống kê và có quyết định danh sách các SV thuộc diện cảnh báo học vụ để gửi về Khoa. Công tác xét tốt nghiệp được Học viện tổ chức chặt chẽ, đúng quy chế. Mỗi năm, Học viện tổ chức xét tốt nghiệp 02 lần. Danh sách SV thôi học và tốt nghiệp được xác lập, cập nhật hằng năm và đều được gửi đến các khoa để theo dõi. Khảo sát thực tế nhận thấy, Học viện lưu trữ đầy đủ quyết định cho SV thôi học, nghỉ học có thời hạn và tốt nghiệp. Kết quả thống kê của Học viện cho thấy, tỷ lệ SV thôi học của các khóa tuyển sinh từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 tương ứng là 19,6%, 13,3%, 28,6%, 17,1%, 5,1% (trung bình là 16,7% ); tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn của các khóa từ 2013-2017 đến khóa 2017-2021 tương ứng là 92,3%, 92,7%, 76,0%, 83,3%, 35,7% (trung bình 76,0%). Không có SV nào tốt nghiệp trước hạn.

Tình hình SV thôi học, tốt nghiệp đúng hạn đã được Khoa/Học viện đánh giá, phân tích thông qua các cuộc họp chuyên đề về đào tạo hoặc tổng kết học kì/năm học. Kết quả phỏng vấn cho thấy, Khoa đã có một số cuộc họp thảo luận về tình trạng thôi học, chậm tốt nghiệp của SV và nhận thấy, tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn thấp là do SV không đạt CĐR về tin học và ngoại ngữ và còn nợ một số học phần; SV thôi học chủ yếu ở năm thứ hai với nhiều lí do khác nhau như đi du học, chuyển trường, hoàn cảnh gia đình hoặc kết quả học tập kém. CVHT là đầu mối gặp gỡ SV có kết quả học tập kém để tìm hiểu nguyên nhân và đề xuất biện pháp giúp đỡ (tư vấn tâm lí, trao đổi trực

tiếp với gia đình...).

Khoa đã thực hiện đối sánh tỉ lệ SV thôi học, tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn của ngành học giữa các khóa, đối sánh với SV ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước của Học viện và SV cùng ngành của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn-ĐHQGHN. Kết quả đối sánh cho thấy, ngành học có tỉ lệ SV tốt nghiệp của các khóa 2013-2017 đến khóa 2017-2021 nhìn chung thấp hơn hai CTĐT được chọn đối sánh ở trên. Khoa cũng đã đối sánh tỉ lệ SV thôi học với 06 ngành khác như Ngành Quảng cáo, Kinh tế chính trị, Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước... trong Học viện.

## *2. Điểm tồn tại*

Tỉ lệ SV ngành CNXHKKH thôi học trong giai đoạn đánh giá còn cao. Hiệu quả của việc đối sánh tỉ lệ SV thôi học và tỉ lệ SV tốt nghiệp của ngành học với SV các ngành khác trong Học viện và với SV cùng ngành của các trường đại học khác trong nước chưa hiệu quả như số liệu đối sánh còn ít, chưa khai thác hết giá trị của những số liệu thống kê do Ban Quản lý đào tạo xác lập.

## *3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng*

Khoa cần quan tâm hơn đến công tác hướng nghiệp thông qua công tác truyền thông tuyển sinh, thông qua các hoạt động giới thiệu sâu về ngành học cho SV ngay từ năm thứ nhất (mời các nhà lãnh đạo quản lý, các nhà khoa học đến giao lưu với người học...) để khơi dậy và hun đúc lòng yêu nghề cho SV. Các CVHT cần gần gũi và sâu sát hơn với SV để nắm bắt kịp thời hoàn cảnh, tâm tư, nguyện vọng của SV. Số liệu thống kê cần được chi tiết hơn như có bao nhiêu SV thôi học do tự bỏ học, bao nhiêu bị buộc thôi học vì học lực yếu, bao nhiêu chuyển trường, đi du học, bỏ học để đi làm...

## *4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có*

## *5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).*

***Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

### *1. Điểm mạnh*

Ban Quản lý đào tạo là đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý kết quả học tập, tổ chức xét tốt nghiệp và quản lý hồ sơ cấp bằng tốt nghiệp của SV. Quy chế đào tạo và phần mềm quản lý đào tạo là công cụ chính để giám sát, thống kê tình hình tốt nghiệp và xác lập thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khóa đào tạo. Theo quy chế đào tạo của Học viện thì thời gian đào tạo chuẩn của ngành học là 04 năm, thời gian tối đa là 06 năm. Kết quả thống kê cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khóa

từ 2013-2017 đến khóa 2017-2021 khá nhỏ và tương ứng là 4,0 năm, 4,1 năm, 4,1 năm, 4,1 năm và 4,0 năm (bình quân là 4,06 năm).

Khảo sát thực tế nhận thấy, kết quả xét tốt nghiệp đều được gửi đến Khoa để thông báo đến các lớp SV và SV có thể truy cập thông tin qua tài khoản cá nhân được cấp. Đoàn thanh niên, CVHT và ban cán sự lớp đều có các cuộc họp định kỳ hằng tháng để nắm bắt tình hình học tập của SV và có giải pháp tư vấn cho SV lập kế hoạch học tập phù hợp, hỗ trợ mọi mặt khi SV có nhu cầu (Biên bản họp CVHT với lớp ngày 16/03/2021) Khoa đã họp phân tích nguyên nhân tình trạng chậm tốt nghiệp và đề xuất giải pháp khắc phục (Biên bản họp Khoa hằng năm). Nguyên nhân chủ yếu của việc tốt nghiệp chậm là SV chưa đạt CDR về ngoại ngữ, tin học hoặc còn nợ một số học phần chuyên môn. Một số giải pháp Học viện/Khoa đã thực hiện để nâng cao tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn là: Giám sát chặt chẽ kết quả học tập của SV và thông báo kịp thời để SV có kế hoạch học trả nợ những học phần chưa đạt, thông báo những SV chưa đủ điều kiện tốt nghiệp kèm lí do cụ thể, tổ chức các lớp học bổ sung/ôn tập cho SV có nhu cầu học trả nợ hoặc cải thiện điểm (Quyết định số 3748/QĐ-HVBC&TT ngày 21/09/2020 về việc mở lớp Bồi dưỡng CDR Tiếng Anh trình độ B2). Học viện đã điều chỉnh CDR ngoại ngữ từ B2 xuống B1 để phù hợp với chất lượng thực tế của SV từ năm 2020.

Thời gian tốt nghiệp trung bình của các khóa SV đã được đối sánh với SV các khóa tương ứng của một số ngành trong Học viện như ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Kinh tế chính trị. Kết quả đối sánh cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV thuộc ngành học tương đương với SV của các ngành học nói trên Khảo sát thực tế (qua minh chứng và phỏng vấn) cho thấy, Học viện/Khoa đã có những cuộc họp trao đổi thảo luận, đánh giá về tình hình tốt nghiệp của SV và hiệu quả của những giải pháp đã thực hiện để tăng số SV tốt nghiệp đúng hạn.

### *2. Điểm tồn tại*

Khoa chưa thực sự tích cực tìm kiếm thông tin để đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành học với SV cùng ngành của một số Trường đại học trong nước. Tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn có xu hướng giảm dần.

### *3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng*

Phần mềm quản lí đào tạo cần được hoàn thiện để có thêm chức năng thống kê số SV tốt nghiệp hằng năm theo khóa học và tính thời gian tốt nghiệp trung bình của SV thuộc mỗi CTĐT theo khảo học. Sau học kì II của năm thứ ba, Ban Quản lí đào tạo nên thống kê danh sách những SV còn nợ các học phần để thông báo cho SV biết, chủ động lập kế hoạch học trả nợ. Khoa/CVHT cần giám sát chặt chẽ KQHT của SV, gần gũi, quan tâm đối với những SV có KQHT kém để có giải pháp/tư vấn giúp đỡ kịp thời. Cần nâng cao hiệu quả của hoạt động đối sánh tình hình tốt nghiệp trước và đúng

hạn của SV với SV của tất cả các CTĐT trong Học viện và với SV cùng ngành của nhiều trường đại học khác trong nước.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

***Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

1. Điểm mạnh

Học viện giao cho Trung tâm KT&ĐBCLĐT là đơn vị chủ trì việc khảo sát tình trạng việc làm của SV sau tốt nghiệp (QĐ số 4237/QĐ-HVBC&TT ngày 30/9/2019). Theo đó, Trung tâm có nhiệm vụ cụ thể là xây dựng cơ sở dữ liệu SV tốt nghiệp, khảo sát thống kê việc làm của SV sau tốt nghiệp và lập báo cáo kết quả khảo sát hằng năm. Trước năm 2020, Khoa trực tiếp thực hiện khảo sát và lập báo cáo kết quả chuyển về Trung tâm KT&ĐBCLĐT. Kể từ năm 2020 trở lại đây thì nhiệm vụ này được chuyển cho Trung tâm KT&ĐBCLĐT thực hiện. Hình thức khảo sát được thực hiện là gửi email, gọi điện thoại, gửi phiếu điều tra. Hồ sơ minh chứng cho thấy, Học viện có khá đầy đủ dữ liệu khảo sát về tình trạng SV tốt nghiệp hằng năm và hằng năm đều có báo cáo gửi Bộ GD&ĐT theo đúng quy định (báo cáo ngày 25/01/2022). Tình hình việc làm của SV còn được công bố trên trang thông tin điện tử của Học viện (mục ba công khai). Kết quả thống kê tình trạng việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp của các khóa tốt nghiệp vào các năm 2017, 2018, 2019, 2020 như sau: Trung bình tỉ lệ SV phản hồi là 83,5%, trung bình tỉ lệ SV có việc làm là 87,5%, trung bình tỉ lệ SV có việc làm đúng ngành là 20% và phù hợp với ngành đào tạo là 11,5%, trung bình tỉ lệ làm việc trong khu vực Nhà nước là 10,1% và tự tạo việc làm là 21,3%.

Đoàn Đánh giá ngoài đã khảo sát độc lập đối với 33 SV tốt nghiệp năm 2020 và năm 2021. Trong số phản hồi 92,3% đã có việc làm, làm việc phù hợp với ngành đào tạo là 66,7%.

Khoa đã thực hiện đối sánh tình trạng việc làm của SV ngành học sau tốt nghiệp với SV ngành Kinh tế chính trị của Học viện.

Khảo sát thực tế cho thấy, Khoa đã có một số buổi họp, tọa đàm tư vấn hướng nghiệp cho SV (biên bản họp ngày 30/09/2020) để phân tích nguyên nhân tỉ lệ SV có việc làm đúng ngành thấp và đề xuất một số giải pháp khắc phục. Trên thực tế, một số giải pháp đã được thực hiện như mở rộng các cơ sở hợp tác trong việc gửi SV đến thực tập thực tế (Biên bản ghi nhớ ngày 18/10/2021 với Mặt trận Tổ quốc Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh), tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao kỹ năng mềm cho SV (do Đoàn thanh niên Học viện chủ trì), thu thập thông tin tuyển dụng để công bố trên trang thông tin điện tử của Học viện (chuyên mục SV khởi nghiệp), tổ chức các buổi tọa đàm hướng nghiệp cho SV,... Công tác hướng nghiệp đã được triển khai ngay từ năm thứ

nhất để SV hiểu rõ về ngành nghề đào tạo, tạo động lực học tập tốt hơn.

## 2. Điểm tồn tại

Khoa chưa thường niên đối sánh tình trạng việc làm của SV ngành học với SV các ngành khác của Học viện và số lượng đối sánh với SV cùng ngành của các trường đại học khác trong nước còn khá ít. Khoa chưa có những phân tích sâu sắc về tình trạng việc làm của SV nên những biện pháp nâng cao tỉ lệ SV có việc làm và nâng cao tỉ lệ SV có việc làm phù hợp với ngành đào tạo còn ít và chưa thật sự hiệu quả. Hoạt động hướng nghiệp chưa nhiều.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Sau khi có kết quả khảo sát, Học viện/Khoa cần nghiên cứu và phân tích dữ liệu kĩ càng để tìm biện pháp cải tiến. Cần rà soát, hoàn thiện hướng dẫn về hoạt động đối sánh, so chuẩn trong công tác đảm bảo chất lượng, trong đó có đối sánh về tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp. Cần tìm hiểu căn nguyên dẫn đến tỉ lệ SV có việc làm phù hợp với ngành đào tạo không cao để có giải pháp điều chỉnh chỉ tiêu hoặc đổi mới CTĐT nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

## 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: 4

***Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

### 1. Điểm mạnh

Học viện giao cho Ban Quản lí khoa học là đơn vị chịu trách nhiệm quản lí hoạt động NCKH của SV và các Khoa là đơn vị phối hợp thực hiện. Việc quản lí và tổ chức hoạt động NCKH của SV được thực hiện theo Quy chế Quản lí hoạt động khoa học của Học viện (QĐ số 881/QĐ-HVBC&TT ngày 25/09/2011, QĐ số 6531/QĐ-HVBC&TT ngày 26/12/2018), Quy định tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ (QĐ số 5061/QĐ-HVBC&TT ngày 27/12/2017) và theo thông tư 19/2012/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT. Khảo sát thực tế cho thấy, loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của SV được xác định gồm chủ trì hoặc tham gia thực hiện các đề tài/dự án NCKH SV, thực hiện triển khai các tiến bộ KH&CN vào thực tiễn, tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học.

Theo quy định của Học viện, mỗi lớp SV năm thứ hai và năm thứ ba được đề xuất 01 đề tài NCKH SV cấp Học viện. Việc giao cho SV thực hiện các đề tài NCKH SV cấp Học viện được thực hiện theo một quy trình tương đối chặt chẽ từ khâu thông báo đăng ký, phê duyệt cho đến khâu nghiệm thu thanh lí đề tài. SV được đăng ký làm chủ nhiệm đề tài phải là SV từ năm thứ hai trở đi, có ít nhất một học kì đạt học lực loại khá trở lên, có GV nhận hướng dẫn. Tiêu chuẩn và quyền lợi của GV hướng dẫn cũng được quy định rõ ràng và có quy định giám sát tiến độ thực hiện (Biên bản kiểm tra



tiến độ NCKH của SV ngày 16/07/2020. Ban Quản lí khoa học lưu trữ khá đầy đủ các quyết định phê duyệt đề tài NCKH SV cấp Học viện, hồ sơ các đề tài đã được nghiệm thu và thanh lí. Hằng năm, Học viện đều xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH của SV (KH số 5877/KH-HVBC&TT ngày 28/12/2020). Ngoài ra, Học viện còn chi kinh phí cho hoạt động hội thảo hội nghị khoa học do SV tổ chức và hằng năm đều tổ chức Hội nghị Khoa học SV cấp Học viện.

Kết quả thống kê của Khoa cho thấy, trong chu kì đánh giá, SV của ngành học đã chủ trì thực hiện 07 đề tài NCKH SV cấp cơ sở với sự tham gia của 32 SV. Tổng kinh phí chi cho hoạt động NCKH của SV toàn Trường tăng từ 140 triệu đồng năm 2016 lên 638 triệu đồng năm 2019.

Minh chứng cho thấy, Khoa đã đối sánh kết quả NCKH của SV ngành học với SV các ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, Kinh tế chính trị... của Học viện và đối sánh với SV ngành Triết học của Trường Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn, ĐHQGHN.

## *2. Điểm tồn tại*

Quy định về loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của SV chưa đa dạng (mới chỉ quan tâm đến việc chủ trì/tham gia đề tài NCKH SV, tham gia các hội nghị hội thảo) và quy định mỗi lớp SV từ năm thứ hai trở lên được đăng ký 01 đề tài NCKH SV cấp Học viện là hơi ít. Chi thường cho SV có thành tích xuất sắc trong NCKH ở mức 500.000đ là thấp nên chưa khuyến khích được SV tích cực tham gia (QĐ số 1366/QĐ-HVBC&TT ngày 11/03/2021). Khoa chưa định kì đối sánh kết quả NCKH của SV ngành học với SV nhiều ngành khác trong Học viện và đối sánh với SV cùng ngành của các trường đại học khác trong cả nước.

## *3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng*

Học viện nên có hướng dẫn chi tiết hơn về số lượng và các loại hình NCKH của SV như ngoài các loại hình đã quy định nên bổ sung thêm các loại hình khác như tham gia các đề tài NCKH của GV, thực hiện các dự án, công bố kết quả nghiên cứu, tham gia các cuộc thi ý tưởng sáng tạo, tham dự các cuộc thi NCKH SV các cấp...Nên điều chỉnh quy định về số lượng đề tài NCKH SV hằng năm theo hướng mở rộng và tăng kinh phí thưởng cho những đề tài có kết quả xuất sắc để khuyến khích được các lớp, các ngành có phong trào NCKH tốt. Định kì nên tổ chức các cuộc thi ý tưởng sáng tạo và khởi nghiệp trong SV ở cấp Khoa/Học viện. Cần quan tâm hơn đến hoạt động đối sánh kết quả NCKH của SV ngành học với SV các ngành đào tạo khác của Học viện và với SV cùng ngành của các trường đại học khác trong nước làm cơ sở cho những cải tiến để thúc đẩy hoạt động NCKH trong SV.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

***Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát***

## ***và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

### **1. Điểm mạnh**

Trung tâm KT&ĐBCLĐT được thành lập vào năm 2012 có nhiệm vụ chủ trì thực hiện hoạt động khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan và các ban/khoa là đơn vị phối hợp thực hiện (QĐ số 4237/QĐ-HVBC&TT ngày 30/9/2019). Để khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan, Học viện đã ban hành Quy chế lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng đào tạo (QĐ số 3901/QĐ-HVBC&TT ngày 31/8/2019). Theo đó, có 05 loại khảo sát là: Khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CTĐT; khảo sát ý kiến của SV về chất lượng giảng dạy học phần; khảo sát GV, NV và SV năm cuối, cựu SV, NTD về chất lượng đào tạo, khảo sát tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp...Phương pháp khảo sát tương đối đa dạng gồm khảo sát online qua phần mềm quản lý đào tạo, Google form, gửi phiếu khảo sát qua email, gửi phiếu khảo sát trực tiếp, gọi điện thoại. Kết quả mỗi đợt khảo sát đều được tổng hợp báo cáo lãnh đạo Học viện và gửi đến các đơn vị có liên quan để nghiên cứu xây dựng biện pháp cải tiến chất lượng. Ngoài việc khảo sát qua phiếu hỏi, Học viện còn thường niên tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo Học viện với SV để lắng nghe và giải quyết kịp thời những đề xuất của SV (thông báo số 1559/TB-HVBC&TT ngày 29/03/2021 về kết luận của Giám đốc Học viện tại buổi đối thoại với SV).

Minh chứng cho thấy, Học viện đã khảo sát sự hài lòng của SV về nội dung của CTĐT, về phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá, về hoạt động hỗ trợ người học; khảo sát cựu người học về CTĐT, về hoạt động hỗ trợ đào tạo và tư vấn hỗ trợ việc làm; khảo sát sự hài lòng của GV về các chính sách và cơ sở vật chất phục vụ cho công tác đào tạo và NCKH của GV; khảo sát sự hài lòng của NTD về nội dung CTĐT.

Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập và đối sánh sau mỗi đợt khảo sát như: Mức độ hài lòng của SV về phương pháp giảng dạy trong các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021 tương ứng là 52,9%, 91,5%, 75,9%, 83,2%, 93,1%, hài lòng về hoạt động hỗ trợ đào tạo là 56,1%, 87,1%, 83,2%, 80,9%, 87,2%; mức độ hài lòng của cựu người học khảo sát năm 2020, 2021 về hoạt động tư vấn hỗ trợ việc làm là 77,8% và 76,3%; mức độ hài lòng của NTD về chất lượng SV khảo sát năm 2020 là 85,3% về kiến thức chuyên ngành, 81,5% về kỹ năng chuyên ngành. Nhìn chung, mức độ hài lòng của SV về các lĩnh vực khảo sát có xu hướng tăng dần thể hiện Học viện đã có nhiều cải tiến để nâng cao chất lượng.

### **2. Điểm tồn tại**

Hồ sơ minh chứng chưa thể hiện rõ việc Khoa đã phân tích kỹ càng kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ, chưa thường niên đối sánh kết quả khảo sát với các CTĐT khác ở trong và ngoài Học viện để xây dựng các biện pháp cải tiến chất lượng. Khoa chưa thường niên khảo sát mức độ hài lòng của NTD, của GV đối với chất lượng SV tốt nghiệp. Hằng năm chưa tổ chức các hội nghị chuyên đề về công tác khảo sát sự

hài lòng của các BLQ để có những đánh giá về chất lượng, hiệu quả, độ tin cậy của công cụ và phương pháp khảo sát.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trung tâm KT&ĐBCLĐT cần cập nhật điều chỉnh bộ phiếu khảo sát để phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo trong mỗi năm học như bổ sung phần nêu các điểm hạn chế lớn của CTĐT trong phiếu khảo sát SV năm cuối. Cần đa dạng hình thức khảo sát mức độ hài lòng của NTD và của GV về chất lượng SV sau tốt nghiệp (như ngoài các hình thức đã thực hiện cần tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo); và khảo sát theo khóa SV tốt nghiệp để có thêm cơ sở dữ liệu phục vụ đánh giá mức độ đạt được CDR của CTĐT. Học viện/Khoa cần định kỳ tổ chức tổng kết đánh giá kết quả tác động của hoạt động khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan đến việc nâng cao chất lượng SV tốt nghiệp (như đánh giá độ tin cậy của kết quả khảo sát, đánh giá hiệu quả của phương pháp khảo sát, đánh giá tính hợp lý và khoa học của các phiếu khảo sát, đánh giá sự hợp lý của thời điểm tiến hành khảo sát trong năm, đánh giá mức độ cải tiến sau mỗi lần khảo sát...).

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

### ***Đánh giá chung về tiêu chuẩn 11:***

+ Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Tỷ lệ SV thôi học, tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và cập nhật hằng năm. Kết quả thống kê tỉ lệ SV thôi học, tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình đã được Học viện/Khoa phân tích, đối sánh với các CTĐT khác trong Học viện để cải tiến chất lượng. Công tác hỗ trợ, tư vấn hướng nghiệp giúp SV tìm kiếm việc làm sau tốt nghiệp được quan tâm thông qua kết nối với các cơ sở ngoài Học viện để gửi SV đi tham quan/thực tập, tìm kiếm và cập nhật thông tin tuyển dụng để thông báo cho SV. Hoạt động khảo sát việc làm và sự hài lòng của cựu người học được thực hiện khá tốt. Công tác NCKH của SV được quan tâm thông qua việc ban hành chính sách khuyến khích và cấp kinh phí để thực hiện đề tài NCKH SV cấp cơ sở. Hoạt động khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan được triển khai định kỳ hằng năm, có cải tiến về quy trình, phương thức khảo sát, công cụ khảo sát và kết quả khảo sát đã được Khoa và các đơn vị sử dụng tương đối hiệu quả để cải tiến chất lượng.

+ Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Học viện chưa có văn bản quy định chi tiết về công tác giám sát, thống kê tình hình SV thôi học, SV tốt nghiệp của các CTĐT theo khóa học. Tỉ lệ SV thôi học còn cao, trung bình là 16,7%. Tỉ lệ SV có việc làm đúng và phù hợp với ngành đào tạo chưa cao, trung bình chỉ đạt 30,5%. Công tác đối sánh tỉ lệ SV thôi học, tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình, tình trạng việc làm của SV, kết quả

NCKH của SV với SV cùng ngành của các trường đại học khác còn hạn chế.

+ Kiến nghị đối với CTĐT:

Học viện cần ban hành quy định về công tác giám sát, thống kê, phân tích đối sánh tỉ lệ SV thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và tính thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khóa đào tạo. Khoa cần đặc biệt quan tâm đến các giải pháp để giảm số SV thôi học và tăng tỉ lệ SV có việc làm phù hợp với ngành đào tạo. Đổi mới chính sách khuyến khích SV tham gia NCKH như tăng số lượng đề tài và tăng kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu. Hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá năng lực SV tốt nghiệp để từ đó thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của NTD, GV, cựu người học về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, trách nhiệm xã hội của SV sau tốt nghiệp làm cơ sở triển khai đánh giá mức độ đạt được CDR của CTĐT.

### **Phần III. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ**

#### **1. Kết luận:**

Đoàn ĐGN đã bỏ phiếu thống nhất kết quả đánh giá mức đạt của CTĐT ngành CNXHKKH:

- Số tiêu chí đạt mức 4 trở lên: 44 tiêu chí, đạt 88,00%;
- Số tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu: 11 tiêu chuẩn, đạt 100%;
- Đã có 42 khóa người học tốt nghiệp.

Chiếu theo khoản 1 (*Đã có ít nhất một khóa người học tốt nghiệp tại thời điểm hoàn thành báo cáo tự đánh giá*) và khoản 4 (*chương trình đào tạo có ít nhất 80% số tiêu chí đạt yêu cầu, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu theo kết quả đánh giá chất lượng giáo dục của Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục*) Điều 23 của Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 19/11/2013 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về qui trình và chu kỳ kiểm định chất lượng CTĐT của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp thì CTĐT ngành CNXHKKH của HVBC&TT giai đoạn 2017 - 2022 đủ điều kiện xét công nhận đạt đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

#### **2. Kiến nghị**

Đề nghị Trung tâm KĐCLGD-ĐHV tiến hành các thủ tục tiếp theo để xét công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cho CTĐT ngành CNXHKKH của HVBC&TT.

**PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM KĐCLGD**

**TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI**

**TS. Trần Đình Quang**

**PGS. TS. Bùi Duy Cam**

## **Phần IV. PHỤ LỤC**

Phụ lục 1. Giới thiệu tóm tắt về HVBC&TT

Phụ lục 2. Tóm tắt kết quả tự đánh giá của CTĐT CNXHKKH

Phụ lục 3. Quyết định thành lập Đoàn đánh giá ngoài

Phụ lục 4. Kế hoạch đánh giá ngoài

Phụ lục 5. Công văn phản hồi của HVBC&TT về Dự thảo báo cáo ĐGN

## Phụ lục 1.

### Giới thiệu tóm tắt về Học viện Báo chí và Tuyên truyền Khoa Chủ nghĩa Xã hội khoa học

#### 1. Giới thiệu tóm tắt về Học viện Báo chí và Tuyên truyền

HVBC&TT thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh được thành lập ngày 16 tháng 01 năm 1962 theo Nghị quyết số 36 NQ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa II. Ngày 20/11/1990, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ra Quyết định số 406 - HĐBT công nhận trường là trường Đại học. Từ thời điểm này, Học viện vừa là một trường Đảng trực thuộc Ban Bí thư Trung ương, đồng thời là trường đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân. Các hoạt động chuyên môn của Học viện đều được thực hiện theo quy chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Luật Giáo dục.

Sứ mệnh “NCKH, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lí luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.”

Tầm nhìn của HVBC&TT đến năm 2050: “trở thành cơ sở hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực lí luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông. Học viện không ngừng phấn đấu trở thành trường đại học có uy tín học thuật trong khu vực và trên thế giới... Học viện phấn đấu trở thành:

*Trường đại học là lựa chọn số một của sinh viên trong các ngành học thuộc lĩnh vực lí luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông*

*Trung tâm nghiên cứu trong lĩnh vực tư vấn chính sách, công tác tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông hàng đầu, nơi tập hợp đội ngũ chuyên gia đầu ngành có tầm ảnh hưởng trong nước và khu vực.*

*Trường đại học vận hành theo các tiêu chuẩn quốc tế, có tầm ảnh hưởng về báo chí và truyền thông ở khu vực Đông Nam Á trước năm 2030; cơ sở đào tạo và nghiên cứu báo chí và truyền thông có uy tín ở châu Á - Thái Bình Dương trước năm 2050.*

Các giá trị cốt lõi mà HVBC&TT cam kết bao gồm: *Đoàn kết, Dân chủ, Đổi mới, Chất lượng và Cống hiến.*

Triết lí giáo dục của HVBC&TT theo triết lí giáo dục của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Học để làm việc, làm người, làm CB. Học để phụng sự Đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại”.

Tính đến tháng 3/2022, Học viện có tổng số 386 CB GV, NV, trong đó có 28 Phó Giáo sư, 103 Tiến sĩ, 205 Thạc sĩ, 35 cử nhânS số lượng SV trình độ đại học hệ chính

quy của Học viện là 7557; số lượng nghiên cứu sinh là 129 và học viên cao học là 1134 học viên. Học viện có 20 ngành đào tạo trình độ đại học, 12 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 6 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.

Trong 5 năm (2017-2022) Học viện đã nghiệm thu 6 đề tài cấp Nhà nước, 19 đề tài cấp Bộ, 119 đề tài cấp cơ sở trọng điểm, 562 đề tài cấp cơ sở, và 159 đề tài NCKH của SV.

Về hợp tác quốc tế, Học viện đã ký kết văn bản ghi nhớ hợp tác với nhiều đối tác quốc tế, có thể kể đến như: Đại học Middlesex (Vương Quốc Anh), Đại học Tổng hợp Viên (Cộng hòa Áo), Khoa Khoa học chính trị - Đại học Thammasat - Bangkok (Thái Lan), Đại học Nữ sinh Sookmyung (Hàn Quốc) và Viện Thông tin văn hóa Lào thuộc Bộ Thông tin Văn hóa Lào.

Đảm bảo chất lượng, Từ năm 2015, Học viện đã thực hiện tự đánh giá chất lượng CSGD theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học được ban hành theo Thông tư số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2007. Đến năm 2018, Học viện thực hiện đánh giá đồng cấp và đạt chứng nhận kiểm định chất lượng CSGD. Cuối năm 2019, Học viện thành lập Hội đồng tự đánh giá và triển khai thực hiện tự đánh giá CTĐT đào tạo các ngành Triết học, Xã hội học, Quan hệ công chúng và Quan hệ quốc tế.

## **2. Giới thiệu về khoa CNXHKKH**

Khoa CNXHKKH trực thuộc HVBC&TT (vừa là trường Đảng, vừa là trường Đại học trọng điểm của quốc gia). Thời điểm hiện tại, tổng số CB GV cơ hữu của ngành CNXHKKH là 10 trong đó số lượng phó giáo sư là 2 (20%), tiến sĩ là 5 (50%); số GV đang làm nghiên cứu sinh là 2 (20%); số GV có trình độ ThS là 1 (chiếm 10%).

Đào tạo cử nhân ngành CNXHKKH cho các trường Đại học, Cao đẳng, các trường Chính trị tỉnh, thành phố, Trung tâm Giáo dục chính trị các Quận huyện, các trường Trung cấp và dạy nghề trong toàn quốc; Tham gia đào tạo cho các chuyên ngành trong toàn trường. Để thực hiện chức năng này, Khoa đã chủ trì giảng dạy 03 học phần đại cương (CNXHKKH, Lịch sử Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Lịch sử tư tưởng Việt Nam) cho các ngành và chuyên ngành đào tạo trong trường; chủ trì, giảng dạy 17 học phần thuộc chuyên ngành đào tạo cử nhân CNXHKKH.

Đào tạo thạc sĩ ngành CNXHKKH cho các trường Đại học, Cao đẳng, các trường Chính trị tỉnh, thành phố, Trung tâm Giáo dục chính trị các Quận huyện, các trường Trung cấp và dạy nghề trong toàn quốc.

Đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên, nâng cao trình độ lí luận chính trị cho đội ngũ CB, GV các trường Đại học, Cao đẳng, các trường Chính trị tỉnh, thành phố, Trung tâm Giáo dục chính trị các Quận huyện, các trường Trung cấp và dạy nghề trong toàn



quốc.

Các nội dung, CTĐT của khoa luôn được rà soát, cập nhật, nâng cao và bám sát thực tiễn phù hợp với ngành học và nhu cầu người học.

Nghiên cứu khoa học phục vụ nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng CB lĩnh vực công tác tư tưởng - văn hóa; nghiên cứu khoa học góp phần làm rõ những vấn đề lí luận và thực tiễn đang đặt ra trong quá trình xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ Quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa.

***Một số dữ liệu cơ bản của Khoa CNXHKH (tính đến 30/8/2022)***

*Giảng viên:*

Tổng số GV cơ hữu (người): 10

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số CB cơ hữu (%):

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 70%

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 30%

*NH:*

Tổng số người học chính quy (người): 160

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 16.0

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 68.62%

*Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:*

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 92.6%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 7.4%

*SV có việc làm trong/đầu tiên sau khi tốt nghiệp:*

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 73.33%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 26.67%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 5-10 triệu

*Đánh giá của NTD về SV tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:*

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 70.37%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 29.62%.

***NCKH, chuyển giao công nghệ và PVCĐ:***

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên CB cơ hữu: 2.0

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên CB cơ hữu: 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên CB cơ hữu: 1.97

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên CB cơ hữu: 7.95

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên CB cơ hữu: 4,85

***Cơ sở vật chất***

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,05

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 1,58

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy:  $8\text{m}^2/\text{SV}$

## **Phụ lục 2. Tóm tắt kết quả Tự đánh giá chương trình đào tạo**

Trong quá trình triển khai tự đánh giá CTĐT, Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành CNXHKKH căn cứ vào các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo để tiến hành xem xét, tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng của CTĐT. Thông qua quá trình đánh giá này, Khoa sẽ tự chỉ ra những mặt mạnh để tiếp tục phát huy và những mặt yếu cần khắc phục trong thời gian tới, từ đó đề ra các biện pháp điều chỉnh nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo đã đề ra cũng như nâng cao chất lượng đào tạo hơn nữa.

Nội dung đánh giá CTĐT ngành CNXHKKH được tiến hành theo đúng các nội dung tại các văn bản hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nội dung đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn liên quan đến CTĐT bao gồm: Mục tiêu và CDR của CTĐT; Bản mô tả CTĐT; Cấu trúc và nội dung CTDH; Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; Phương pháp đánh giá KQHT của người học; Chất lượng đội ngũ GV và nghiên cứu viên; Chất lượng đội ngũ CB hỗ trợ; Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học; CSVC và trang thiết bị; Nâng cao chất lượng đào tạo; và Kết quả đầu ra.

**Hội đồng tự đánh giá:** được thành lập theo Quyết định số 6867/QĐ-HVBCCTT ngày 1 tháng 12 năm 2021. Hội đồng gồm có 23 thành viên.

Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá còn có: Ban Thư ký gồm 15 thành viên và 7 nhóm công tác chuyên trách gồm 20 thành viên.

**Mục đích tự đánh giá:** Quá trình tự đánh giá giúp Khoa CNXHKKH tự xem xét, nghiên cứu tình trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, CSVC và những vấn đề liên quan khác... dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và nội dung thực hiện nhằm từng bước nâng cao chất lượng đào tạo ngành CNXHKKH và các mặt hoạt động khác.

**Phạm vi tự đánh giá:** Hoạt động tự đánh giá CTĐT ngành CNXHKKH thuộc Khoa CNXHKKH của HVBC&TT.

**Công cụ đánh giá:** Hoạt động tự đánh giá được thực hiện theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT gồm 11 tiêu chuẩn (trong đó có 50 tiêu chí) theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT, Hướng dẫn số 1074 và 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/06/2016 của Cục Khảo thí & Kiểm định CLGD; và công văn hướng dẫn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục & Đào tạo.

**Quy trình tự đánh giá:**

- Bước 1: Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá;
- Bước 2: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, ban thư ký, các nhóm công tác;
- Bước 3: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm;
- Bước 4: Thu thập thông tin và minh chứng;
- Bước 5: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;
- Bước 6: Viết báo cáo tự đánh giá;
- Bước 7: Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá tổng thể;
- Bước 8: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Khoa và Trường để đọc và góp ý kiến;
- Bước 9: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

**Kết quả TĐG có thể tóm tắt như sau:**

- + Số tiêu chí đạt mức 2: 0
  - + Số tiêu chí đạt mức 3: 0
  - + Số tiêu chí đạt mức 4: 2
  - + Số tiêu chí đạt mức 5: 48
  - + Số tiêu chí đạt mức 6: 0
  - + Số tiêu chí đạt mức 7: 0
- Số tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá từ mức đạt trở lên: 11 (100%);
- Số tiêu chuẩn có mức đánh giá trung bình đạt từ mức 4 trở lên: 11 (100%);
- Tỷ lệ số tiêu chí đạt (mức 4 trở lên): 100% (50 tiêu chí);
- Điểm trung bình chung: 4,96.

### Phụ lục 3. Quyết định thành lập Đoàn đánh giá ngoài

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG  
GIÁO DỤC - TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 511/QĐ-KĐCLV

Nghệ An, ngày 25 tháng 8 năm 2022

#### QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài chương trình đào tạo  
của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC  
- TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

*Căn cứ Thông tư số 61/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện thành lập và giải thể, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;*

*Căn cứ Quyết định số 4589/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh;*

*Căn cứ Quyết định số 1474/QĐ-BGDĐT ngày 17/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cấp phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đối với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh;*

*Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-KĐCLĐHV ngày 30/10/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh ban hành Quy định đối với kiểm định viên thực hiện đánh giá ngoài cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo;*

*Căn cứ Công văn số 3980-CV/HVBCTT ngày 22/8/2022 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền về việc phản hồi danh sách đoàn đánh giá ngoài CTĐT;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Đánh giá và Công nhận chất lượng giáo dục.*

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (Danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài có trách nhiệm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được nêu trong “*Quy định đối với kiểm định viên thực hiện đánh giá ngoài cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo*” ban hành theo Quyết định số 09/QĐ-KĐCLĐHV ngày 30/10/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh và hưởng các quyền lợi theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm.

**Điều 3.** Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các phòng chức năng, các ông, bà có tên tại Điều 1, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 2;
- Cục QLCL-Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Hiệu trưởng Trường ĐH Vinh (để b/c);
- Lưu: HC-DV, ĐGCN.



**DANH SÁCH ĐOÀN CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ NGOÀI  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC  
CỦA HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

*(Kèm theo Quyết định số: 511/QĐ-KĐCLV ngày 25 tháng 8 năm 2022  
của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)*

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Số thẻ/Chứng chỉ kiểm định viên</b>	<b>Chức vụ trong Đoàn</b>
<b>I</b>	<b>Chuyên gia</b>		
1	PGS.TS. Bùi Duy Cam	2017.01.244	Trưởng đoàn
2	TS. Phan Hùng Thư	2017.01.323	Thư ký
3	TS. Trần Đình Quang	2017.01.313	Thành viên thường trực
4	PGS.TS. Nguyễn Thái An	2016.01.137	Thành viên
5	PGS.TS. Phan Văn Hiếu	2014.02.071	Thành viên
6	TS. Lê Huy Tùng	2014.1.052	Thành viên
7	TS. Nguyễn Văn Trung	2017.01.332	Thành viên
<b>II</b>	<b>Giám sát</b>		
8	ThS. Nguyễn Thị Minh	KĐV-VNU0701	Giám sát viên

Ấn định danh sách gồm 08 người.

**Phụ lục 4. Lịch trình Đánh giá ngoài**

**TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG  
GIÁO DỤC - TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI 04 CTĐT CỦA  
HỌC VIỆN BÁO CHÍ TUYÊN TRUYỀN**

**KẾ HOẠCH KHẢO SÁT CHÍNH THỨC  
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

- 1. Chủ nghĩa xã hội khoa học**
- 2. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam**
- 3. Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước**
- 4. Kinh tế chính trị**

Thời gian: từ ngày 07/10/2022 đến ngày 11/10/2022

Địa điểm: Học viện Báo chí tuyên truyền

Địa chỉ: Số 36, đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Thời gian	Nội dung	Đối tượng, thành phần, địa điểm làm việc			
		CNXHKH	LSDCSVN	XDD&CQ NN	KTCT
<b>Ngày làm việc thứ nhất (Thứ Sáu, ngày 07 tháng 10 năm 2022)</b>					
8:00 - 8:30	Họp đoàn, Trưởng đoàn phân công nhiệm vụ cho các thành viên	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			
8:30 - 10:30	Đoàn làm việc nội bộ				
10:30 - 12:00	Khai mạc Khảo sát chính thức (Có chương trình chi tiết kèm theo)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đoàn chuyên gia ĐGN;</li> <li>- Đại diện Lãnh đạo Trung tâm KĐCLGD - Trường ĐH Vinh;</li> <li>- Lãnh đạo Học viện;</li> <li>- Lãnh đạo Khoa có CTĐT được đánh giá;</li> <li>- Các Hội đồng Tự đánh giá;</li> <li>- CB, giảng viên, sinh viên các ngành có CTĐT được đánh giá (do Nhà trường điều động).</li> </ul> <p align="center">(Hội trường)</p>			
12:00 - 13:30	Nghỉ trưa				
13:30 - 14:00	Đoàn nghiên cứu hồ sơ minh chứng và làm việc trực tiếp với CB phụ trách các mảng của CTĐT: Đào tạo, Khảo thí; CTSV, ĐBCL, TTrGD; NCKH, Tài chính, Tuyển	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn) (CB Nhà trường làm việc bình thường, khi Đoàn cần, có mặt sau 15 phút)			



	sinh, Hợp tác doanh nghiệp, Quản trị, Thư viện, CNTT...				
14:00 - 17:00	Quan sát thực tế văn phòng bộ môn; phòng học, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, phòng máy tính và phòng tư liệu các khoa phụ trách 04 CTĐT.	Nhóm 1			
	Quan sát thực tế thư viện, y tế, phòng làm việc các phòng, ban chức năng liên quan, khuôn viên nhà trường và cơ sở vật chất khác.	Nhóm 2			
17:00 - 17:30	- Đoàn làm việc nội bộ; - CB, giảng viên, nhân viên, sinh viên tự do tiếp xúc với Đoàn (nếu có nhu cầu)	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			
<b>Ngày làm việc thứ hai (Thứ Bảy, ngày 08 tháng 10 năm 2022)</b>					
8:00 – 11:00	Đoàn nghiên cứu hồ sơ minh chứng và làm việc trực tiếp với CB phụ trách các mảng: Đào tạo, Khảo thí; CTSV, ĐBCL, TTrGD; NCKH, Tài chính, Tuyển sinh, Hợp tác doanh nghiệp, Quản trị, Thư viện, CNTT...	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn) (CB Nhà trường làm việc bình thường, khi Đoàn cần, có mặt sau 15 phút)			
11:00 – 12:00	Đoàn làm việc nội bộ (Hợp đoàn)	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			
12:00 - 13:30	<i>Nghỉ trưa</i>				
		<b>CNXHKH</b>	<b>LSDCSVN</b>	<b>XDD&amp;CQ NN</b>	<b>KTCT</b>
13:30 - 14:30	Phòng vấn nhóm Phụ trách chuyên môn (Trưởng/ phó Khoa, trưởng/ phó Bộ môn phụ trách chuyên môn CTĐT được đánh giá)	Phòng PV1	Phòng PV2	Phòng PV3	Phòng PV4
14:30 -14:45	Đoàn hội ý chuyên môn	Phòng hội ý			
14:45 - 15:45	Phòng vấn nhóm CB hỗ trợ và CB Đoàn thể của cả 04 CTĐT	Phòng PV 04			
15:45 - 16:00	Đoàn hội ý chuyên môn	Phòng hội ý			
16:00 - 17:00	Phòng vấn nhóm Giảng viên	Phòng PV1	Phòng PV2	Phòng PV3	Phòng PV4
17:00 - 17:30	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			

<b>Ngày làm việc thứ ba (Chủ Nhật ngày 09 tháng 10 năm 2022)</b>					
8:00 - 9:00	Phòng vấn nhóm Nhà sử dụng lao động theo từng CTĐT	Phòng PV1	Phòng PV2	Phòng PV3	Phòng PV4
9:00 - 9:15	Đoàn hội ý chuyên môn	Phòng hội ý			
9:15 - 10:15	Phòng vấn nhóm Cựu sinh viên	Phòng PV1	Phòng PV2	Phòng PV3	Phòng PV4
10:15 - 10:30	Đoàn hội ý chuyên môn	Phòng hội ý			
10:30 - 11:30	Phòng vấn nhóm Sinh viên	Phòng PV1	Phòng PV2	Phòng PV3	Phòng PV4
8:00 - 12:00	<i>Phòng vấn qua điện thoại tình hình SV tốt nghiệp năm 2020 và 2021</i>	<i>Các phòng PV có lắp điện thoại</i>			
12:00 - 13:30	<i>Nghỉ trưa</i>				
13:30 - 16:00	Đoàn nghiên cứu hồ sơ minh chứng và làm việc trực tiếp với CB phụ trách các mảng của CTĐT: Đào tạo, Khảo thí; CTSV, ĐBCL, TTrGD; NCKH, Tài chính, Tuyển sinh, Hợp tác doanh nghiệp, Quản trị, Thư viện, CNTT...	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn) <i>(CB Nhà trường làm việc bình thường, khi Đoàn cần, có mặt sau 15 phút)</i>			
16:00 - 17:30	Đoàn làm việc nội bộ (Họp đoàn)	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			
<b>Ngày làm việc thứ 4 (Thứ 2, ngày 10 tháng 10 năm 2022)</b>					
8:00 - 10:00	Các thành viên trình bày báo cáo kết quả đánh giá theo công việc được phân công	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			
	Thảo luận về những điểm cần làm rõ trong kết quả đánh giá của các thành viên				
10:00 - 11:30	Đoàn làm việc với Lãnh đạo Học viện và Lãnh đạo Khoa có CTĐT được đánh giá	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đoàn chuyên gia ĐGN;</li> <li>- Lãnh đạo Học viện;</li> <li>- Lãnh đạo các Khoa có CTĐT được đánh giá;</li> <li>- Hội đồng tự đánh giá.</li> </ul> (Phòng họp)			
11:30 - 12:00	Đoàn làm việc nội bộ	Phòng làm việc của Đoàn			
12:00 - 13:30	<i>Nghỉ trưa</i>				
13:30 - 15:30	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các thành viên chuẩn bị slide báo cáo sơ bộ kết quả đánh giá các tiêu chuẩn được phân công;</li> <li>- Trưởng đoàn tổng hợp báo</li> </ul>	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			

	cáo kết quả đánh giá sơ bộ; - Thư kí tổng hợp Dự thảo Biên bản kết thúc đợt khảo sát chính thức.	
15:30 - 17:00	Các thành viên hoàn thiện báo cáo kết quả đánh giá theo Phụ lục 14, 15.	
17:00 - 17:30	- Đoàn làm việc nội bộ; - CB, giảng viên, nhân viên, sinh viên tự do tiếp xúc với Đoàn ( <i>nếu có nhu cầu</i> )	
<b>Ngày làm việc thứ năm (Thứ Ba ngày 11 tháng 10 năm 2022)</b>		
8:00 - 8:30	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)
8:30 - 11:30	Bế mạc đợt khảo sát chính thức ( <i>có chương trình chi tiết kèm theo</i> )	- Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài; - Đại diện lãnh đạo Trung tâm KĐCLGD-ĐHV; - Lãnh đạo Học viện; - Lãnh đạo các Khoa có CTĐT được đánh giá;
11:30 - 12:00	Kí biên bản hoàn thành đợt khảo sát chính thức giữa Đoàn ĐGN, Học viện BCTT và Trung tâm KĐCLGD-Trường ĐHV.	- Các Hội đồng Tự đánh giá; - Đại diện các đơn vị trong Học viện; - Đại diện CB, giảng viên, sinh viên các ngành có CTĐT được đánh giá. (Hội trường)

-Hết-

**Phụ lục 5.**

**Công văn phản hồi của Học viện Báo chí và Tuyên truyền về Dự thảo báo cáo  
Đánh giá ngoài**

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA  
HỒ CHÍ MINH  
**HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

Số: 6018 /CV-HVBCTT  
v/v phản hồi về dự thảo báo cáo  
đánh giá ngoài cấp CTĐT

*Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2022*

Kính gửi: - Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Trường Đại học Vinh;  
- Đoàn Đánh giá ngoài 04 Chương trình đào tạo các ngành Chủ  
nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Xây  
dựng Đảng, Kinh tế chính trị.

Căn cứ trên công văn số 543/KĐCLV của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất  
lượng giáo dục Trường Đại học Vinh ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc gửi dự thảo  
Báo cáo đánh giá ngoài 04 chương trình đào tạo các ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học,  
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, Kinh tế  
chính trị, Nhà trường có ý kiến phản hồi như sau:

Đoàn chuyên gia đã triển khai các hoạt động đánh giá ngoài đúng qui trình, đảm  
bảo tính chính xác, khách quan, trung thực, công bằng, độc lập và dựa vào các minh  
chứng cụ thể của Nhà trường.

Học viện Báo chí và Tuyên truyền đồng ý với kết quả đánh giá của Đoàn  
chuyên gia đánh giá ngoài (trong 04 Dự thảo Báo cáo Đánh giá ngoài) của 04 chương  
trình đào tạo nêu trên.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu: VT, TTKT&ĐBCLĐT.



**Trần Thanh Giang**